Lý Thường Kiệt

Nam quốc sơn hà

Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Sông núi nước Nam, vua Nam ở,
Rành rành định phận tại sách trời.
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm?
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời!

MỤC LỤC

Tựa đề	Trang
Bài thơ Nam Quốc Sơn Hà	1
Mục lục	2
Lời mở đầu	3 - 4
Bài học 1: Sông Cửu Long	5 - 11
Bài học 2: Hát vọng cổ	12 - 18
Bài học 3: Công chúa Huyền Trân	19 - 26
Bài học 4: Việt Nam Cộng Hòa	27 - 33
Bài học 5: Đạo hiếu	34 - 40
Bài học 6: Vịnh Hạ Long	41 - 47
Bài học 7: Kháng chiến Lam Sơn	48 - 55
Bài học 8: Nước mắm	56 - 62
Bài học 9: Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa	63 - 69
Bài học 10: Thờ cúng tổ tiên	70 - 76
Bài học 11: Sông Hồng	77 - 83
Bài học 12: Vua Lê Thái Tổ	84 – 93
Bài học 13: Ca dao	94 - 100
Bài học 14: Giỗ tổ Hùng Vương	101 - 108
Bài học 15: Tây nguyên	109 - 115
Bài học 16: Nguyễn Trãi	116 - 125
Bài học 17: Tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam	126 - 133
Bài học 18: Học Tiếng Việt là cần thiết	134 – 140
Bài kiểm và bài thi	141 – 159
Quốc kỳ và quốc ca Việt Nam	160

Lớp 7

Lời Mở Đầu

Bảo tồn tiếng Việt luôn luôn là mối ưu tư cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Bảo tồn tiếng Việt không chỉ là bảo tồn một thứ ngôn ngữ mà là bảo tồn các giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam.

Đặt căn bản trên tinh thần đó, ban biên soạn xin giới thiệu với quý thầy cô dạy Việt ngữ khắp nơi và quý vị phụ huynh một bộ sách Việt ngữ, để mong đóng góp phần nào vào công việc dạy ngôn ngữ và các giá trị của văn hóa Việt Nam cho con em chúng ta ở hải ngoại.

Bộ sách được viết dựa trên các nguyên tắc tổng quát như sau:

1. Dành cho các em học sinh sinh trưởng trong gia đình Việt Nam ở hải ngoại với tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai.

2. Những bài học mang nội dung giới thiệu văn hóa Việt Nam, kiến thức tổng quát thích ứng với sự suy nghĩ và sinh hoạt của các em hải ngoại và xây dựng một nguồn ngữ vựng phong phú giúp cho các em tiến triển hơn trong việc nói và viết tiếng Việt.

4. Tiến trình dạy học của bộ sách đi từ dễ tới khó. Phương pháp áp dụng là lặp đi lặp lại nhiều lần. Khi hoàn tất chương trình học, học sinh có thể đọc sách, báo, và viết được một bài văn trung bình.

5. Các bài tập đọc từ lớp 1 trở lên dựa trên những chủ đề về lịch sử, đạo đức, quê hương và kiến thức tổng quát.

6. Để giúp cho thầy cô đỡ mất thì giờ. Ban biên soạn đã soạn sẵn bài kiểm và bài thi. Sau mỗi 3 bài học thì có 1 bài kiểm. Sau nửa số bài của quyển sách có 1 bài thi. Tất cả được đặt ở phần cuối quyển sách.

Mục đích chính của chúng tôi khi soạn bộ sách này là để góp phần vào công việc dạy Việt ngữ ở hải ngoại. Vì vậy, ban biên soạn không giữ lại bản quyền mà chỉ mong bộ sách được nhiều trường học dùng. Nếu bộ sách có những sai sót thì xin thứ lỗi và cho chúng tôi biết để sửa chữa.

Trân trọng,
Ban biên soạn
Trần Văn Minh
Đinh Ngọc Thu
Orange County, California – tháng 9, 2012
Mọi thắc mắc hay ý kiến xin gửi về điện thư: tranvminh77@gmail.com

Lớp 7
Vài lưu ý về việc dạy Lớp Bảy

Lớp Bảy được soạn với ý tưởng là cuốn sách cuối cùng của chương trình Việt ngữ trong cộng đồng Việt Nam. Vì thế các đề tài của bài tập đọc thiên về những chủ đề trưởng thành hơn, và dĩ nhiên độ dài của bài cũng dài hơn. Các đề tài mang tính cách chính trị như lá cờ vàng, nhân quyền được mang vào với mục đích cho học sinh hiểu quan điểm của người Việt Quốc gia, đồng thời giúp phổ biến tình yêu nước Việt Nam. Học sinh cỡ tuổi này đã có đủ trình độ hiểu biết để cảm thông với những vấn đề nhân bản. Ngoài ra, tác giả cũng mong muốn học sinh có ít hành trang về tinh thần dân tộc để sau này luôn gắn bó với văn hóa và quê hương Việt Nam.

Về viết văn, học sinh lớp 7 nên tiếp tục viết văn đều đặn vì điểm quan trọng của viết văn là vấn đề thực tập, càng thực tập nhiều thì càng viết khá hơn. Phương pháp viết văn có hiệu quả nhất là viết tự do, viết theo sự suy nghĩ, cảm tưởng của mình. Dần dần sẽ quen và trở nên điêu luyện hơn.

Phần phân biệt ý nghĩa trở nên dài hơn và nhiều ngữ vựng hơn lớp 6. Học sinh nên học kỹ để hiểu và biết cách dùng từ ngữ cho thích hợp.

Các bài lịch sử được soạn theo thời gian của lịch sử và dừng lại với Nguyễn Trãi vì không đủ chỗ để bao gồm nguyên bộ sử Việt Nam vào bộ sách. Tuy nhiên, bộ sách không nhằm vào việc dạy sử mà chỉ nêu lên những anh hùng dân tộc đã có công đánh đuổi giặc ngoại xâm để nêu cao lòng yêu nước, và nói lên niềm tự hào của một dân tộc nằm sát cạnh một dân tộc khổng lồ nhưng vẫn không bị thôn tính.

Công việc dạy Việt ngữ trong cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại không hẳn chỉ là dạy ngôn ngữ mà là một công việc giáo dục. Chúng ta muốn con em chúng ta biết nói tiếng Việt, biết hành xử lễ phép, và hiểu văn hóa Việt cũng như cảm thông với người dân Việt ở khắp nơi; nhất là những người còn đang sống cuộc sống nghèo khổ, mất tự do ở quê nhà. Để một ngày nào đó, các em sẽ đóng góp một bàn tay xây dựng quê hương Việt Nam tươi đẹp hơn.

Ban biên soạn xin trân trọng cám ơn quý trường học, quý thầy cô đã dùng bộ sách này.

Trân trọng,

Ban biên soạn

Lớp 7
Bài học 1

A. Tập đọc và viết chính tả

Sông Cửu Long

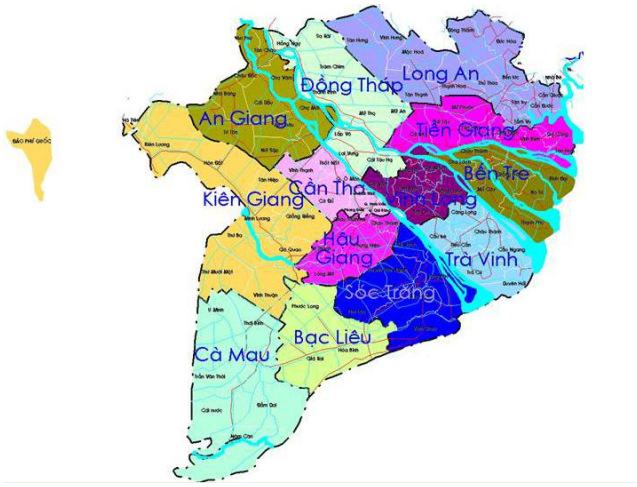

Sông Cửu Long là **mạch sống** của **nền nông nghiệp** Miền Nam với **năng suất** lúa gạo đứng đầu cả nước. Sông Cửu Long có tên quốc tế là Sông Mê Kông. Sông bắt nguồn từ Tây Tạng, chảy trên đoạn đường dài 4,200 ki-lô-mét qua các nước Trung Hoa, Miến Điện, Lào, Thái Lan, Cam Bốt và Việt Nam.

Sông Mê Kông chảy tới Nam Vang thì chia làm hai nhánh là Tiền Giang bên trái và Hậu Giang bên phải chảy vào Việt Nam. Tiền Giang chảy ra biển bằng sáu cửa. Hậu Giang chảy ra biển bằng ba cửa. Vì chảy ra biển bằng chín cửa nên phần Sông Mê Kông chảy qua Miền Nam Việt Nam được gọi là Sông Cửu Long. Tuy nhiên, ngày nay, Sông Cửu Long chỉ còn 7 cửa chảy ra biển. Hai cửa bị chặn gồm một cửa thuộc Sông Hậu bị đất phù sa bồi đắp, và một cửa thuộc Sông Tiền bị làm đập để ngăn nước mặn.

Sông Cửu Long tạo nên vùng đất bồi rộng lớn cho Miền Nam là đồng bằng sông Cửu Long và thường được gọi tắt là Miền Tây. Từ Sông Tiền và Sông Hậu đã đẻ ra vô số **sông rạch** và kinh đào nhân tạo, làm thành mạng lưới giao thông chính của Miền Tây.

Miền Tây gồm có 13 tỉnh và thành phố thương mại chính là Cần Thơ nằm bên phải Sông Hậu.

Sông Cửu Long cũng tạo nên những vùng nước ngập có **hệ sinh thái** đặc biệt với nhiều giống chim, cá và thực vật là Đồng Tháp Mười, tứ

giác Long Xuyên, Hà Tiên và bán đảo Cà Mau.

Sông Cửu Long đã tạo nên một **sắc thái** sinh hoạt đặc thù của Miền Tây. Câu nói "về Miền Tây" quen thuộc làm ta mường tượng tới cảnh sông nước của bến Ninh Kiều, chợ nổi Cái Răng ở Cần Thơ, rừng **tràm** và lễ hội ở Châu Đốc hay thạch động ở Hà Tiên. Đó là chưa kể đủ loại trái cây được bày bán ở những **chợ nổi** trên sông.

Ngữ vựng:

mạch sống: *(life source)* nguồn sống, yếu tố cần thiết tạo nên sự sống

nền nông nghiệp: *(agriculture)* ngành sản xuất về mọi thứ ngũ cốc (kê, đậu, bắp, lúa tẻ, lúa nếp), rau trái

năng suất: *(output)* số lượng sản xuất

sông rạch: sông là đường nước lớn, rạch là đường nước nhỏ hay phụ. Sông rạch là danh từ dùng để chỉ tất cả sông lớn bé và những đường nước nhỏ.

hệ sinh thái: *(ecology)* sự hỗ tương giữa sinh vật và môi trường sống

sắc thái: *(aspect)* điểm khác biệt với những thứ khác

tràm: loại cây mọc ở những vùng **đất phèn** có nhiều nước. Cây tràm giúp làm thuần đất. Rừng tràm ở Việt Nam có nhiều ở những cửa sông hay vùng đất bồi *(**đất phèn** thường có ở cửa sông do sự hỗn hợp giữa phù sa và nước biển. Đất phèn có nồng độ a-xít (sulfuric acid) cao không thích hợp với những cây trái thông thường như cây lúa).*

chợ nổi: Chợ với hàng quán là những con thuyền họp trên sông. Vì ít đường sá nhưng nhiều sông ngòi, nên di chuyển bằng thuyền bè là phương tiện chính của người dân Miền Tây.

B. Trả lời câu hỏi

1. Tên quốc tế của Sông Cửu Long là gì?

_____

2. Sông Cửu Long bắt nguồn từ đâu và chảy qua những nước nào?

_____

_____

3. Sông Cửu Long chảy vào Việt Nam và ra biển thế nào?

_____

_____

4. Thành phố lớn nhất Miền Tây là gì và nằm bên bờ sông gì?

_____

_____

5. Miền Tây có những thắng cảnh đặc biệt gì? Hãy kể 3 nơi.

_____

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

mạch

lúa mạch *(rye)*; **kẹo mạch nha** (kẹo dẻo được làm từ hạt lúa mạch vừa nảy mầm)

động mạch *(artery)*: mạch máu dẫn máu từ tim đi khắp cơ thể

tĩnh mạch *(vein)*: mạch máu dẫn máu từ các bộ phận cơ thể về tim

huyết mạch, mạch máu *(blood vessel)*; **bắt mạch, chẩn mạch, coi mạch** *(to feel the pulse)*
mạch nước: đường nước ngầm dưới đất
mạch điện: dây dẫn điện giữa các bộ phận trong máy
mạch lạc: (trình bày) rõ ràng, hợp lý, có thứ tự

nông: làm ruộng
nông dân, nông phu *(farmer)*
nông nghiệp, canh nông *(agriculture)*: nền nông nghiệp; phát triển nông nghiệp; kỹ sư canh nông
nông phẩm *(farm produce):* sản phẩm nông nghiệp; giá nông phẩm lên cao
nông gia: nhà nông; cấy cầy vốn nghiệp nông gia
nông cụ: dụng cụ để làm nghề nông; nhà kho chứa nông cụ; sắm sửa nông cụ mới; nông cụ thiếu thốn
nông thôn *(rural)*: đời sống nông thôn; quê tôi ở vùng nông thôn rất xa thành thị.

nông: có chiều sâu ngắn *(shallow),* (kiến thức) không sâu sắc
nông cạn: (hiểu biết) không sâu sắc; có ý nghĩ nông cạn
nông nổi: thiếu suy nghĩ, bồng bột

suất: tỷ số
áp suất *(pressure)*; **lãi suất** *(interest rate)*; **năng suất** *(efficiency, productivity)*
sơ suất, khinh suất *(negligent)*

xuất: ra
xuất hiện *(to appear)*; **xuất bản** *(to publish)*; **xuất cảng** *(to export)*
xuất gia *(to leave one's home to study to become a Buddhist monk)*
xuất phát *(to start)*

Lớp 7

xuất thân *(to begin life as…, for example: a soldier, laborer, engineer…)*
sản xuất *(to produce):* nhà máy sản xuất giấy
diễn xuất *(to act, to perform)*
trục xuất *(to expel, to deport):* trục xuất về nước
xuất sắc *(exceptional):* giải thưởng xuất sắc; học sinh xuất sắc

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ cho sẵn)

1. (mạch lạc) _____

_____

2. (động mạch) _____

_____

3. (nông nghiệp) _____

_____

4. (nông cạn) _____

_____

5. (lãi suất) _____

_____

6. (sơ suất) _____

_____

7. (xuất thân) _____

_____

8. (diễn xuất) _____

_____

9. (sản xuất) _____

_____

10. (xuất hiện) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu chấm

1. Được đặt ở cuối câu để chấm dứt một câu:

Thí dụ: - Nhà cửa ở đây trông có vẻ cũ kỹ.

- Hãy cố gắng đi một đoạn nữa rồi chúng ta sẽ nghỉ chân.

2. Được đặt sau một câu yêu cầu:

Thí dụ: - Làm ơn cho xin chữ ký để ủng hộ dự luật xây thêm trường học.

- Xin hãy cùng đứng dậy để làm lễ chào quốc kỳ.

3. Đặt dấu chấm sau chữ viết tắt:

Thí dụ: - G.S. Trần Bình Tâm, T.S. Nguyễn Phước An, B.S. Phạm Văn Bảo

Đặt câu đầy đủ với việc dùng dấu chấm cho các trường hợp kể trên:

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

5. (trường hợp 3) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Một bài luận văn gồm 3 phần: nhập đề, thân bài và kết luận.

1. Phần nhập đề là một đoạn văn giới thiệu về chủ đề của bài viết. Phần nhập đề có thể chỉ ngắn khoảng chừng 3, 4 câu hay dài hơn tùy theo ý tưởng của người viết.

2. Thân bài bao gồm nhiều đoạn văn diễn giải chi tiết về chủ đề. Số đoạn văn tùy sự chọn lựa và sắp xếp của người viết. Mỗi đoạn văn thường nói về một tiểu chủ đề riêng biệt (một phần của chủ đề tổng quát của toàn bài).

3. Kết luận là một đoạn văn để tổng kết và nói lên mục đích của bài viết, ý định của người viết hay một kết luận mà người viết muốn dẫn tới.

Đề tài bài luận văn:

Hãy viết về tiểu sử (autobiography) của mình.

Lớp 7
Bài học 2

A. Tập đọc và viết chính tả

Hát Vọng Cổ

Hát vọng cổ là một lối hát **đặc thù** của người dân Miền Nam. Vào **thập niên** 1920 ở vùng **Bạc Liêu**, một vị sư với **pháp danh** Nguyệt Chiếu đã **sáng tác** một bài thơ có tên Dạ Cổ Hoài Lang; nghĩa là nghe tiếng trống đêm khuya nhớ chồng. Mấy câu đầu của bài thơ như sau:

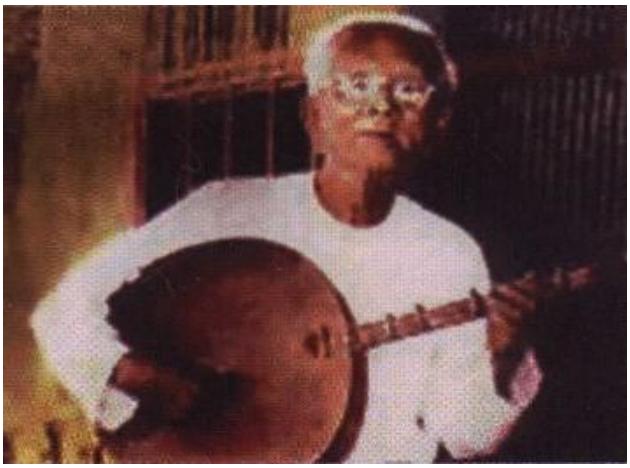

Nhạc sĩ Cao Văn Lầu

Từ phu tướng,
Báu kiếm sắc phong lên đàng,
Vào ra luống trông tin chàng,
Thêm đau gan vàng,
Trông tin chàng,
Gan vàng thêm đau!
…

Sau đó, một nhạc sĩ có tiếng là ông Cao Văn Lầu; còn gọi là Sáu Lầu, đem bài thơ ra **phổ nhạc**. Rồi thầy Năm Tú ở Mỹ Tho đưa **bản** nhạc này lên sân khấu. Bản nhạc tiếp tục được truyền đi và trình diễn trong những **tuồng cải lương**. Bài hát được thay đổi theo thời gian và tên Dạ Cổ Hoài Lang của bài hát dần dần đổi thành Vọng Cổ Hoài Lang. Cuối cùng lối hát này được gọi chung là **vọng cổ**.

Lối hát vọng cổ mang âm hưởng dân ca, tình cảm **tha thiết**, thích hợp với người dân Miền Nam nên chẳng mấy chốc đã được **phổ biến** khắp nơi và được sửa đổi trở nên phức tạp và hay hơn.

Bản Dạ Cổ Hoài Lang ban đầu có 20 câu ngắn và mỗi câu chỉ có 2 nhịp. Tới nay, một bản vọng cổ thường có 6 câu dài và

mỗi câu có tới 32 nhịp; vì thế có tên "sáu câu vọng cổ." Một điểm đặc sắc trong lối hát vọng cổ là khi người ca sĩ hạ giọng xuống phần mùi mẫn thì tất cả **khán giả** đều vỗ tay tán thưởng.

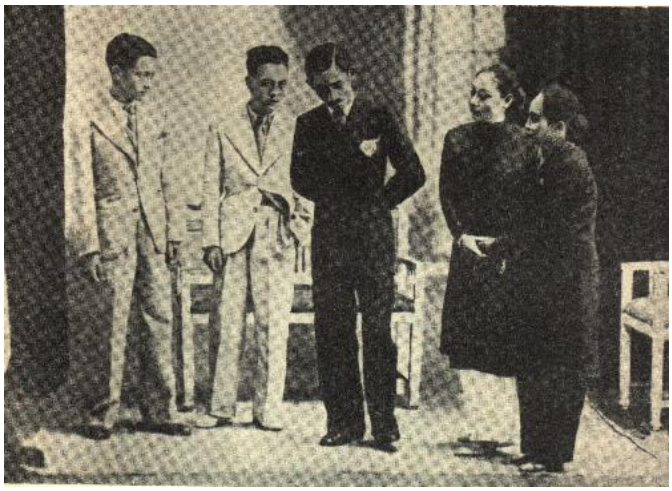

Từ Anh, Năm Châu, Tư Út, Phùng Há, Ba Liên trong tuồng Khúc Oan Vô Lượng của gánh Trần Đắc (Cần Thơ) vào năm 1931

Từ ngày lối **trình diễn** sân khấu cải lương ra đời, vọng cổ đã trở thành dòng nhạc chính cho những tuồng **ca kịch** như Tô Ánh Nguyệt, Tôn Tẩn Giả Điên, Lá Sầu Riêng.

Trong sinh hoạt dân gian Miền Nam, ca vọng cổ luôn là phần không thể thiếu trong những bữa tiệc tùng hay đình đám; và vài ba người cũng có thể tụ họp để cùng vui ca vọng cổ với nhau.

Ngữ vựng:

đặc thù: *(characteristic, special)* mang tính chất riêng biệt đáng chú ý

thập niên: mười năm. Thập niên 1920 có nghĩa là những năm 1920 tới 1929.

Bạc Liêu: tỉnh duyên hải thuộc đồng bằng Sông Cửu Long, nằm giáp ranh phía bắc Tỉnh Cà Mau.

pháp danh: tên hiệu cho người quy y theo đạo Phật. Quy y là nghi thức thề hứa theo pháp môn nhà Phật, giữ mọi giới luật. Quy y là chính thức làm đệ tử Phật.

sáng tác: *(to compose, to create)* làm ra một chuyện mới

phổ nhạc: dùng lời có sẵn để làm bản nhạc

bản nhạc: người ta dùng chữ "bản nhạc" nhạc chứ không dùng "bài nhạc" cho một bài hát vọng cổ, như là "bản vọng cổ"

tuồng cải lương: một vở ca kịch với lối diễn xuất như nhạc kịch của Tây Phương. Cải lương là lối diễn xuất "sửa đổi cho tốt hơn." Một tuồng cải lương có thể bao gồm nhiều thể loại ca, có khi thêm tân nhạc gọi là tân cổ giao duyên.

tha thiết: *(earnestly)* tự đáy lòng, đầy cảm xúc

Lớp 7

phổ biến: *(to spread)* làm cho lan rộng ra
khán giả: *(audience)* người xem trong một buổi trình diễn
trình diễn: *(to perform)* biểu diễn trên sân khấu
ca kịch: tuồng cải lương được gọi là ca kịch khi các lời đối thoại trong vở kịch được phổ nhạc thay vì nói.

B. Trả lời câu hỏi

1. Vọng cổ bắt nguồn từ miền nào của Việt Nam?

_____

2. Lối hát vọng cổ bắt đầu từ bài hát gì? Do ai sáng tác?

_____

_____

3. Ai đã phổ nhạc bản vọng cổ đầu tiên?

_____

4. Sự khác biệt của bản vọng cổ xưa và nay thế nào?

_____

_____

5. Tại sao vọng cổ được dân chúng Miền Nam yêu thích?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

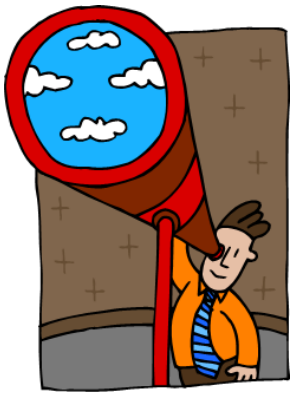

vọng: nhìn ra nơi xa, tưởng nhớ, mong chờ
viễn vọng kính *(telescope)*
vọng cố hương: nhớ về quê hương mình
vọng cổ, vọng ngoại, vọng phu (trông nhớ chồng)
hy vọng *(hope)*; **ước vọng** *(to wish)*

Lớp 7

tham vọng *(ambition)*; **khát vọng** *(to long for)*
danh vọng *(fame, reputation, celebrity)*; thèm muốn danh vọng
vọng gác, vọng canh *(watch tower)*: chòi canh gác, quan sát
vọng: đưa từ xa lại; tiếng chuông nhà thờ từ xa vọng lại; tiếng nhạc ầm ỹ từ trong nhà vọng ra
đặc *(thick, strong, condensed)*
sữa đặc *(condensed milk)*; trà đặc *(strong tea)*; cháo đặc: cháo với ít nước; hội trường dày đặc người; trái dưa hấu đặc ruột; nói đặc giọng nhà quê; **điếc đặc:** hoàn toàn không nghe thấy; **đặc quẹo**: rất đặc
đặc quyền *(privilege)*: quyền đặc biệt
đặc san: tạp chí đặc biệt chuyên về một chủ đề nào đó
đặc sản: sản vật hiếm quý của một địa phương; nón bài thơ là đặc sản của Huế
đặc sắc: có tính chất riêng nổi bật; màn vũ thật đặc sắc
đặc tính *(characteristic):* tính chất riêng biệt; đặc tính của loại chó này là sủa nhiều.

sáng *(bright, brilliant);*
sáng lòa, sáng lóe, sáng láng: rất sáng; **sáng rực** *(shining brightly)*;
sáng trưng: sáng đến thấy rõ mọi thứ; sáng như ban ngày; bật đèn sáng
sáng sủa: nhà cửa sáng sủa; mặt mũi sáng sủa; bài viết sáng sủa
buổi sáng *(morning)*; thức dậy từ sáng sớm; làm việc từ sáng đến tối
sáng mai: buổi sáng ngày mai
sáng tác *(to originate, to compose):* sáng tác kịch bản
sáng kiến *(initiative):* ý kiến đầu tiên, mới
sáng tạo: làm ra cái mới chưa ai làm
sáng suốt *(clear sighted, clear headed);* quyết định sáng suốt; chọn lựa sáng suốt

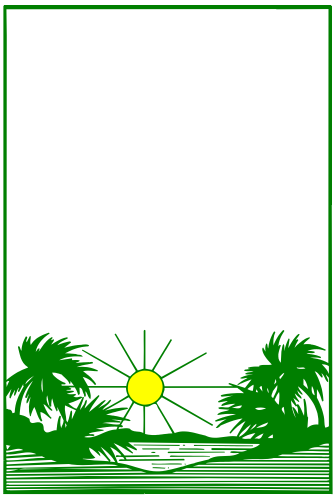

trình *(to show, to report)*
đệ trình *(to submit):* đệ trình kế hoạch; **tường trình** *(to report):* tường trình lại sự việc xảy ra
thuyết trình *(to lecture)*; **thuyết trình viên**: người thuyết trình

Lớp 7

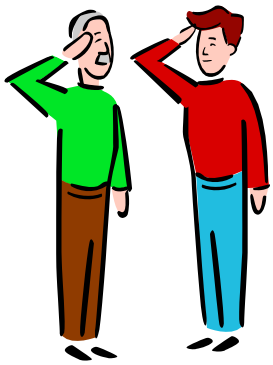

trình: (cách nói) thưa gửi; trình cụ lớn, trình ông, trình bà; trình lên cấp trên

trình bày *(to present)*; trình bày kế hoạch; trình bày các món ăn

trình diễn *(to perform)*; trình diễn vở cải lương

trình diện *(to report oneself)*; chú rể ra trình diện nhà gái

trình độ *(degree, level)*; trình độ tay nghề; trình độ học vấn

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ cho sẵn)

1. (hy vọng) _____

_____

2. (danh vọng) _____

_____

3. (sáng sủa) _____

_____

4. (sáng suốt) _____

_____

5. (dày đặc) _____

_____

6. (đặc sắc) _____

_____

7. (thuyết trình) _____

_____

8. (trình độ) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu phẩy

1. Dấu phẩy được dùng để ngăn nhiều hơn 2 chữ hay nhóm chữ cùng loại:

Thí dụ:

- Người Mỹ thẳng tính, ngăn nắp và kỷ luật.
- Học ăn, học nói, học gói, và học mở là những bước cần thiết trước khi học chữ.

Ghi chú:

a) Có hay không có dấu phẩy trước chữ "và" đều được chấp nhận.

b) Khi chỉ có 2 chữ hay 2 nhóm chữ đứng liền nhau thì không cần dùng dấu phẩy; như "hoa hồng và hoa cúc đều đẹp như nhau."

2. Dấu phẩy đi trước và đi sau chữ "vân vân" hay "v.v."

Thí dụ: Con thỏ có thể được nuôi bằng các loại rau như: cỏ, rau muống, rau xà lách, v.v., mà không cần phải mua loại đồ ăn đặc biệt nào cả.

Đặt câu đầy đủ với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

Đ. Luận văn

Một bài luận văn gồm 3 phần: nhập đề, thân bài và kết luận.
1. Phần nhập đề là một đoạn văn giới thiệu về chủ đề của bài viết. Phần nhập đề có thể chỉ ngắn khoảng chừng 3, 4 câu hay dài tùy theo ý tưởng của người viết.
2. Thân bài bao gồm nhiều đoạn văn nói về chủ đề một cách chi tiết. Số đoạn văn tùy sự chọn lựa và sắp xếp của người viết. Mỗi đoạn văn thường nói về một tiểu chủ đề riêng biệt (một phần của chủ đề tổng quát của toàn bài).
3. Kết luận là một đoạn văn để tổng kết và nói lên mục đích của bài viết, ý định của người viết hay một kết luận mà người viết muốn dẫn tới.

Đề tài bài luận văn:

Hãy kể về một phim hay chương trình ti vi mà em thích nhất và cho biết lý do tại sao.

Bài học 3

A. Tập đọc và viết chính tả

Tượng Công Chúa Huyền Trân

Công Chúa Huyền Trân

Công Chúa Huyền Trân sinh năm 1287. Bà là em gái vua Trần Anh Tông; cả hai đều là con vua Trần Nhân Tông.

Sau khi **truyền ngôi** cho con năm 1293, **Thượng Hoàng** Trần Nhân Tông **đi tu** ở **núi Yên Tử**. Trong chuyến **du ngoạn** vào **Chiêm Thành** năm 1301, Thượng Hoàng được vua Chiêm là Chế Mân **tiếp đón nồng hậu**. Ông hứa **gả** con gái là Công Chúa Huyền Trân cho Chế Mân. Qua cuộc **hôn nhân** này, vua Trần muốn **kết tình hòa thuận** giữa hai nước Việt - Chiêm để cùng nhau chống giặc phương Bắc.

Năm 1305, Chế Mân sai **sứ** mang **lễ vật** đến hỏi cưới công chúa. Triều đình Nhà Trần **phản đối**, chỉ có **Trần Đạo Tái** và Tướng **Trần Khắc Chung** đồng ý.

Bia ký tại Điện Huyền Trân Công Chúa

Vua Chế Mân **dâng Châu Ô** và **Châu Lý** làm lễ vật **cầu hôn**. Để giữ lời hứa của vua cha, Vua Trần Anh Tông đồng ý gả Huyền Trân cho Chế Mân.

Tháng 6 năm 1306, Công Chúa Huyền Trân về Chiêm Thành và được phong làm **hoàng hậu**. Bà sống với Vua Chiêm được gần một năm, vừa sinh **Hoàng tử** Chế Đa Đa thì tháng 5 năm 1307 Vua Chế Mân **mất**.

Vua Trần Anh Tông sai Trần Khắc Chung sang đón Công Chúa Huyền Trân và hoàng tử về Đại Việt. Năm 1308, Huyền Trân về đến

Thăng Long. Theo lời dặn của vua cha, năm 1309 bà lên núi tu đến năm 1340 thì mất.

Công Chúa Huyền Trân được dân ta **biết ơn** về việc mang về cho nước Đại Việt hai Châu Ô và Châu Lý, mở đầu cho cuộc **Nam tiến** sau này.

Tỉnh Quảng Trị

Ngữ vựng:

công chúa: *(princess)* con gái của vua
truyền ngôi: *(to hand down the throne)*
thượng hoàng: *(a king's alive father)* vua cha, cha còn sống của vua
đi tu: *(to study to become a monk or priest)* thoát khỏi đời sống bình thường để học trở thành một ni cô *(nun)* hay nhà sư *(monk),* hoặc linh mục *(priest)*
núi Yên Tử: *(Yen Tu mountain)* ngọn núi cao ở miền Bắc thuộc tỉnh Quảng Ninh
du ngoạn: *(to go sightseeing, to travel)* đi chơi để ngắm xem cảnh vật
Chiêm Thành: *(Champa)* tên một nước tồn tại từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ XVII, trải dài từ tỉnh Quảng Trị đến tỉnh Bình Thuận, thuộc Việt Nam ngày nay.
tiếp đón nồng hậu: *(to greet warmly)* chào đón hết lòng như người thân
gả: *(to give in marriage)* cho phép con gái đi lấy chồng
hôn nhân: *(marriage)* trai gái kết thành vợ chồng với nhau
kết tình hòa thuận: *(to have a friendly relationship)* làm bạn với nhau, sống hòa thuận, không đánh nhau
sứ: *(king's ambassador)* người được nhà vua cử đi nói chuyện với một nước khác
lễ vật: *(offering for marriage)*
phản đối: *(to object, to oppose)*
Trần Đạo Tái: ông là con của Tướng Trần Quang Khải, cháu nội Vua Trần Thái Tông
Trần Khắc Chung: tên thật là Đỗ Khắc Chung, ông là tướng nhà Trần, nhờ có công đi thương

Tháp Bằng An, Quảng Nam

thuyết với tướng nhà Nguyên nên được đổi thành họ vua.

dâng: *(to give, to offer, to present)* đưa cho một cách cung kính

Châu Ô: tên vùng đất cũ của nước Champa nằm phía Nam tỉnh Quảng Trị

Châu Lý: tên vùng đất cũ của nước Champa, vùng đất này bây giờ một phần thuộc Tỉnh Quảng Nam, một phần thuộc Tỉnh Thừa Thiên

cầu hôn: *(to propose for marriage)* xin được lấy ai làm vợ

hoàng hậu: *(a Queen)* vợ của vua

hoàng tử: *(a King's son)* con trai của vua

mất: *(to pass away)* chết, qua đời

biết ơn: *(thankful, grateful)* nhớ công ơn của người nào đó đã làm gì cho mình

Nam tiến: *(to expand, to migrate, to move to the South)* di chuyển về phương Nam sinh sống

B. Trả lời câu hỏi

1. Công Chúa Huyền Trân là con của ai?

_____

2. Sau khi truyền ngôi cho con, vua cha Trần Nhân Tông đã làm gì?

_____

_____

3. Ai là vua của nước Chiêm thời bấy giờ?

_____

_____

4. Trong chuyến đi Chiêm Thành, Thượng Hoàng Trần Nhân Tông đã hứa gì với Vua Chiêm?

_____

_____

_____

5. Vì sao Thượng Hoàng Trần Nhân Tông muốn Công Chúa Huyền Trân lấy Vua Chế Mân?

_____

_____

6. Vua Chế Mân dâng phần đất nào để làm lễ vật cầu hôn công chúa?

_____

_____

7. Về làm vợ Vua Chiêm, Công Chúa Huyền Trân được phong chức tước gì?

_____

8. Bà có mấy người con với Vua Chiêm? Tên là gì?

_____

_____

9. Trở về Đại Việt, Công Chúa Huyền Trân làm gì?

_____

_____

10. Vì sao dân Đại Việt nhớ ơn bà?

_____

_____

_____

C. Điền vào chỗ trống

đi tu, Trần Nhân Tông, tình hòa thuận, biết ơn, châu Ô, Lý, hoàng hậu, vua cha, Công chúa Huyền Trân

1. Công Chúa Huyền Trân là con vua _____.

2. Sau khi truyền ngôi cho con, Thượng Hoàng Trần Nhân Tông _____ ở núi Yên Tử.

3. Thượng hoàng Trần Nhân Tông hứa gả con gái là _____ cho Chế Mân.

4. Qua cuộc hôn nhân của Huyền Trân – Chế Mân, Vua Trần muốn kết _____ giữa hai nước Việt – Chiêm.

5. Vua Chế Mân dâng Châu _____ và Châu _____ làm lễ vật cầu hôn.

6. Công Chúa Huyền Trân được phong làm _____.

7. Theo lời dặn của _____, công chúa đi tu.

8. Dân chúng _____ Công Chúa Huyền Trân về việc mang về cho nước Đại Việt Châu Ô và Châu Lý.

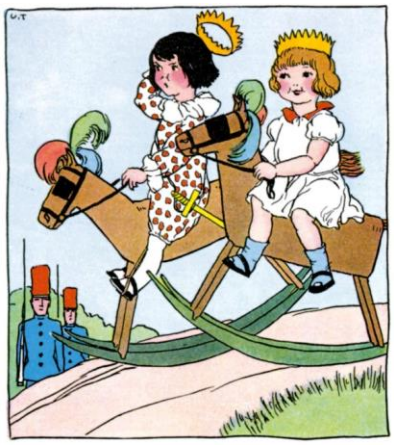

C. Phân biệt ý nghĩa

thượng *(above, high, superior)*
thượng cấp *(higher authorities)*; lệnh thượng cấp
thượng cổ *(antiquity)*; thời thượng cổ
thượng du *(high region):* miền cao nguyên; dân sống ở miền thượng du
Thượng Đế *(God)*; tất cả đều do Thượng Đế tạo dựng lên
thượng hạng *(first class)*; nước mắm thượng hạng; thượng hảo hạng *(first class, first rate)*
thượng khách *(honor guest)*; tiếp đón thượng khách
thượng viện *(senate)*; **thượng nghị sĩ** *(senator)*
thượng sách *(the best way)*: kế sách hay nhất
thượng võ: có khí phách, có lòng hào hiệp; tinh thần thượng võ

phản *(counter, anti)*
phản chiếu *(to reflect)*; phản chiếu ánh sáng

Lớp 7

phản kháng *(to resist)*; hành động phản kháng
phản lực cơ *(jet airplane)*
phản quốc *(to betray one's country)*; hành động phản quốc
phản ứng *(to react) (reaction)*; phản ứng hóa học *(chemical reaction)*; dân chúng biểu lộ phản ứng giận dữ với ứng cử viên đó
phản phúc *(dishonest)*; kẻ phản phúc thì không thể tin được
phản bội *(to betray)*; hắn đã phản bội bạn bè
tấm phản *(plank bed)*: loại giường làm bằng tấm gỗ dày

tử: con
phụ tử *(father and son)*: cha con (trai) (ý nghĩa chữ "tử" ở đây là con trai); tình phụ tử; mẫu tử *(mother and child)*; tình mẫu tử
đệ tử *(disciple)*; Chúa Giêsu có 12 đệ tử
thiên tử *(King):* con Trời, tức là vua
Phật tử *(Buddhist):* người theo Đạo Phật
công tử *(noble's son):* con trai nhà quyền quý

tử: chết
tử hình, xử tử *(to execute)*; **tử tội** *(death penalty)*
tử nạn *(killed in an accident)*; cơn bão đã làm 5 người tử nạn
tử thương *(wounded to the death)*; bị tử thương ngoài mặt trận
bất tử *(immortal):* không bao giờ chết, sống mãi; những bản nhạc bất tử
tử thần *(the angel of death):* thần chết; tôi đã đối diện với tử thần 2 lần.
tử sĩ: người lính chết trận; **tử vì đạo:** chết vì đạo; **tử thi** *(death body)*

tử tế *(good, kind, nice)*; thái độ tử tế; người tử tế
tử số *(numerator):* số viết bên trên của phân số
tử vi: thuật đoán số mệnh dựa vào ngày tháng năm sinh

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)
1. (thượng cấp) _____

_____

2. (thượng hạng) _____

_____

3. (phản chiếu) _____

_____

4. (phản bội) _____

_____

5. (đệ tử) _____

_____

6. (công tử) _____

_____

7. (tử nạn) _____

_____

8. (tử sĩ) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu phẩy *(tiếp theo)*

1. Dùng dấu phẩy trước và sau tên riêng hay chức vụ *(với mục đích nhấn mạnh)*.

Thí dụ:

- Ông ấy, một giáo sư nổi tiếng, sẽ thuyết trình vào ngày mai.
- Chính anh ấy, Phan Đức Nam, là đội trưởng đội bóng rổ trường trung học Yorktown.
- Chúng tôi thành thật chúc mừng anh, Bác Sĩ Hồ Văn Kiểm.

2. Dùng dấu phẩy để ngăn tên riêng và chức vụ.

Thí dụ: Cô Thanh Hương, tiến sĩ văn chương, hiệu trưởng Trường Việt Ngữ Chu Văn An, đã viết nhiều bài nghiên cứu có giá trị về phương pháp dạy Tiếng Việt ở Mỹ. *(bài nghiên cứu: study)*

Lớp 7

Đặt câu với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn:

Công Chúa Huyền Trân đã mang về cho Đại Việt Châu Ô và Châu Lý, giúp mở mang thêm bờ cõi về phương Nam. Công Chúa Huyền Trân xứng đáng là một anh thư *(heroine).*

Ngày nay với sự bình đẳng nam nữ thì người phụ nữ xứng đáng làm anh thư sẽ nhiều hơn thời xưa, hãy kể về một người em cho là anh thư.

Bài học 4

A. Tập đọc và viết chính tả

Việt Nam Cộng Hòa

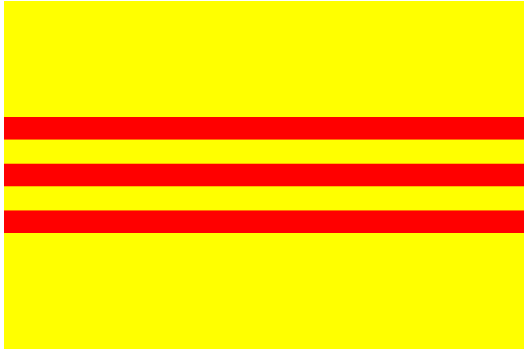

Sau **hiệp định Genève** (Giơ Neo) vào năm 1954 thì người Pháp bắt đầu rút quân và Việt Nam bị phân chia thành hai miền với **ranh giới** là Sông Bến Hải ở **vĩ tuyến 17**. Miền Bắc bị **chủ thuyết cộng sản độc tài** quốc tế **thôn tính**. Quốc Gia Việt Nam chỉ còn Miền Nam thuộc về thế giới tự do. Người dân Miền Nam bắt đầu hưởng một nền độc lập tự do thật sự sau thời gian dài từ 1884 dưới **sự đô hộ** của người Pháp.

Quốc gia non trẻ này được thành lập sau cuộc **trưng cầu dân ý** năm 1955 với tên là Việt Nam Cộng Hòa. Vị **tổng thống** đầu tiên là tổng thống Ngô Đình Diệm. Tổng thống Diệm đã giúp **ổn định** và thiết lập hệ thống điều hành quốc gia theo mô hình dân chủ Tây Phương. Nền dân chủ được thành lập với ba ngành: **lập pháp**, **hành pháp** và **tư pháp**. Tới năm 1963, một **cuộc đảo chính** xảy ra đã đưa tới một thời gian **xáo trộn chính trị** và cuối cùng kết thúc với vị tổng thống thứ hai là Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu.

Từ ngày đất nước bị chia đôi, Miền Nam không ngừng bị cảnh xâm lăng của cộng sản Miền Bắc. Cộng sản Miền Bắc dưới sự bảo trợ của thế giới cộng sản, chính yếu là **Liên Xô** và Trung Cộng, đã cố gắng không ngừng tiếp tay cho chủ nghĩa cộng sản thế giới mở mang bờ cõi. Miền Nam tự do được Hoa Kỳ **hỗ trợ** về quân sự và kinh tế để chống lại sự xâm lăng của cộng sản. Cuộc chiến bảo vệ tự do của dân chúng Miền Nam đã kéo dài tới năm 1973 với **Hiệp Định Ba Lê**. Đến lúc này, Miền Nam bắt đầu không còn nhận được sự

trợ giúp của Hoa kỳ nên đã rơi vào tay cộng sản vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Người dân Việt đã có truyền thống yêu chuộng tự do dân chủ từ việc **bầu cử** các chức vị trong làng xã. Truyền thống này sẽ là **ngọn đuốc** dẫn đường cho công cuộc tranh đấu để lấy lại tự do dân chủ cho quê hương từ sự độc tài **chuyên chế** hiện nay của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Một ngày không xa, quê hương sẽ thoát khỏi sự thống trị của chủ nghĩa cộng sản **ngoại lai** và sẽ tươi sáng trở lại với độc lập, tự do và dân chủ thật sự.

Ngữ vựng:

Hiệp Định Genève: *(Geneva agreement)* thỏa ước được ký ở thành phố Genève của Thụy Sĩ, đánh dấu sự chia cắt Việt Nam và chấm dứt chế độ thuộc địa *(colonization)* của người Pháp ở Việt Nam

ranh giới: *(border)* đường phân chia hai nước

vĩ tuyến 17: *(17th parallel)* vĩ tuyến 17 nằm về phía bắc của Quảng Trị

chủ thuyết cộng sản: *(communism)* lý thuyết chủ trương sự cầm quyền độc đoán của giai cấp công nhân *(working class)* và hứa hẹn một lương lai thế giới đại đồng ảo tưởng

độc tài: *(dictatorial)* mọi quyền hành tập trung vào một người hay một tổ chức

thôn tính: *(to annex, to take possession)* chiếm một nước khác

sự đô hộ: *(colonization)* sự cai trị của ngoại bang đối với một nước

trưng cầu dân ý: *(referendum)* cuộc bầu cử của toàn dân về một vấn đề gì

tổng thống: *(president)* người đứng đầu một nước được dân bầu lên

ổn định: *(to stabilize)* làm cho xã hội có trật tự, an ninh

lập pháp: *(legislative branch)* cơ quan làm luật của một nước

hành pháp: *(executive branch)* cơ quan thi hành luật của một nước

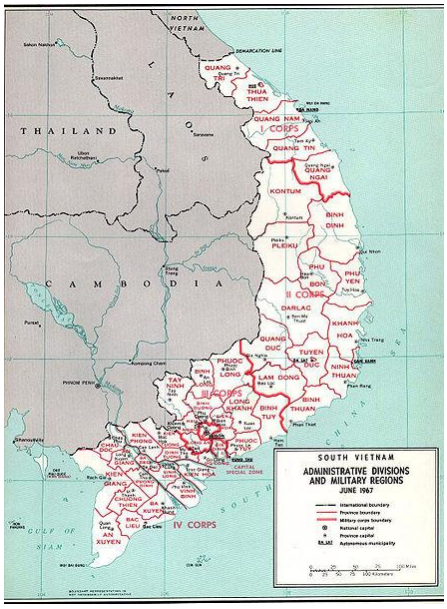

tư pháp: *(judiciary branch)* cơ quan kiểm soát việc áp dụng luật

cuộc đảo chính: *(overthrowing of a government, coup d'etat)* sự lật đổ một chính phủ để thay thế bằng một chính phủ khác

xáo trộn chính trị: *(political unrest)* sự hỗn loạn trong việc phân chia chức vụ, quyền hành của một nước

Liên Xô: *(Soviet Union)* viết tắt của Liên Bang Xô Viết, bao gồm những nước nằm dưới sự cai trị của nước Nga cộng sản

hỗ trợ: *(to support)*

Hiệp định Ba Lê: *(Paris Agreement)* thỏa ước được ký ở Ba Lê đánh dấu sự rút lui của quân đội Mỹ khỏi Miền Nam và chấm dứt sự viện trợ cho Miền Nam để chống lại cộng sản Miền Bắc

bầu cử: *(election)* phương thức chọn người điều hành đất nước dựa trên sự chọn lựa của người dân

ngọn đuốc: *(torch)* nghĩa bóng ám chỉ ánh sáng của ngọn đuốc là sự soi đường đi trước

chuyên chế: *(dictatorial)* nắm hết mọi quyền hành trong tay

ngoại lai: *(exotic)* từ ngoài đến, có nguồn gốc bên ngoài

B. Trả lời câu hỏi

1. Hiệp định Genève có nghĩa là gì?

_____

_____

2. Ranh giới của hai miền Nam Bắc ở đâu?

_____

_____

3. Hai vị tổng thống của Việt Nam Cộng Hòa là ai?

4. Hệ thống điều hành quốc gia của Miền Nam thế nào?

5. Trong cuộc chiến ở Việt Nam, nước nào đã giúp Miền Bắc và nước nào đã giúp Miền Nam?

6. Cộng sản là gì? Hãy nói lên sự hiểu biết của mình.

C. Phân biệt ý nghĩa

hiệp: *(round)* một khoảng thời gian trong các trận đấu thể thao; trận đấu đang ở hiệp thứ hai.

hiệp: cùng nhau
hiệp định, hiệp ước *(agreement)*
liên hiệp *(to ally, to unite)*; hội liên hiệp văn học nghệ thuật
hiệp hội *(association):* hội do nhiều tổ chức nhỏ hợp lại; hiệp hội các nước Đông Nam Á

Lớp 7

hiệp: người dũng cảm hay giúp đỡ, bênh vực người khác
hiệp sĩ, hiệp khách *(knight)*
nghĩa hiệp: (knightly) có tinh thần xả thân; hành động nghĩa hiệp

vĩ: to, lớn
vĩ đại *(colossal, huge)*; **vĩ nhân** *(great man)*; **hùng vĩ** *(imposing)*

vĩ: đường song song với xích đạo
vĩ tuyến: đường song song với xích đạo của trái đất
vĩ độ: số độ của đường vĩ tuyến; *vĩ độ ở xích đạo là 0° và đi về hai cực với Bắc Cực là 90° bắc, Nam Cực là 90° nam.*

vĩ: đuôi; nhất thủ *(thủ là đầu)* nhì vĩ

vĩ: cung nhỏ với dây làm bằng những sợi lông đuôi ngựa
vĩ cầm *(violin)*; *dây kéo của đàn này làm bằng những sợi lông đuôi ngựa gọi là cây vĩ.*

tổng: cộng lại, hợp lại, toàn bộ
tổng đình công: đình công nhiều ngành nghề cùng một lúc
tổng động viên *(total mobilization):* gọi nhập ngũ tất cả mọi cá nhân thuộc diện phải tòng quân trong cả nước
tổng kết *(to summarize)*; tổng kết mọi chi tiêu
tổng quát *(general)*; kế hoạch kinh tế tổng quát
tổng số *(sum total)*: số cộng chung; tổng số học sinh có mặt
tổng giám mục *(archbishop)* vị giám mục của Đạo Công Giáo trông coi nhiều địa phận hay một địa phận lớn.
tổng tuyển cử *(general election):* cuộc bầu cử toàn dân

Lớp 7

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (hiệp định) _____

_____

2. (hùng vĩ) _____

_____

3. (vĩ độ) _____

_____

4. (tổng kết) _____

_____

5. (tổng tuyển cử) _____

_____

6. (hiệp hội) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu phẩy *(tiếp theo)*

1. Khi một câu mở đầu với một nhóm chữ, đặt dấu phẩy sau nhóm chữ ấy.

Thí dụ:

- Dù sao, Tân vẫn là đứa học sinh biết phục thiện.
- Thực ra, mọi người đã hiểu lầm câu nói của anh.
- Nếu không có anh cho quá giang, chúng tôi sẽ phải cuốc bộ thêm ba cây số nữa.

2. Dùng dấu phẩy sau sự tán thán *(exclamations)* nhẹ nhàng.

Thí dụ:

Lớp 7

- Giỏi, con đã đánh vần đúng chữ này rồi.
- Hãy cẩn thận, những đứa đó không phải người tốt.
- Đã bảo mà, nó đã làm dơ cái áo mới rồi.

Đặt câu với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn:

Ba má hay ông bà em đã có thời sống dưới chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Em hiểu thế nào về chính phủ Việt Nam Cộng Hòa và chính phủ này khác với cộng sản thế nào?

Lớp 7
Bài học 5

A. Tập đọc và viết chính tả

Đạo Hiếu

Đạo là **nguyên tắc hành xử** của con người. Lòng hiếu thảo đối với cha mẹ là một nguyên tắc đạo đức đứng đầu và được nâng lên thành **khuôn phép** phải tuân theo.

Người xưa giữ đạo hiếu rất nghiêm khắc. Không ai dám làm việc gì để mang tiếng xấu đến cha mẹ, dù còn sống hay đã qua đời. Tội **bất hiếu** là tội lớn không những bị làng xóm khinh chê mà còn bị luật lệ trừng phạt. Bộ **luật Hồng Đức** đời Vua Lê Thánh Tông có hình phạt cho tội bất hiếu.

Con cái phải có bổn phận chăm sóc cha mẹ khi già yếu. Sử sách ghi lại một **gương sáng** của cụ Võ Thạch vào thế kỷ 19. Cụ đã ba lần từ chối không ra làm quan để ở nhà dạy học và chăm sóc mẹ già. Cụ đã **phụng dưỡng** mẹ suốt bốn mươi năm.

Khi cha mẹ qua đời, con cái phải để tang ba năm và **tuân hành** tất cả các nghi thức cúng giỗ. Thời xưa còn có luật vợ không được phép **có thai** trong **thời gian tang chế**.

Lòng hiếu thảo còn là thước đo nhân cách của một người. Kẻ bất hiếu thường bị xem là không đáng tin cậy. Câu ca dao "công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra" từng là bài học đầu đời từ khi mới cắp sách đến trường. Trong việc **tu thân** cũng có câu rằng: "Tu đâu cho bằng tu nhà, thờ cha kính mẹ mới là **chân tu**."

Tôn giáo đông đảo nhất ở Việt Nam là Đạo Phật cũng đặt chữ hiếu lên hàng đầu. Thực hành hiếu thảo là **con đường giải thoát** của Phật tử. Kinh sách nhà Phật có câu: "Điều thiện tối cao là **chí hiếu**, điều ác cực ác là bất hiếu." Bởi thế, Lễ Vu Lan, một ngày lễ chính của Phật Giáo, được tổ

chức mỗi năm vào ngày rằm Tháng Bảy âm lịch để nhắc nhở mọi người việc báo hiếu cha mẹ.

Tuy xã hội Âu Mỹ ngày nay đã có **an sinh xã hội** cho người **cao niên** nhưng không phải vì thế mà đạo hiếu không cần thiết. Báo hiếu bằng tinh thần là nhu cầu cần thiết cho cuộc sống buồn tẻ của tuổi già. Một sự thăm hỏi trong những **Ngày Cha**, **Ngày Mẹ** trong năm vẫn luôn là những món quà vô giá.

Ngữ vựng:

nguyên tắc: *(principle)* điều căn bản, mấu chốt
hành xử: *(behavior, reaction)* hành động, phản ứng của một người với những người khác
khuôn phép: *(discipline)* luật lệ, phép tắc trong xã hội
bất hiếu: không có hiếu
luật Hồng Đức: bộ luật được ban hành dưới thời Vua Lê Thánh Tông, vào khoảng năm 1470-1497.
gương sáng: *(good example)* mẫu mực cho người khác noi theo
phụng dưỡng: *(to support)* phục vụ và nuôi dưỡng
tuân hành: *(to carry out, perform)* bắt buộc phải làm theo
có thai: *(to conceive, become pregnant)*
thời gian tang chế: thời gian mang tang người quá cố, để tỏ lòng thương nhớ
tu thân: *(self-discipline)* tự sửa đổi, kỷ luật chính mình
chân tu: người tu chân chính, tu thực sự với cả tấm lòng
con đường giải thoát: thoát khỏi vòng luân hồi, tức là được giải thoát khỏi những nỗi đau khổ của kiếp người là sinh, lão, bệnh, tử, theo lý thuyết Phật Giáo

chí hiếu: rất có hiếu
an sinh xã hội: *(social security)* hệ thống bảo đảm về tài chánh và sức khỏe cho người về hưu
cao niên: cao tuổi, lớn tuổi
Ngày Cha, Ngày Mẹ: *(Father's Day, Mother's Day)*

B. Trả lời câu hỏi

1. Lòng hiếu thảo đứng ở vị thế nào trong những đức tính của người ta?

_____

_____

2. Cụ Võ Thạch giữ đạo hiếu thế nào?

_____

_____

_____

3. Hãy giải thích câu: "Điều thiện tối cao là chí hiếu, điều ác cực ác là bất hiếu."

_____

_____

_____

4. Lễ Vu lan được cử hành khi nào và với mục đích gì?

_____

_____

5. Em sẽ báo hiếu thế nào khi cha mẹ về già?

(Viết lên ý tưởng của riêng mình)

_____

_____

_____

_____

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

nguyên: có từ ban đầu; hãy đứng nguyên đó; ông ấy nguyên là đại úy không quân; chiếc xe vẫn còn mới nguyên; tiền vẫn còn nguyên

nguyên: đứng đầu
Tết Nguyên Đán *(New Year)*
nguyên thủ quốc gia *(chief of state)*
công nguyên: khoảng thời gian tính từ khi Chúa Giêsu sinh ra là năm thứ nhất trở về sau; chúng ta đang ở thời đại công nguyên năm 2010.
trạng nguyên: học vị đỗ đầu trong kỳ thi thời xưa

nguyên: nguồn
phát nguyên *(a river flowed from):* bắt nguồn; sông Mississippi phát nguyên từ tiểu bang Minnesota.
tài nguyên *(resources):* của cải có sẵn trong thiên nhiên như gỗ, kim loại, dầu hỏa, hải sản, v.v.
nguyên bản *(original):* bản gốc
nguyên chất *(pure):* thuần khiết, không bị pha trộn; nước cam nguyên chất.
nguyên do, nguyên nhân *(cause)*; nguyên nhân gây ra bệnh cúm.
nguyên liệu *(raw material)*; nguyên liệu làm bánh chưng gồm có gạo nếp, đậu xanh và thịt heo.
nguyên tắc *(principle):* quy tắc nhất định để làm việc
nguyên tử *(atom):* phần tử nhỏ nhất của vật chất (không thể phân chia được bằng phương pháp hóa học); bom nguyên tử *(atomic bomb)*
nguyên vẹn *(intact, untouched)*: còn nguyên, không bị hư hại, mất mát

bất: không
bất bạo động (nonviolent); cuộc biểu tình bất bạo động
bất bình, bất mãn *(displeased)*; thái độ bất mãn
bất chấp *(regardless)*: không đếm xỉa tới; bất chấp những lời khuyên, bất chấp lẽ phải

bất chính *(dishonest):* trái với đạo đức, không chính đáng; làm ăn bất chính
bất công *(unfair, unjust):* không công bằng; sự đối xử bất công
bất đồng *(different, disharmonious)*; bất đồng quan điểm
bất động sản *(real estate):* tài sản không chuyển dời được như nhà cửa, đất đai; mua bán bất động sản
bất tỉnh *(unconscious):* ở trạng thái mê man; ngã ra bất tỉnh
bất tài *(untalented):* không có tài; kẻ bất tài vô dụng
bất ngờ *(unexpected)*; bất ngờ bị trượt chân

vô: vào
ra vô; đóng hộp; nhốt con chó vô chuồng

vô: không
vô cùng *(endless, infinite)*; khó khăn vô cùng tận
vô công rỗi nghề: không có việc làm
vô danh: không có tên; anh hùng vô danh; bài thơ của một người vô danh
vô duyên: không có duyên; ăn nói vô duyên
vô địch *(champion):* không ai thắng nổi; đội túc cầu vô địch
vô điều kiện: không có điều kiện; chấp nhận vô điều kiện
vô gia cư *(homeless):* không nhà ở; trẻ em vô gia cư
vô học *(uneducated):* không có học thức, không được giáo dục; đồ vô học

tu *(to go into a church, to become a Buddhist monk)*
tu hành *(to lead a religious life)*; **tu sĩ:** người nam đi tu; **nữ tu:** người nữ đi tu; **tu viện:** nhà ở của những người tu

tu: sửa chữa
tu bổ, tu chỉnh, tu sửa *(to maintain):* sửa chữa và bổ sung cho tốt hơn

tu: rèn luyện bản thân
tu thân *(to improve oneself):* tự sửa đổi tâm mình để tốt hơn
tu luyện, tu dưỡng *(to cultivate and to train)*; dày công tu luyện

Lớp 7

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (tài nguyên) _____

_____

2. (nguyên tắc) _____

_____

3. (bất chấp) _____

_____

4. (bất đồng) _____

_____

5. (vô địch) _____

_____

6. (vô duyên) _____

_____

7. (tu bổ) _____

_____

8. (tu viện) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu phẩy *(tiếp theo)*

1. Dấu phẩy theo sau **vâng, dạ, có, không**...

Thí dụ:

- Vâng, chúng cháu sẽ tới thăm ông bà mỗi tuần.
- Dạ, con sẽ cố gắng học hành để được điểm cao.
- Phải, chúng nó đã rủ nhau đi xem xi nê tối qua.

Lớp 7

2. Dùng dấu phẩy để ngăn cách giờ, ngày, tháng, năm.

Thí dụ:

- Lúc 10 giờ sáng, Thứ Ba, 15 tháng 7 năm 2010
  (nếu không dùng chữ "năm" thì phải dùng dấu phẩy "15 tháng 7, 2010)
- Tại Little Saigon, lúc 8 giờ sáng, Chủ Nhật, 20 tháng 9 năm 2010

Đặt câu với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn:

Đạo hiếu có thể hiểu nôm na là thờ cha kính mẹ. Ngày nay ở xứ sở văn minh này, em nghĩ người ta nên cư xử làm sao với cha mẹ để giữ tròn chữ hiếu.

Lớp 7

Bài học 6

A. Tập đọc và viết chính tả

Vịnh Hạ Long

Vịnh Hạ Long không những là một **thắng cảnh** nổi tiếng nhất của Việt Nam mà còn là một **di sản thiên nhiên** cho toàn thế giới. Hạ Long là một vịnh nhỏ nằm trong vịnh Bắc Phần, với nhiều đảo nhỏ có đủ loại hình thù khác nhau. Tên Hạ Long do người Pháp đặt ra dựa theo **truyền thuyết** của dân gian về một con rồng đã bay xuống làm thành những rào chắn giúp nước ta chống giặc ngoại xâm.

Vịnh Hạ Long có 1,969 đảo được tạo thành trong thời gian dài từ 500 triệu năm trước. **Tầng đất** của vịnh thuộc loại **đá vôi**. Sự hình thành của vịnh là do cả vùng đã trải qua những thời kỳ được nâng lên khỏi mặt biển và hạ xuống dưới mặt biển, cộng với hiện tượng **xoi mòn** của nước đã để lại những tảng đá vôi cứng rải rác trong vịnh là những hòn đảo mà ta thấy ngày nay.

Những đảo nhỏ này, được gọi là hòn, khi thì quy tụ lại thành quần đảo, khi thì nằm rời rạc cách xa nhau. Một vài đảo lớn có dân cư ở nhưng đa số là đảo nhỏ không có nước. Tên đảo thường được đặt theo hình dạng của chúng như: Hòn Con Cóc có hình giống con cóc **ngồi xổm**, Hòn Trống Mái có hình giống như một cặp gà trống gà mái, Hòn Cánh Buồm có hình cánh buồm, vân vân.

Ngoài những đảo nhỏ, Hạ Long còn có nhiều hang động **thạch nhũ** như Hang Sửng Sốt là hang lớn và đẹp nhất của vịnh. Thời xưa Hang Đầu Gỗ được Đức Trần Hưng Đạo dùng làm nơi giấu gỗ làm cọc cắm xuống lòng

sông để chống quân Nguyên, Động Thiên Cung rộng lớn với thạch nhũ đủ mọi hình thù.

Vịnh Hạ Long ngày nay là nơi du lịch nổi tiếng thế giới có rất nhiều người lui tới hàng năm. Từ đó dẫn đến những nhu cầu về đường sá, khách sạn, nơi giải trí, bãi tắm. Một khi sinh hoạt đô thị đi vào thiên nhiên thì vấn đề **ô nhiễm môi trường** cũng theo sau. Đây là mối đe dọa to lớn nhất cho các **công trình kiến tạo** của thiên nhiên. Vịnh Hạ Long có còn giữ được danh hiệu **kỳ quan thế giới** hay không sẽ tùy thuộc ý thức trách nhiệm của con người với thiên nhiên ngày hôm nay.

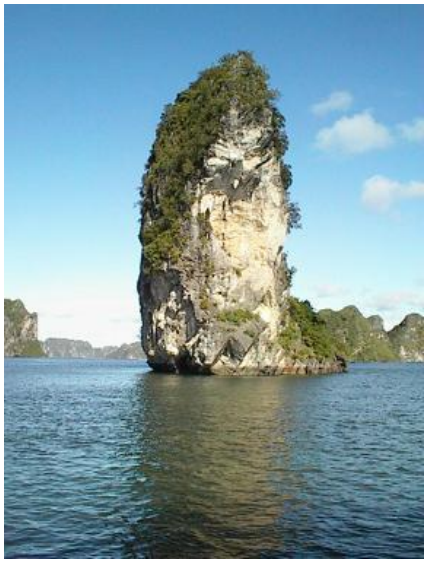

Hòn Cánh Buồm

Ngữ vựng:

thắng cảnh: *(scenic place)* vùng có cảnh đẹp thiên nhiên
di sản thiên nhiên: *(nature heritage)* công trình giá trị của thiên nhiên
truyền thuyết: *(old legend)* chuyện được dân gian truyền lại từ thời xa xưa
tầng đất: *(earth stratum)* vỏ trái đất có cấu trúc với nhiều tầng đất khác nhau tùy theo thời kỳ.

đá vôi: đá được tạo thành do lớp đất bị chôn vùi sâu dưới lòng đất và chịu sức ép lâu ngày. Khi động đất đưa lớp đất này lên mặt đất thì chúng đã trở thành đá cứng. Đá vôi không cứng bằng đá hoa cương *(granite)* nên dễ bị xoi mòn. (đá hoa cương là đá vôi được nung nóng).
xoi mòn: *(erosion)* (đá, đất) bị nước hoặc gió mài dần trong thời gian dài.
ngồi xổm: *(to squat)* ngồi trong tư thế đầu gối gấp lại, mông không chạm đất.
thạch nhũ: *(stalagmite, stalactite)* loại đá trong hang động hình thành do chất khoáng *(mineral)* đọng lại lâu ngày. Thạch nhũ bắt đầu từ giọt nước trên trần hang động nhỏ xuống đất ở một chỗ. Lâu ngày, mỏm đá hình nón từ

trên trần và dưới đất nơi giọt nước nhỏ xuống thành hình. Lâu ngày hơn nữa, hai cái nón trên trần và dưới đất chạm nhau tạo nên cái cột. Ngoài ra, sự nhỏ giọt của nước còn tạo ra thạch nhũ với nhiều hình dáng và màu sắc tùy dòng chảy và chất khoáng trong nước.

ô nhiễm môi trường: *(environmental pollution)* sự thải ra những chất hóa học, khí độc, rác rưởi ra thiên nhiên làm chết dần cây cối cũng như động vật

công trình kiến tạo: *(work of nature)* sự xây dựng nên một cái gì

kỳ quan thế giới: *(wonder of the world)* một quang cảnh thiên nhiên đứng hàng đầu thế giới về vẻ đẹp và giá trị địa chất

B. Trả lời câu hỏi

1. Vịnh Hạ Long nổi tiếng thế nào?

_____

_____

2. Truyền thuyết về Vịnh Hạ Long thế nào?

_____

_____

3. Vịnh Hạ Long được hình thành từ bao giờ? Thế nào?

_____

_____

_____

_____

_____

4. Kể tên hai đảo và hai hang của Vịnh Hạ Long?

_____

_____

5. Tại sao Vịnh Hạ Long trở thành nơi du lịch nổi tiếng?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

thiên: nghiêng về một phía
thiên vị: *(partial)*; không thiên vị: *(impartial)*; trọng tài thiên vị cho đội A.
thiên kiến: *(partial idea)* không khách quan; ông ta có thiên kiến với người nói nhiều.

thiên: ngàn, nghìn
thiên binh vạn mã: đội quân đông đảo
thiên niên kỷ: một ngàn năm (thế kỷ: một trăm năm)

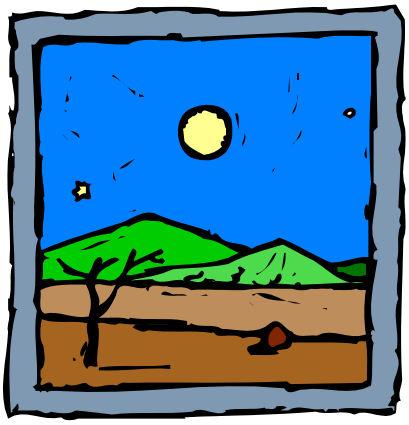

thiên: trời, tự nhiên
thiên đàng: *(heaven)*; **thiên cung, thiên đình:** cung điện trên trời của Ngọc Hoàng
thiên hạ: *(the whole world)* người dưới vòm trời, con người
thiên nga: *(swan)*
thiên phú: *(inborn, inbred)* Trời cho; khả năng thiên phú
thiên sứ: *(angel)* sứ giả của Trời
thiên tai: *(disaster)* tai họa từ Trời như mưa bão, lụt lội
thiên tài: *(genius)* tài năng do Trời ban cho; Nguyễn Huệ có thiên tài quân sự.
thiên văn học: *(astronomy)* khoa học về tinh tú

quy: trở về

Lớp 7

quy hàng, quy thuận: *(to surrender)* đầu hàng
quy y: *(to believe in Buddhism)* thụ lễ theo đạo Phật
quy tiên: *(to pass away)* về trời
quy tụ: *(to gather)* tập hợp về một nơi

quy: phép tắc
quy luật: *(regulation)*; quy luật trường học
quy mô: có tổ chức với khuôn khổ lớn; một công trình quy mô
quy củ: *(standard, norm)* có kế hoạch chặt chẽ, có trật tự; nếp sống quy củ

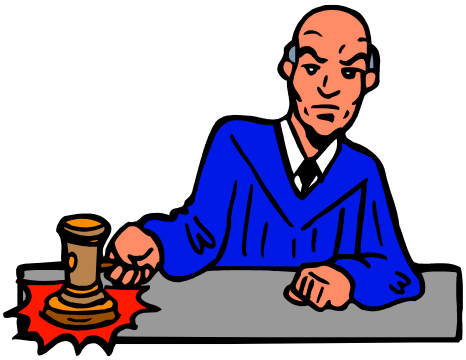

nội quy: *(by-laws, internal regulation)*
quy định: *(to define)* xác định rõ ràng; luật pháp quy định 21 tuổi mới được uống rượu.

quy: rùa; Thần Kim Quy

quan: viên chức có quyền hành
quan tòa: *(judge)*; **quan khách:** *(guests)*; thăng quan tiến chức

quan: bộ phận trong cơ thể
giác quan: *(sense)*; năm giác quan

quan: hòm đựng người chết
quan tài, áo quan: *(coffin)*; nhập quan: *(to lay a corpse in a coffin)*

quan: nhìn, xem
quan sát: *(to observe)*; **quan điểm:** *(point of view)*; **bi quan:** *(pessimistic)*; **lạc quan:** *(optimistic)*; **khách quan:** *(objective)*

quan: cửa ải
quan thuế: *(customs duty)*; **quan ải:** *(frontier pass)*

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

Lớp 7

1. (thiên vị) _____

_____

2. (thiên tài) _____

_____

3. (quy luật) _____

_____

4. (quy tụ) _____

_____

5. (giác quan) _____

_____

6. (lạc quan) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu phẩy

1. Trường hợp giữa hai mệnh đề *(clauses)* độc lập của câu kép:

a. Nếu không có liên từ nối kết hai mệnh đề thì phải dùng chấm phẩy (;) để ngăn hai mệnh đề này.

b. Nếu có liên từ nối liền hai mệnh đề thì chỉ dùng dấu phẩy.

Ghi chú: mệnh đề độc lập là mệnh đề có chủ từ của riêng mình.

Thí dụ:

- Mùa hè năm ngoái thì nóng cháy da**;** mùa hè năm nay thì mưa tầm tã.
- Mùa hè năm ngoái thì nóng cháy da**, nhưng** mùa hè năm nay thì mưa tầm tã.

2. Trường hợp một câu có nhiều mệnh đề *(phụ)* và có chung một chủ từ, mệnh đề cuối cùng thường có một liên từ đứng trước.

Thí dụ:

- Một mình cô giáo Hương đã phải giảng bài, chấm bài, và đi tìm sách cho những học sinh quên sách ở nhà.

Đặt câu với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn:

Những thắng cảnh được chính phủ giữ gìn như những công viên quốc gia (national park) là những tài sản thiên nhiên vô giá. Em hãy kể về một chuyến đi chơi ở một khu thắng cảnh hay diễn tả một thắng cảnh mà em biết đến.

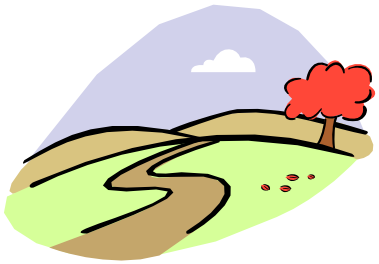

Bài học 7

A. Tập đọc và viết chính tả

Tượng đài Lê Lợi

Kháng Chiến Lam Sơn

Nhà Minh xâm lăng nước ta và đánh bại nhà Hồ năm 1407. Họ đã áp đặt **chính sách** cai trị rất khắc nghiệt với **thâm ý** tiêu diệt tinh thần **quật khởi** của người Việt. Nhiều cuộc **khởi nghĩa** đã diễn ra chống lại Nhà Minh nhưng đều bị thất bại. Năm 1418, Lê Lợi cùng 50 vị anh hùng phất cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, một vùng đồi núi thuộc tỉnh **Thanh Hóa**, để đánh đuổi quân xâm lược Nhà Minh. Cuộc kháng chiến đã kéo dài 10 năm, từ năm 1418 - 1427.

Từ năm 1418 tới 1423 là thời kỳ gian khổ nhất cho quân Lam Sơn. Họ chiến đấu ở vùng núi Thanh Hóa với quân số chừng vài ngàn người, cùng với sự thiếu thốn **lương thực** và vũ khí. Trong một lần bị bao vây ở núi **Chí Linh** và hết lương thực, người em họ là **Lê Lai** đã phải giả làm Lê Lợi **điều quân** để **dụ** quân Minh. Quân Minh tới đánh và bắt được Lê Lai nhưng lại tưởng là Lê Lợi. Lê Lợi cùng các tướng lĩnh **thừa cơ** quân Minh không phòng bị liền mở đường chạy thoát. Lê Lai bị quân Minh bắt giải về **Đông Quan** giết chết.

Năm 1424, Lê Lợi đưa quân vào **Nghệ An**. Trên đường đi, quân Lam Sơn đã **đánh hạ** được nhiều thành của quân Minh. Đến cuối năm 1425, Lê Lợi đã chiếm toàn bộ các vùng từ Thanh Hóa tới Nghệ An.

Năm 1426, Lê Lợi đưa quân ra Bắc đánh thành Đông Quan. Vua Minh sai **Vương Thông** mang quân sang tiếp viện. Vương Thông thua to với 5 vạn quân bị giết nên đã đem quân chạy về thành Đông Quan **cố thủ**. Năm 1427, Vua Minh sai **Liễu Thăng** mang 10 vạn quân cùng **Mộc Thạnh** mang 5 vạn quân cứu Vương Thông. Quân của Liễu Thăng đã bị quân Lam Sơn chặn đánh, Liễu Thăng bị giết tại Chi Lăng. Mộc Thạnh nghe

tin nên bỏ chạy. Vương Thông nghe tin quân tiếp viện bị đánh tan, sợ hãi xin **giảng hòa**.

Cuối năm 1427, Vương Thông rút quân về nước, chấm dứt sự cai trị tàn ác của Nhà Minh trong 20 năm. Lê Lợi lên ngôi vua năm 1428, dựng nên Nhà Hậu Lê.

Giải thích chữ khó:

Nhà Minh: *(Ming's Dynasty)* tên của một triều đại cai trị ở Trung Hoa từ năm 1368-1644.
kháng chiến: *(to resist)* đứng lên chống lại bằng võ lực
khởi nghĩa: *(to rise up in arms)* đứng lên đánh lại những người ăn hiếp mình.
chính sách: *(policy)* đường lối, cách thức cai trị
thâm ý: *(underlying thought)* ý nghĩ có mục đích mờ ám, ngầm
quật khởi: *(rebellion)* sự chống lại
Thanh Hóa: là một tỉnh cách trung tâm Hà Nội 150 km về phía Nam.
Chí Linh: vùng đất thuộc tỉnh Hải Dương, cách Hà Nội 57 km về phía Đông.
lương thực: *(food)* thức ăn.
Lê Lai: là một tướng của quân Lam Sơn, đã liều mình cứu Lê Lợi thoát khỏi sự bao vây của quân Minh.
điều quân: *(to lead)* chỉ huy quân lính
dụ: *(to entice)* chọc tức giặc để chúng đuổi theo đánh, đúng theo kế của mình
thừa cơ: *(to take advantage to do something)* lợi dụng cơ hội hay dịp nào đó để làm việc gì.
Đông Quan: tên của thành Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay. Khi nhà Minh chiếm nước ta thành Thăng Long bị đổi tên thành Đông Quan.
Nghệ An: vùng đất giáp với Thanh Hóa ở phía Bắc
đánh hạ: *(to defeat)* đánh bại, đánh gục. Nghĩa trong bài: đánh chiếm được.
Vương Thông: tướng của Nhà Minh. Sau khi thua trận ở nước ta, Vương Thông rút quân về nước, bị triều đình luận vào tội chết, bị tống vào ngục và bị tịch thu hết gia sản.
cố thủ: *(to defend to the end)* cố giữ cho bằng được.
Liễu Thăng: là tướng Nhà Minh, đã tử trận tại Việt Nam năm 1427

Mộc Thạnh: là tướng Nhà Minh, gia đình nhiều đời làm quan, trấn giữ vùng đất Vân Nam

giảng hòa: *(to negotiate a ceasefire)* thỏa thuận với nhau để ngưng đánh.

B. Trả lời câu hỏi

1. Kháng chiến Lam Sơn kéo dài từ năm nào tới năm nào?

_____

2. Lê Lợi đã cùng với ai phất cờ khởi nghĩa?

_____

3. Thời kỳ đầu vào năm 1418 - 1423, quân Lam Sơn chiến đấu thế nào?

_____

_____

_____

4. Lê Lợi và các tướng lĩnh trốn thoát bằng cách nào khi bị quân Minh bao vây ở núi Chí Linh?

_____

_____

_____

5. Lê Lợi đưa quân đánh thành Đông Quan vào năm nào?

_____

6. Hai tướng nào đã theo lệnh Vua Minh đem quân đi cứu Vương Thông?

_____

_____

7. Tướng nào của quân Minh đã bị giết tại Chi Lăng?

_____

_____

8. Vì sao Vương Thông xin giảng hòa với Lê Lợi?

_____

_____

9. Nước ta bị Nhà Minh cai trị trong bao nhiêu năm?

_____

C. Điền vào chỗ trống

Lê Lợi, Nhà Hồ, Thanh Hóa, quân Minh, 1428, Liễu Thăng, giảng hòa, 1418-1427, cố thủ, Chi Lăng, 1418, Lê Lai, Đông Quan, 1426

1. Khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài từ năm _____.

2. _____ đứng lên khởi nghĩa để đánh đuổi _____ ra khỏi nước ta.

3. Nhà Minh cai trị nước ta sau khi đánh bại _____ năm 1407.

4. Lê Lợi cùng 50 vị anh hùng phất cờ khởi nghĩa Lam Sơn vào năm _____.

5. Từ năm 1418 - 1423, quân Lam Sơn chiến đấu rất khổ sở trong vùng núi _____.

6. _____ đã phải giả làm Lê Lợi và dẫn quân ra ngoài dụ quân Minh.

7. Lê Lai bị giặc Minh bắt giải về _____ giết chết.

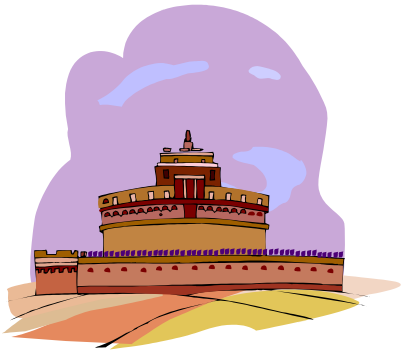

8. Năm _____, Lê Lợi đưa quân ra Bắc đánh thành Đông Quan.

9. Vương Thông thua to với 5 vạn quân bị giết nên đã đem quân chạy về thành Đông Quan _____.

10. Năm 1427, Vua Minh sai _____ mang 10 vạn quân cùng Mộc Thạnh mang 5 vạn quân cứu Vương Thông.

11. Quân của Liễu Thăng đã bị quân Lam Sơn chặn đánh, Liễu Thăng đã bị giết tại _____.

12. Vương Thông nghe tin quân tiếp viện bị đánh tan thì sợ hãi xin _____.

13. Lê Lợi lên ngôi vua năm _____.

D. Phân biệt ý nghĩa

chính: có vị trí ở giữa, (mặt) phải, không thiên lệch
chính xác: *(accurate, exact)*; **bất chính:** *(dishonest, crooked)*
chính ngọ: *(noon, midday)* ngay giữa trưa

chính: quan trọng hơn, trái với phụ
cổng chính: *(main gate)*; **chính thức:** *(official)*; **chính yếu:** *(important)*

chính: ngay thẳng, trái với tà
chính đáng: *(rightful, legitimate)*; **chính nghĩa:** *(righteous cause, justice)*; **chân chính:** *(true, legitimate)*; **chính tả:** cách viết chữ cho đúng

chính: chính trị *(politics)*
chính phủ: *(government)*; **chính quyền:** *(political power)*; **chính thể:** *(form of government)*; **chính sách:** *(policy)*; **hành chính (chánh):** *(administration)* công việc quản lý của chính phủ

anh: người con trai

Lớp 7

anh chị: *(brother and sister)*; **anh em:** *(brothers)*; **anh hai:** anh cả

anh: có tài
anh hùng: *(hero)*; **anh thư:** *(heroine)*; **anh dũng:** *(brave)* can đảm; **anh tài:** *(talented)* tài giỏi, người tài giỏi

kháng: chống lại
kháng cự, phản kháng: *(to resist)*; **đối kháng:** *(opposed)*

cố: gắng sức
ăn cố *(try to eat more, even with full stomach)*; **làm cố** *(try to work more)*; **cố cãi** *(try to argue)*; **cố nhớ lại** *(try to recall)*

cố: có chủ ý
cố ý, cố tình: *(purposely)*; **cố tâm:** *(designedly)* có sự tính toán từ trước

cố: đã có từ trước, cũ
cố đô: *(ancient capital)* kinh đô cũ; **cố hương:** *(native land)* quê hương cũ, đã xa cách từ lâu; **cố nhân:** *(old friend)* bạn cũ, người quen cũ; **cố tật:** thói quen cũ, khó sửa hay bệnh cũ không hết

cố: bền, chắc
kiên cố: *(strong, solid)* vững chắc; **củng cố:** *(to consolidate)* làm cho trở nên chắc chắn, bền vững; **cố chấp, ngoan cố:** *(stubborn)* chỉ theo ý mình

Đặt câu

1. (chính xác) _____

_____

2. (chính đáng) _____

_____

3. (anh chị) _____

_____

4. (anh hùng) _____

_____

5. (phản kháng) _____

_____

6. (cố hết sức) _____

_____

7. (cố hương) _____

_____

Đ. Văn phạm

Dấu phẩy

1. Dùng dấu phẩy để trích dẫn câu nói khi không cần nhấn mạnh.
(khi muốn nhấn mạnh câu nói thì dùng dấu hai chấm)
Thí dụ:

(không nhấn mạnh)	Bác sĩ nói với mẹ, "Cô chỉ bị ho do cảm lạnh chứ không có gì nguy hiểm."
(nhấn mạnh)	Bác sĩ nói với mẹ: "Cô phải ngủ đầy đủ, nếu không thì bệnh sẽ nặng hơn."

2. Dùng dấu phẩy giữa hai chữ giống nhau để rõ nghĩa hơn.
Thí dụ:

- Khi tôi nói đi, đi ngay lập tức.
- Các mẫu áo ở đây không có kiểu nào đặc biệt cả, cả loại giá tiền ngàn.

Đặt câu với dấu phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

E. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Em đã học qua vài vị anh hùng chống xâm lăng trong lịch sử Việt Nam. Hãy cho biết tiểu sử và những việc làm của vị anh hùng mà em thích. Giải thích lý do tại sao em chọn vị anh hùng này?

Bài học 8

A. Tập đọc và viết chính tả

Nước Mắm

Nước mắm đối với người Việt là một món nước chấm không thể không có. Chai nước mắm hiện diện trong mọi nhà bếp của gia đình người Việt.

Nước mắm là loại nước chấm có nguồn gốc từ Việt Nam. Hai vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng ở Việt Nam là Phan Thiết và Phú Quốc. Vùng Phan Thiết đã sản xuất nước mắm từ năm 1809 và bán ra miền Bắc. Nước mắm ở Phan Thiết ngon vì Phan Thiết là **vùng chài lưới** với sẵn cá tươi và gần những nơi làm **muối** ngon. Còn đảo Phú Quốc là một đảo lớn nằm phía Tây Nam của Việt Nam. Nguồn sống của người dân Phú Quốc là đánh cá nên việc làm nước mắm trở nên cần thiết để tiêu thụ cá dư thừa.

Ngày xưa nước mắm được làm tại **tư gia** để dùng và bán ra dưới dạng buôn bán nhỏ. Nhưng ngày nay, nước mắm được **sản xuất hàng loạt** từ các công ty lớn để **đáp ứng** nhu cầu ngày càng tăng trong nước và **xuất cảng** ra ngoại quốc. Nước mắm được làm từ nhiều loại cá, tôm hay mực, nhưng **cá cơm** là loại cá được ưa chuộng và cho ra nước mắm ngon nhất.

Để làm nước mắm, cá cơm mới đánh về được bỏ vào **thùng lều** và được xếp tuần tự một lớp cá với một lớp muối cho tới khi đầy thùng; với tỷ lệ bốn phần cá, một phần muối. Thùng được đậy kín và ủ trong thời gian từ 10 đến 12 tháng cho **cá chín**. Sau đó nước mắm được **chắt ra** từ một vòi nhỏ gần đáy thùng.

Nước mắm ngon dở tùy thuộc vào nhiều yếu tố như: phương pháp làm, **nồng độ** muối, loại cá và những gia vị phụ thuộc. Nước mắm được phân làm ba hạng: nước mắm **thượng hạng** với **hàm lượng chất đạm** 18 **độ** trở lên,

nước mắm hạng nhất với 14 độ đạm và hạng trung bình với 11 độ đạm. Nồng độ muối trong nước mắm cũng phải giữ ở mức 25 độ. Sự ngon dở cũng còn tùy thuộc vào mùa có cá **béo** nhất như vào Tháng Tám.

Thùng lều

Một loại nước mắm ngon nhất là nước mắm nhĩ. Nước mắm nhĩ thường không được làm theo kiểu kỹ nghệ vì đòi hỏi **tiến trình chế biến** công phu. Sở dĩ gọi là mắm nhĩ vì mắm được cho **rỉ ra** từng giọt. Nước mắm nhĩ thơm và trong vắt.

Nước mắm là loại nước chấm căn bản dùng trong hầu hết các món ăn của người Việt Nam. Vì thế, nước mắm còn được gọi là món **quốc hồn quốc túy** của Việt Nam.

Ngữ vựng:

vùng chài lưới: *(fishing coastal area)* vùng bờ biển tập trung những thuyền bè và cư dân làm nghề đánh cá
muối: *(salt)* Việt Nam sản xuất muối từ nước biển chứ không khai thác từ mỏ như ở Mỹ. Muối biển không nhuyễn như muối mỏ và có pha lẫn nước.
nhãn hiệu: *(brand)* tên hiệu của sản phẩm
tư gia: *(home)* nhà riêng
sản xuất hàng loạt: *(mass production)* Hình thức sản xuất trong kỹ nghệ
đáp ứng: *(to meet)* cung cấp đầy đủ
xuất cảng: *(to export)* bán hàng ra ngoại quốc
cá cơm: *(anchovy)* loại cá nhỏ

thùng lều: tên gọi của dân địa phương ám chỉ thùng lớn làm bằng gỗ để đựng cá làm nước mắm
cá chín: khi cá đã cho ra hết chất đạm, cũng là lúc nước mắm đã đủ ngày.
chắt ra: *(to drain off)* lấy hết nước từ cá ra

nồng độ: *(concentration)* độ đậm đặc. 25° (độ) muối có nghĩa là trong nước mắm có 25% muối.
thượng hạng: *(highest grade)* hạng cao nhất
hàm lượng: *(content)* số lượng chứa bên trong
chất đạm: *(protein)* chất có từ thịt (của cá)
độ: viết tắt của nồng độ
béo: *(fat)* mập mạp
tiến trình: *(process)* thứ tự những công việc
chế biến: *(to process)* làm biến đổi thành thứ khác hay tốt hơn
rỉ ra: (to drip) chảy ra từng chút một
quốc hồn quốc túy: *(spirit of a nation)* tinh hoa của dân tộc, quốc gia

B. Trả lời câu hỏi

1. Hai vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng ở Việt Nam là gì?

_____

_____

2. Tại sao nước mắm Phan Thiết ngon?

_____

_____

3. Nước mắm ngon thường được làm từ cá gì?

_____

_____

_____

4. Những thùng đựng cá làm nước mắm được gọi là gì?

_____

_____

5. Cách làm nước mắm thế nào?

_____

_____

_____

_____

6. Nước mắm được xếp hạng thế nào?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

tư: bốn
Thứ Tư: *(Wednesday)*; **Tháng Tư:** *(April)*; **một phần tư:** ¼; **chia làm tư:** *(divided by 4)*

tư: riêng, cá nhân
tư nhân: *(private)*; **tư gia:** *(home)* nhà riêng; **đời tư:** *(private life)*; **học tư:** *(private education)*
vô tư: *(impartial)*

tư: tiền của
chủ nghĩa tư bản: *(capitalism)*; **đầu tư:** *(to invest)* bỏ vốn để kinh doanh

tư: suy nghĩ
tư tưởng: *(thought, idea)* sự suy nghĩ; **suy tư:** *(to think)*; **tâm tư:** *(thought)* điều suy nghĩ trong lòng; **vô tư lự:** *(care free)* không lo nghĩ gì

công: người làm việc

Lớp 7

công nhân: *(worker, employee)* người làm việc; **công đoàn:** *(worker union)*; **nhạc công:** *(musician)*; **phi công:** *(pilot)* người lái máy bay

công: không thiên vị
công bằng: *(fair)*; **công minh chính trực:** công bằng, ngay thẳng, không thiên vị ai; **chí công vô tư:** rất công bằng

công: chung (trái với tư)
công chúng: *(the public)* đám đông nhiều người; **công dân:** *(citizen)*;
công giáo: *(Catholic)*
công quỹ: *(public funds)* quỹ của chính phủ, quỹ chung; **công ty:** *(company)*; **công lý:** *(justice)* lý lẽ được xã hội cho là đúng

xuất: ra
xuất bản: *(to publish)*; **xuất cảng:** *(to export)*;
xuất gia: rời nhà đi tu; **xuất giá:** đi lấy chồng;
xuất xứ: *(origin)* nguồn gốc; **xuất phát:** *(to start)*; **xuất quỷ nhập thần:** hành động nhanh nhẹn

nhập: vào
nhập cảng: *(to import)*; **nhập học:** vào học; **nhập ngũ** *(to enlist):* tham gia quân đội; **nhập tịch:** *(to become naturalized)*
nhập gia tùy tục: vào một gia đình thì phải tuân theo luật lệ của gia đình đó

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (đời tư) _____

_____

2. (tư tưởng) _____

_____

3. (công nhân) _____

_____

4. (công dân) _____

_____

5. (xuất xứ) _____

_____

6. (xuất bản) _____

_____

7. (nhập học) _____

_____

8. (nhập tịch) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu chấm phẩy

1. Dùng để ngăn những mệnh đề độc lập trong câu.

Thí dụ:

- Vào mùa hè năm nay, miền Tây thì mát; miền Đông thì nóng.
- Người con trai lớn thì thông minh; người con trai út thì khờ khạo.
- Voi mẹ đang ăn lá cây; hai voi con đang đùa giỡn với nhau; còn voi bố thì đang tắm trong vũng nước.

2. Dùng để ngăn một loạt những tên gọi để tránh lẫn lộn.

Thí dụ:

Có vài nhân vật nổi tiếng trong buổi tiệc hôm nay là ông Trần Văn Hải, Chủ tịch cộng đồng người Việt Los Angeles; ông Phạm Hùng, nhà văn với nhiều tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng; bà Hồ Thị Thảo, nhà thơ tranh đấu ở trong nước vừa bị trục xuất khỏi Việt Nam.

Lớp 7

Đặt câu với dấu chấm phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Hãy viết một câu truyện giả tưởng hay có thật liên quan tới nước mắm. Câu truyện có thể là cách nấu một món ăn, công cuộc đi tìm hiểu về một món ăn hay sự ưa thích đối với những món ăn khác nhau…

Lớp 7
Bài học 9

A. Tập đọc và viết chính tả

Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo nằm trong vùng **Biển Đông**. Từ đầu thế kỷ 17, Chúa Nguyễn đã tổ chức **khai thác** Quần Đảo Hoàng Sa bằng cách **cử** các đội tàu ra đó đánh cá và thu lượm tài vật của các tàu đi ngang qua bị đắm do đụng phải đá ngầm.

Trong **giai đoạn** người Pháp cai trị Việt Nam, vào năm 1932, Pháp đã **chính thức tuyên bố An Nam** có **chủ quyền lịch sử** trên Quần Đảo Hoàng Sa và **sáp nhập** quần đảo vào Tỉnh Thừa Thiên. Đến năm 1950, Pháp chính thức chuyển giao quyền kiểm soát Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa cho chính phủ Quốc Gia Việt Nam.

Năm 1956, lợi dụng thời điểm khai sinh quốc gia Việt Nam Cộng Hòa, Trung Cộng đã đưa quân ra chiếm giữ toàn bộ phía Đông Quần Đảo Hoàng Sa bao gồm 2 đảo lớn là Phú Lâm và Linh Côn. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa luôn tuyên bố có chủ quyền đối với hai Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 19 tháng 1 năm 1974, thừa dịp Việt Nam Cộng Hòa đang phải **đương đầu** với cuộc **tổng tấn công** của Cộng Sản Bắc Việt, quân đội Trung Cộng đã tấn công hải quân Việt Nam Cộng Hòa trong **trận hải chiến**, được gọi là Hải Chiến Hoàng Sa năm 1974. Cuối cùng Trung Cộng đã chiếm được toàn bộ Quần Đảo Hoàng Sa.

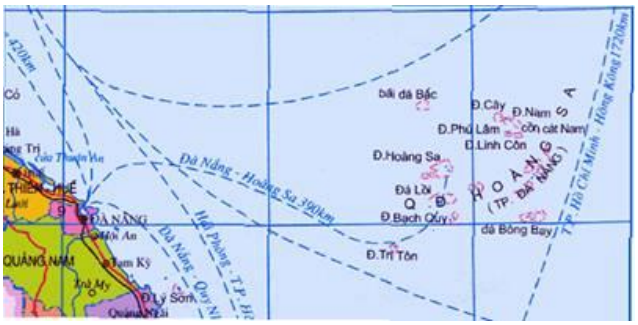

Một quần đảo nằm phía Nam của Hoàng Sa cũng thuộc chủ quyền của Việt Nam là Quần Đảo Trường Sa.

Lớp 7

Quần Đảo Trường Sa là một nhóm của trên 100 **thực thể biển** mà đa số là các bãi **san hô** hay cồn cát, chỉ nhô lên khỏi mặt nước khi **thủy triều** xuống.

Ngày nay Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa đang là nơi mà nhiều nước trong vùng **Biển Đông** đòi hỏi chủ quyền. Đặc biệt là sự đòi hỏi chủ quyền của Trung Cộng trên hầu hết diện tích vùng Biển Đông, bao gồm cả hai Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy nhiên sự đòi hỏi chủ quyền **phi lý** của Trung Cộng đã bị Tòa Án Trọng Tài Quốc Tế ở **La Hague** bác bỏ ngày 12 tháng 7 năm 2016.

Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa có **vị thế chiến lược** nằm trên con đường hàng hải quan trọng nối liền Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương qua **eo biển Malacca**. Vì vị thế chiến lược quan trọng này mà Trung Cộng đang tìm mọi cách để chiếm lấy. Với **tình huống** này, một nước Việt Nam Cộng sản sẽ khó có thể giữ được chủ quyền trên hai quần đảo và **ngư trường** cho người dân Việt Nam, như nhiều trường hợp ngư dân Việt bị tàu Trung Cộng đâm chìm ở Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngữ vựng:

quần đảo: *(archipelago)* một nhóm các đảo
Hoàng Sa: *(Paracel Islands)*; **Trường Sa:** *(Spratly Island)*
Biển Đông: *(South China Sea)* vùng biển phía Đông của Việt Nam
khai thác: *(to exploit)* tìm kiếm tài nguyên có sẵn
cử: *(to send)* gửi (người nào) đi làm một việc gì
giai đoạn: *(period)* khoảng thời gian
chính thức: *(official)* công khai với đầy đủ tính pháp lý
tuyên bố: *(to declare)* nói lên một cách công khai
An Nam: tên gọi của Trung Kỳ (miền Trung Việt Nam) dưới sự bảo hộ của Pháp. Thời đó, Pháp chia Việt Nam ra làm 3 miền với các thể chế cai trị khác nhau: miền Bắc là Tonkin, miền Nam là An Nam và miền Nam là Cochinchina.

Lớp 7

chủ quyền: *(sovereignty)* quyền làm chủ của một quốc gia độc lập đối với lãnh thổ của mình
chủ quyền lịch sử: chủ quyền dựa trên lịch sử sở hữu lâu đời
sáp nhập: *(to annex, merge)* đem nhập vào
đương đầu: *(to cope, to deal with)* đối đầu với
tổng tấn công: *(full scale attack)* cuộc tấn công lớn và quy mô
trận hải chiến: *(naval battle)* trận chiến của hải quân trên biển
thực thể biển: *(marine feature)* tên gọi chung các đảo, bãi san hô, bãi cát hay bãi đá trên biển; **san hô:** *(coral)*
thủy triều: *(tide)* sự dâng lên và hạ xuống của mực nước (biển)
phi lý: *(unreasonable)* không theo lý lẽ nào
Tòa Án Trọng Tài Thường Trực Quốc Tế: *(Permanent Court of Arbitration)*
La Hague: thành phố lớn thứ ba của Hòa Lan, là thủ phủ của chính phủ Hòa Lan
vị thế chiến lược: *(strategic position)* địa điểm trọng yếu về chiến lược
eo biển Malacca: *(Strait of Malacca)* eo biển nằm giữa bán đảo Malasia và đảo Sumatra. Eo biển có chiều dài 805 km (500 miles) và bề ngang ở nơi hẹp nhất chỉ 1,2 km.
tình huống: *(situation)* hoàn cảnh đang trải qua
ngư trường: *(fishing grounds)* khu vực đánh bắt cá

B. Trả lời câu hỏi

1. Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm trong vùng biển tên là gì?

_____

_____

2. Chúa Nguyễn đã tìm cách khai thác Quần Đảo Hoàng Sa từ lúc nào?

_____

_____

3. Vào năm 1932, chính quyền Pháp đã sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh nào của Việt Nam?

_____

_____

4. Trận hải chiến Hoàng Sa năm 1974 xảy ra giữa hải quân nước nào?

_____

_____

5. Tại sao Quần Đảo Hoàng Sa và Trường Sa quan trọng?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

khai: mở, làm cho thông
khai phá: *(to reclaim)* biến vùng hoang vu thành đất đai hữu dụng; **khai khẩn** đất hoang; **khai mạc:** *(to open);* khai thác: *(to exploit);* **khai thiên lập địa:** từ khi mới có trái đất

khai: cho biết
khai báo: *(to report);* **kê khai:** *(to report on paper, to declare)*

khai: bắt đầu
khai chiến: *(to declare war);* **ngày khai giảng**: *(first day of school year);* **sơ khai**: *(early, primitive)*

chính: quan trọng, cơ bản
cổng chính: *(main gate);* **chính thức:** *(official);* **chính yếu:** *(primary)*

chính: *ngay thẳng, trái với tà*
chính đáng: *justifiable;* việc làm chính đáng; **chính nghĩa:** *(just cause, justice);* cờ vàng là lá cờ chính nghĩa.

chính: *(self)* (nhấn mạnh)

chính nó là người thắng giải; chính ông ấy đã cứu tôi.
chính: thuộc về chính trị
chính khách: *(politician, stateman);* **chính quyền:** *(government);* **chính sách:** *(government policy)*; chính sách chống ô nhiễm của chính phủ sẽ giảm khí thải một nửa vào năm 2040.

chủ: có quyền sở hữu
làm chủ: *to own;* **chủ nhà:** *(house owner);* **chủ quyền:** *(sovereignty);* **dân chủ:** *(democracy);* **chủ và thợ:** *(employer and employee);* **chủ và khách:** *(host and guest)*

chủ: chính; **chủ đề:** *(topic);* **chủ đích:** *(main purpose);* **chủ yếu:** *(mainly)*

tổng: cộng lại
tổng cộng: *(total);* tổng số tiền; tổng kết: *(summary)*

tổng: chung, toàn bộ
tổng đình công: *general strike;* **tổng công đoàn:** *(general union);* **tổng giám đốc:** *(general manager);* **tổng tư lệnh:** *(commander in chief)*

Đặt câu với những chữ sau đây:
(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (khai mạc) _____

_____

2. (khai giảng) _____

_____

3. (chính thức) _____

_____

4. (chính) _____

_____

5. (chính quyền) _____

_____

6. (chủ nhà) _____

_____

7. (chủ đề) _____

_____

8. (tổng cộng) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu chấm phẩy

1. Dùng trước **"thí dụ, giả như, như là..."**

Thí dụ:

- Đề thi ra trường năm nay sẽ đặt trọng tâm vào khả năng hiểu biết về mọi mặt; như là, khả năng viết văn, sự nhanh trí trong việc tìm giải đáp cho vấn đề, và kiến thức tổng quát phải rộng rãi trên mọi phương diện.
- Trước khi mua một chiếc xe, anh phải nghiên cứu và tìm hiểu về chiếc xe một cách kỹ lưỡng; thí dụ như, độ bền của chiếc xe, sự mất giá nhiều hay ít khi xe cũ đi, chọn loại xe thỏa mãn cho nhu cầu của mình, và phải tìm hiểu giá cả cho chính xác để không bị hớ.

2. Dùng trước những liên từ hay chữ liên kết hai mệnh đề với nhau như **tuy nhiên, vì thế, dù sao, cũng như...**

Thí dụ:

- Bích không đạt được hạng nhất trong Kỳ Thi Viết Chính Tả năm nay; tuy nhiên, em ấy vẫn vui vẻ như thường.
- Ba nó phạt không cho nó đi chơi với bạn ngày Chủ Nhật; dù thế, ba nó vẫn cho phép bạn tới nhà chơi.

Lớp 7

Đặt câu với dấu chấm phẩy.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Em hãy cho biết sự quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Bài học 10

A. Tập đọc và viết chính tả

Thờ Cúng Tổ Tiên

Người Việt Nam quan niệm, Trời sinh ra vạn vật, Tổ Tiên sinh ra ta. Trời là **vị thần linh** cao nhất nên chỉ có nhà vua, là **thiên tử**, mới có quyền cúng tế. Các vị vua Nhà Nguyễn thường làm lễ tế Trời ở **Đàn Nam Giao** tại Huế để tạ ơn Trời Đất và **cầu cho quốc thái dân an**. Còn người dân thì xem việc cúng bái tổ tiên là một biểu hiện của đạo hiếu; một tinh thần đã thấm nhuần vào **tâm khảm** như một **Việt tính**.

Người Việt nghĩ, cho dù đã qua đời nhưng ông bà, tổ tiên luôn hiện diện trong nhà để phù hộ và che chở cho con cháu. Người sống và người chết luôn có **sự liên hệ mật thiết** với nhau. Con cháu làm điều sai trái sẽ **làm phật lòng** và mang tiếng xấu cho tổ tiên, tức là phạm **tội bất hiếu**.

Bàn thờ gia tiên thường được đặt ở nơi cao ráo và chính giữa của căn nhà. Những người giàu có thì xây một căn nhà riêng chỉ dành cho việc thờ tự; gọi là tổ miếu. Trên bàn thờ gia tiên bao giờ cũng có **bài vị** hay hình của ông bà tổ tiên, **chén hương**, đèn cầy và chén **nước lã**. Hai bên bàn thờ thường có **bức hoành phi** để nói lên công đức của tiền nhân, như một câu đối thường dùng:

Tổ tông công đức thiên niên thịnh,
Tử hiếu tôn hiền vạn đại xương.
(Công đức tổ tiên vững bền ngàn năm,
Con hiếu cháu hiền ngàn đời hưng thịnh.)

Người Việt quan niệm sống sao chết vậy, khi ở dương gian ăn gì, dùng gì thì ở bên kia thế giới ăn nấy, dùng nấy. Với ngụ ý để ông bà có nơi ăn chốn ở và tiền bạc tiêu dùng, đồ vật cúng thường bao gồm những thứ mà ông bà yêu thích như nhà cửa, đồ dùng và tiền bạc bằng giấy; những **đồ vàng mã** đó sẽ được đốt đi sau khi cúng để ông bà mang theo về **âm phủ**.

Lớp 7

Việc cúng bái tổ tiên được thực hiện vào những dịp lễ, tết trong năm. Ngay cả những dịp vui buồn, người ta cũng luôn chia sẻ với ông bà; như khi con dâu mới về nhà chồng cũng phải ra mắt ông bà bằng lễ bái gia tiên.

Ngày nay, tục lệ thờ cúng ông bà của người Việt đã không còn bị xem là một **sự mê tín dị đoan**. Vì người Việt không xem việc thờ cúng ông bà là một **tín ngưỡng** mà chỉ là một tục lệ thể hiện lòng hiếu thảo với ông bà tổ tiên đã khuất.

Ngữ vựng:

vị thần linh: *(spirit)* vị thần linh thiêng

Thiên tử: con của Trời. Người xưa coi vua là con của Trời xuống để cai quản dân gian.

Đàn Nam Giao: Đàn Nam Giao của Triều Nguyễn ở Huế là một kiến trúc dùng để cúng tế Trời Đất. Nhà vua thường tới đây cúng tế Trời Đất vào đầu mùa xuân.

cầu cho quốc thái dân an: cầu xin cho đất nước được hòa bình, không chiến tranh và dân chúng có được cuộc sống an vui, hạnh phúc

tâm khảm: *(the bottom of one's heart)* trong tận đáy lòng

sự liên hệ mật thiết: *(close relationship)*

làm phật lòng: làm mất lòng, trái ý người nào

tội bất hiếu: tội làm trái với đạo hiếu

bài vị: miếng gỗ có khắc tên, chức vị khi còn sống, ngày sinh, ngày chết của một người

chén hương: chén dùng để cắm nhang, hương. Người ta thường để gạo hay cát trong chén để cắm cây nhang.

nước lã: *(water)* nước thường

bức hoành phi: tấm bảng làm bằng gỗ hay giấy, thường đi một cặp, trên viết hai câu đối.

đồ vàng mã: chỉ những đồ làm bằng giấy (nhà cửa, xe, tiền…) với ngụ ý cho người được cúng dùng (ở thế giới bên kia).

âm phủ: thế giới của người chết

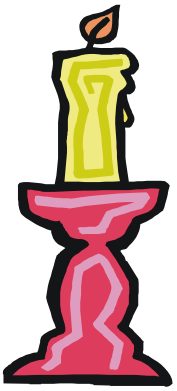

Lớp 7

sự mê tín dị đoan: *(superstition)* lòng tin vào thần linh một cách mù quáng

tín ngưỡng: *(faith)* lòng tin

B. Trả lời câu hỏi

1. Theo người Việt Nam, ai mới có quyền cúng tế Trời? Tại sao?

_____

_____

2. Tại sao người Việt thờ cúng tổ tiên?

_____

_____

3. Bàn thờ gia tiên thường có những gì?

_____

_____

4. Trên bài vị được ghi những gì?

_____

_____

5. Khi cúng tổ tiên, người ta đốt vàng mã để làm gì?

_____

_____

6. Người Việt thường cúng bái gia tiên vào những dịp nào?

_____

_____

Lớp 7

C. Phân biệt ý nghĩa

tâm: tim, tình cảm của con người
lương tâm: *(conscience)*; **để tâm:** *(to pay attention)*
tâm sự: *(confidence)*; **tâm tánh:** *(mentality, character)*; **tâm hồn:** *(soul)*
tâm linh: *(spirit)*; **tâm lý:** *(psychological)*; **tâm trí:** *(mind)*; **tâm tư:** *(thought)*

tâm: ở giữa
trung tâm: *(center)*; **tâm điểm:** *(central point)*, **trọng tâm** *(main point)*

mật: *(gall bladder)*; **sạn mật:** *(gall stone)*; **to gan lớn mật:** *(greatly daring)*
mật ong: *(honey)*; mật ngọt chết ruồi

mật: *(secret)*;
bí mật: *(secret)*; **mật đàm:** *(to talk secretly)*; **mật hiệu:** *(code)*; **mật khẩu:** *(password)*; **mật khu:** *(secret zone)*; **mật thám:** *(spy, detective)*; **mật thư:** *(confidential letter)*; **mật vụ:** *(secret service)*
mật thiết: *(close)*; **thân mật:** *(intimate)*

tín: lòng tin
tín đồ: *(believer)*; **tín nhiệm:** *(to trust)*; **bội tín:** *(breach of trust)*; **cuồng tín:** *(fanatic)*; **mê tín:** *(superstitious)*; **uy tín:** *(prestige)*

điện tín: *(telegram)*; **thông tín viên:** *(correspondent)*; **thẻ tín dụng:** *(credit card)*

mê: *in love*
mê ăn: *(greedy)*; **mê âm nhạc:** *(to be crazy about music)*; **mê mải:** *(absorbed in)*; **mê mẩn:** *(to be bewitched)*; **mê man:** *(to be in a coma)*

Lớp 7

mê hoặc: *(to entice, to deceive)*; **mê lộ:** *(path of error)*; **mê muội:** *(stupid)*; **mê sảng:** *(delirious)*

Đặt câu

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (lương tâm) _____

_____

2. (tâm hồn) _____

_____

3. (tậm sự) _____

_____

4. (mật thám) _____

_____

5. (thân mật) _____

_____

6. (mật ong) _____

_____

7. (tín đồ) _____

_____

8. (thẻ tín dụng) _____

_____

9. (mê mải) _____

_____

10. (mê) _____

_____

D. Văn phạm

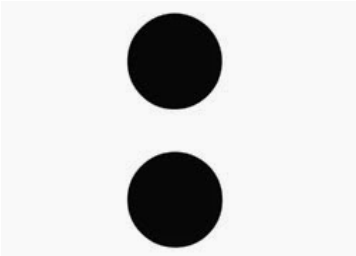

Dấu hai chấm (:)

1. Dùng để liệt kê danh sách.

Thí dụ:

- Những lý do về sự thất bại xin việc làm của anh ấy là: không biết ăn nói, không chịu xông xáo đi tìm việc, không muốn làm những việc anh không thích.
- Bữa tiệc hôm nay có nhiều món tráng miệng rất ngon như: bánh kem, cà rem, thạch dừa, sinh tố trái cây.

2. Dùng để trích dẫn một lời nói.

Thí dụ:

- Trần Bình Trọng nói: "Ta thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc."
- Lý Thường Kiệt đã tuyên bố: "Đất Nam là của dân Nam."

Đặt câu với dấu hai chấm.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Thờ cúng tổ tiên là một phong tục xưa và ngay cả ngày nay cũng vẫn còn được đa số người Việt Nam thực hành, nhất là trong những ngày lễ, giỗ, tết. Em nghĩ thế nào về phong tục này và nếu áp dụng cho chính mình thì nên thực hành thế nào?

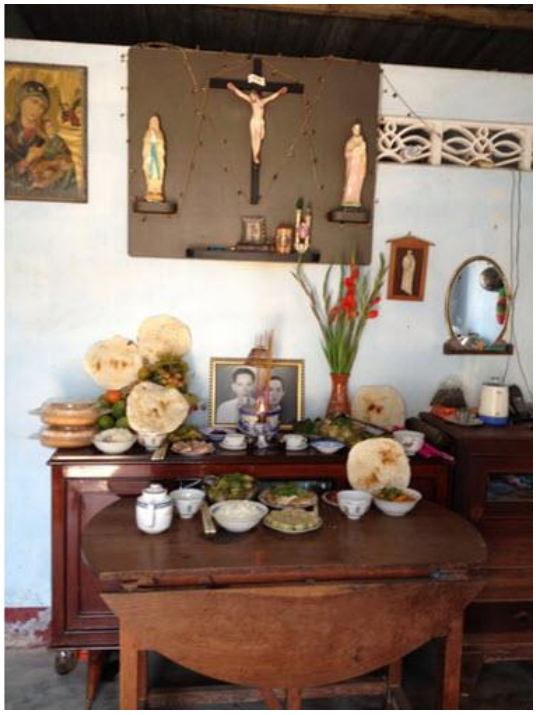

Bài học 11

A. Tập đọc và viết chính tả

Sông Hồng

Sông Hồng là con sông quan trọng nhất miền Bắc. Vì nước sông có màu đỏ do nhiều phù sa nên được gọi là Sông Hồng. Sông bắt nguồn từ Tỉnh Vân Nam bên Trung Hoa, chảy vào Việt Nam qua ngả Lào Cai, chảy ngang Hà Nội và đổ ra Biển Đông tại cửa Ba Lạt, nằm giữa ranh giới Tỉnh Thái Bình và Nam Định. Sông Hồng dài 1,150 km với đoạn chảy trên đất Việt Nam dài 510 km.

Hai **phụ lưu** chính của Sông Hồng là Sông Đà ở bên phải và Sông Lô bên trái. Sông Đà và Sông Lô bắt nguồn từ Vân Nam và nhập với Sông Hồng tại Tỉnh Phú Thọ. Sông Hồng có **phân lưu** bên trái là Sông Đuống và Sông Luộc. Sông Đuống là đường sông giúp nối liền Cảng Hải Phòng với Hà Nội. Phân lưu bên phải của Sông Hồng là Sông Đáy và Sông Đài. Khi chảy ngang qua Huyện Mỹ Đức, Sông Đáy có một phụ lưu chảy vào là Suối Yến; đây là đường sông vào **Chùa Hương**.

Sông Hồng có **lưu lượng** không đều đặn. Vào mùa khô lưu lượng giảm chỉ còn 700 mét khối mỗi giây (m^3/s), nhưng vào mùa nước lũ có thể lên tới 30,000 m^3/s. Mực nước sông có thể dâng cao lên 12 mét vào mùa mưa. Để ngăn **lũ lụt**, hệ thống **đê** Sông Hồng là hệ thống quy mô nhất trong 4 hệ thống đê của miền Bắc, đã được xây đắp từ thời xưa với chiều dài 1,314 km.

Sông Hồng có nhiều cây cầu bắc ngang. Một cây cầu nổi tiếng ở Hà Nội là Cầu Long Biên. Đây là cây cầu sắt đầu tiên bắc qua Sông Hồng được xây

từ năm 1899 dưới thời Pháp thuộc. Cầu dài 1,862m và gồm 19 **nhịp**.

Sông Hồng đã tạo nên một vùng đồng bằng màu mỡ. Đồng bằng Sông Hồng rộng 15,000 km², bằng 4.5% diện tích nhưng có dân số đông khoảng 21% của cả nước. Đồng Bằng Sông Hồng bao gồm 10 tỉnh đông dân cư của miền Bắc, trong đó có Hà Nội.

Đê sông Hồng

Ngày nay, Sông Hồng đem lại cho miền Bắc một lợi ích mới là **điện lực**. Nhu cầu điện lực dẫn tới việc nhiều **đập thủy điện** đã được xây dựng dọc theo sông chính và những phụ lưu. Đập thủy điện giúp ngăn chặn nước lũ và tạo ra **điện năng**, nhưng đồng thời **làm biến đổi** dòng sông và gây ra những tai hại về môi trường.

Mong sao con người luôn ý thức sự tồn tại của mình gắn liền với thiên nhiên mà không khai thác dòng sông một cách thái quá.

Ngữ vựng:

phụ lưu: chỉ con sông phụ chảy vào sông chính

phân lưu: chỉ con sông chảy ra từ sông chính

Chùa Hương: ngôi chùa nổi tiếng nhất trong khoảng chục ngôi chùa thuộc Xã Hương Sơn, Huyện Mỹ Đức, Hà Nội. Chùa Hương được xây vào khoảng cuối thế kỷ 17, nằm bên phải Sông Đáy. Chùa Hương nằm trong Động Hương Tích với nhiều thạch nhũ đủ hình dạng, đã hấp dẫn nhiều khách du lịch nhất vùng Hương Sơn.

lưu lượng: *(flow volume)* thể tích nước chảy qua một điểm trong một giây

lũ lụt: *(flood)*

đê: *(dike)* dãy đất đá xây dọc bờ sông để ngăn nước tràn qua bờ gây lụt lội

nhịp (cầu): *(bridge span)* khoảng cách giữa hai chân cầu

điện lực: *(electricity)*

đập thủy điện: *(hydropower dam)* đập sản xuất điện

điện năng: *(electric energy)* năng lượng điện

làm biến đổi: *(to transform, to convert)* làm thay đổi từ dạng này sang dạng khác

B. Trả lời câu hỏi

1. Sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Dài bao nhiêu?

_____

_____

2. Phụ lưu chính của Sông Hồng là sông gì?

_____

_____

3. Phân lưu chính của Sông Hồng là gì?

_____

_____

4. Vào mùa mưa, nước Sông Hồng dâng lên cao bao nhiêu mét?

_____

5. Hệ thống đê Sông Hồng dài bao nhiêu cây số?

_____

6. Đồng Bằng Sông Hồng bao gồm mấy tỉnh?

_____

7. Cầu Long Biên bắc qua Sông Hồng ở đâu?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

nguồn: *(source)*
nguồn gốc: *(source, origin)*; **nguồn tin:** *(source of information)*; **nguồn sông:** *(source of a river)*;

Lớp 7

bắt nguồn: *(to originate from)*; **cội nguồn:** *(origin, root)*
nguồn an ủi: *(comfort)*; **nguồn tư tưởng:** *(train of thought)*; **nguồn cảm hứng:** *(inspiration)*

giới: *(circle, world)*
thế giới: *(world)*; **giới trí thức:** *(intellectual circle)*; **nữ giới:** *(female)*; **nam giới:** *(male)*

giới: *(this world)*
giới thiệu: *(to introduce)*; **giới nghiêm:** *(curfew)*

lưu: *(to keep)* giữ lại
lưu niệm: *(for a keepsake)*; **lưu danh:** *(to leave a good name)*; **lưu luyến:** *(to be attached to)*; **lưu trữ:** *(to preserve)*; **lưu truyền:** *(to hand down)*

lưu: chảy
lưu lượng: *(flow volume)*; **lưu thông:** *(traffic)*; **phiêu lưu:** *(to wander)*; **trào lưu:** *(trend)*; **lưu hành:** *(to circulate)*; **lưu loát:** *(fluent)*

lưu manh: *(scoundrel)*

lưu tâm, lưu ý: *(to pay attention)*

nhu: *soft*
nhu mì: *(modest, humble)*; **nhu nhược:** *(feeble, weak)*

nhu: cần thiết
nhu cầu: *(need, requirement)*; **nhu yếu phẩm:** *(necessary things for daily life)*; **quân nhu:** *(military supplies)*

Lớp 7

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (nguồn gốc) _____

_____

2. (nguồn an ủi) _____

_____

3. (nữ giới) _____

_____

4. (giới thiệu) _____

_____

5. (lưu luyến) _____

_____

6. (lưu thông) _____

_____

7. (lưu loát) _____

_____

8. (lưu ý) _____

_____

9. (nhu mì) _____

_____

10. (nhu cầu) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu hai chấm (:)

Dùng để giải thích.

Thí dụ:

- Thắng đã không làm hết bài thi hôm qua: kết quả của sự không chịu học bài trước.
- Ông ấy đã tự chứng tỏ mình không phải là một chính trị gia giỏi: ông đã phát biểu những điều mang tính chất kỳ thị chủng tộc.

Đặt câu với dấu hai chấm.

1. _____

_____

_____

_____

2. _____

_____

_____

_____

3. _____

_____

_____

_____

4. _____

_____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Khi lớn lên, em mơ ước sẽ làm nghề gì?

- Tại sao em chọn nghề này?
- Diễn tả về nghề này.
- Nghề này thích hợp với em thế nào?
- Em sẽ làm gì để đạt đến mục đích đó?

Lớp 7
Bài học 12

A. Tập đọc và viết chính tả

Vua Lê Thái Tổ

Vua Lê Thái Tổ tên thật là Lê Lợi, sinh năm 1385, mất năm 1433. Lê Lợi là người đã đánh đuổi giặc Minh ra khỏi bờ cõi và là vị vua đầu tiên lập nên **Nhà Hậu Lê**; một **triều đại** dài nhất trong lịch sử nước ta.

Lê Lợi sinh vào cuối thời Nhà Trần trong hoàn cảnh đất nước **loạn lạc**. Năm 1400, **Hồ Quý Ly** cướp ngôi Nhà Trần, lập nên Nhà Hồ, đổi tên nước ta là **Đại Ngu**. Năm 1407, Nhà Minh ở phương bắc **thừa dịp** đất nước ta xáo trộn đem quân sang đánh. Nhà Hồ cố gắng chống trả giặc Minh nhưng không nổi. Sáu tháng sau, Hồ Quý Ly cùng hai con là **Hồ Nguyên Trừng** và **Hồ Hán Thương** thua trận và bị bắt đưa về Tàu. Nhà Minh cai trị nước ta kể từ đó.

Quân Minh cai trị dân ta rất **tàn bạo**. Chúng **vơ vét của cải** và **tài nguyên** nước ta đem về phương Bắc. Chúng còn **đồng hóa** dân ta bằng cách đốt sách và **tàn phá** các **đền thờ**, **chùa chiền** để làm cho người Việt quên đi **nguồn gốc** của mình. Nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên chống lại nhà Minh nhưng đều bị thất bại.

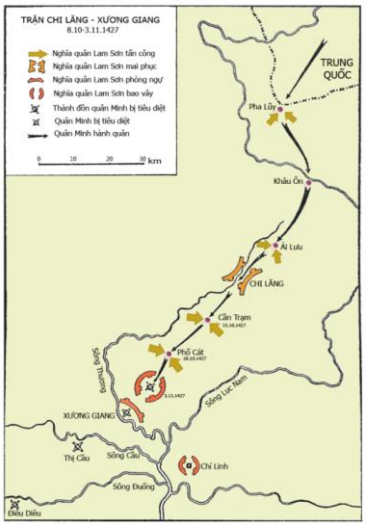

Năm 1416, Lê Lợi cùng 18 vị anh hùng lập **Hội Thề Lũng Nhai**, **tế cáo** Trời Đất kết nghĩa anh em, **thề nguyền** cùng nhau diệt giặc Minh. Năm 1418, Lê Lợi cùng 50 vị anh hùng dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn. Cuộc kháng chiến Lam Sơn kéo dài 10 năm và kết thúc bằng những chiến thắng ở **Chi Lăng**, **Xương Giang**, **Đông Quan**, buộc tướng nhà Minh là **Vương Thông** phải rút tất cả quân lính về nước, chấm dứt sự đô hộ 20 năm của Nhà Minh.

Lớp 7

Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi vua. Ông cho đổi tên nước ta thành **Đại Việt**, đóng đô ở Thăng Long và đổi tên Thăng Long thành Đông Kinh. Vua Lê Thái Tổ **ở ngôi** 5 năm, đến năm 1433 thì mất, thọ 48 tuổi. Con ông là **thái tử** Lê Nguyên Long lên nối ngôi, tức vua Lê Thái Tông.

Vua Lê Thái Tổ đã để lại cho hậu thế một tấm gương bất khuất chống ngoại xâm của dân Việt. Cho dù bị áp bức với những thủ đoạn nham hiểm nhằm xóa bỏ văn hóa, nhưng người dân Việt không bao giờ chịu khuất phục và lúc nào cũng có những anh hùng sẵn sàng đứng lên hy sinh mạng sống để cứu nước.

Ngữ vựng:

Nhà Hậu Lê: *(Later Le Dynaster)* các nhà sử học gọi là Nhà Hậu Lê để phân biệt với Nhà Tiền Lê (tồn tại từ năm 980-1009). Nhà Hậu Lê tồn tại gần 360 năm, từ năm 1428 -1788, có thời gian từ năm 1527-1533 ngôi vua về tay nhà Mạc. Sau đó một thời gian, đất nước tồn tại hai ngôi vua: Lê - Mạc, gọi là Nam – Bắc Triều. Nhà Mạc làm chủ vùng đất phía Bắc, nhà Lê làm chủ vùng đất phía Nam, từ Thanh Hóa trở vào.

triều đại: khoảng thời gian trị vì của một ông vua hay của một dòng họ vua

loạn lạc: tình trạng xã hội lộn xộn, không còn trật tự, an ninh do có giặc giã.

Hồ Quý Ly: làm quan dưới thời Nhà Trần, sau cướp ngôi Nhà Trần lập nên Nhà Hồ.

Đại Ngu: tên nước ta dưới thời Nhà Hồ (từ năm 1400-1407). Sau khi lên ngôi, Hồ Quý Ly đổi tên nước từ Đại Việt thành Đại Ngu. Chữ Ngu ở đây có nghĩa là "sự yên vui, hòa bình", chứ không có nghĩa là "ngu si". Hồ Quý Ly nhận mình là dòng dõi họ Hồ, con cháu Ngu Thuấn bên Trung Hoa, nên đặt tên nước ta là Đại Ngu.

thừa dịp: *(to take a chance to do something)* lợi dụng thời gian thuận lợi làm việc gì.

Hồ Nguyên Trừng: là con trai lớn của Hồ Quý Ly. Ông là người phát minh cách làm súng trường thời bấy giờ. Sau khi quân Minh đánh bại Nhà Hồ, Hồ

Lớp 7

Nguyên Trừng bị quân Minh bắt cùng cha và em là Hồ Hán Thương giải về Tàu. Vì có tài đúc súng, ông được Nhà Minh cho làm quan trong triều.

Hồ Hán Thương: con trai kế của Hồ Quý Ly. Hồ Hán Thương được cha truyền ngôi và làm vua từ năm 1401-1407 thì bị Nhà Minh đánh bại. Ông bị bắt cùng cha và anh giải qua Tàu.

tàn bạo: *(cruel)* độc ác và hung dữ

vơ vét: lấy đi hết không chừa thứ gì.

của cải: *(properties, assets)* những thứ có giá trị do con người làm ra hoặc có sẵn trong thiên nhiên.

tài nguyên: *(natural resources)* nguồn của cải có sẵn trong thiên nhiên

đồng hóa: làm cho một dân tộc khác từ bỏ phong tục, tập quán, văn hóa… của họ để chuyển qua phong tục, văn hóa của mình.

tàn phá: *(to destroy, to devastate)*

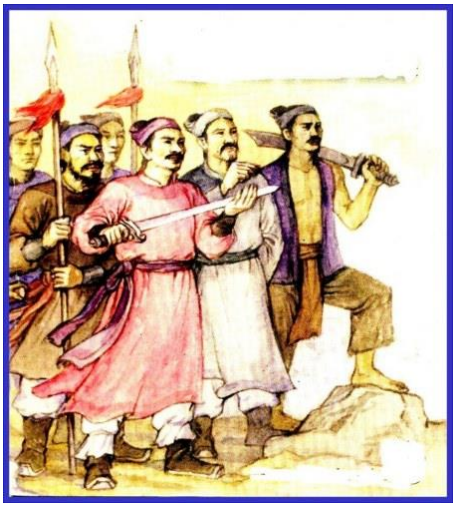

đền thờ: *(a temple to worship)* nơi tổ chức lễ nghi, cúng bái các vị anh hùng đã chết vì nước.

chùa chiền: *(pagoda)* nhà xây cất lên được làm nơi thờ Phật, tu hành, thường có nhà sư hoặc ni cô ở.

nguồn gốc: *(root, origin)* nguồn cội, gốc gác của một người: tổ tiên ông bà mình là ai? Phong tục, tập quán, văn hóa của mình?

Hội Thề Lũng Nhai: Lũng Nhai là tên một ngôi làng nhỏ thuộc Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hóa. Nơi đó vào năm 1416, Lê Lợi đã cùng 18 người anh em kết nghĩa, thề nguyền tiêu diệt giặc Minh nên được đặt tên Hội Thề Lũng Nhai.

tế cáo: *(to worship)* cúng dâng lễ vật theo nghi thức trọng thể, có chiêng trống và đọc bài văn để trời đất chứng giám cho những việc làm của mình.

thề nguyền: *(to swear)* hứa với nhau, nguyện cùng nhau làm điều gì đó.

Chi Lăng: tên của một địa danh lịch sử thuộc Tỉnh Lạng Sơn, cách biên giới Lạng Sơn – Trung Hoa 38 km về phía Tây Nam. Chi Lăng là tên địa danh đã gắn liền với các chiến thắng dưới thời Vua Lê Đại Hành, Lý Thường Kiệt và Lê Lợi.

Xương Giang: tên của một thành ở phía nam Ải Chi Lăng. Khi quân Minh thua trận ở Chi Lăng thì kéo về Thành Xương Giang, nhưng khi quân lính

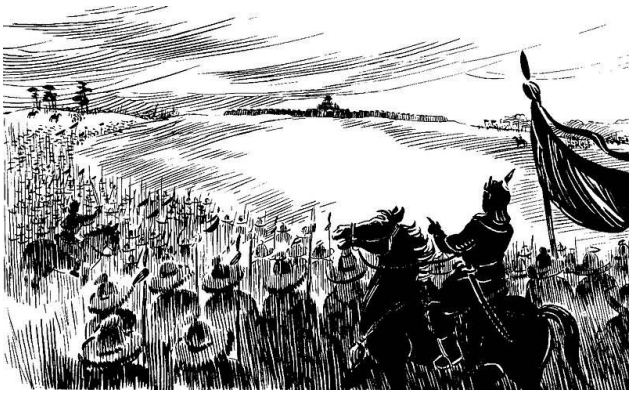

đến gần mới thấy thành đã bị quân Lam Sơn chiếm đóng. Quân Minh đành đóng quân ngoài cánh đồng, cách Thành Xương Giang 3 km.

Đông Quan: là tên của Thành Thăng Long. Sau khi quân Minh chiếm nước ta đã đổi thành Đông Quan.

Vương Thông: tướng quân Minh, đóng quân ở Thành Đông Quan, bị quân Lam Sơn bao vây, cuối cùng phải xin hòa và rút quân về nước.

Đại Việt: là tên của nước ta từ thời Vua Lý Thánh Tông (1054) đến cuối đời Trần (1400). Khi Nhà Hồ lên thay đổi thành Đại Ngu. Đến lúc Lê Lợi lên ngôi năm 1428, ông đã đổi lại tên Đại Việt. Cho tới năm 1804, vua Gia Long đổi tên nước thành Việt Nam.

ở ngôi: *(to be in the throne)* làm vua

thái tử: *(crown prince)* một người con của vua đã được chọn sẵn để sau này thay thế vua cha

B. Trả lời câu hỏi

1. Lê Thái Tổ tên thật là gì? Ông sống vào thế kỷ thứ mấy?

_____

_____

2. Nước ta dưới thời Nhà Hồ có tên là gì?

_____

3. Nhà Hồ chống trả Nhà Minh được bao lâu?

_____

4. Quân Minh cai trị nước ta thế nào?

_____

_____

5. Lê Lợi cùng 18 vị anh hùng lập Hội Thề Lũng Nhai vào năm nào? Để làm gì?

_____

_____

6. Lê Lợi cùng các vị anh hùng phất cờ khởi nghĩa Lam Sơn vào năm nào?

_____

_____

7. Cuộc kháng chiến Lam Sơn kéo dài trong bao nhiêu năm? Và kết thúc ra sao?

_____

_____

8. Tạo sao tướng Nhà Minh là Vương Thông phải rút tất cả quân lính về Tàu?

_____

_____

9. Nhà Minh cai trị nước ta trong thời gian bao lâu? Từ năm nào tới năm nào?

_____

_____

10. Lê Lợi lên ngôi vua năm nào? Nước ta được đổi tên thế nào?

_____

_____

11. Vua Lê Thái Tổ làm vua trong bao nhiêu năm? Ông mất khi bao nhiêu tuổi ?

_____

_____

C. Điền vào chỗ trống

Lê Lợi, 1433, Nhà Hậu Lê, Đại Ngu, bị bắt, đốt sách, nguồn gốc, Hội Thề Lũng Nhai, 9 năm, 1428, 1385, Nhà Trần, tàn bạo, đem về, đền thờ, khởi nghĩa, Chi Lăng, 5 năm

1. Lê Thái Tổ tên thật là _____, sinh năm _____, mất năm _____.

2. Lê Lợi là vị vua đầu tiên lập nên _____, triều đại **trị vì** dài nhất trong lịch sử nước ta. *(trị vì : giữ ngôi vua)*

3. Hồ Quý Ly cướp ngôi _____, lập nên Nhà Hồ, đổi tên nước ta là _____.

4. Hồ Quý Ly và hai con là Hồ Nguyên Trừng và Hồ Hán Thương _____ _____ giải qua Tàu.

5. Quân Minh cai trị dân ta rất _____. Chúng vơ vét của cải, tài nguyên của nước ta _____ phương Bắc.

6. Nhà Minh đồng hóa dân ta bằng cách _____, tàn phá các _____, chùa chiền.

7. Nhà Minh muốn người Việt quên đi _____ của mình.

8. Lê Lợi cùng 18 vị anh hùng lập _____ vào năm 1416.

9. Năm 1418, Lê Lợi cùng 50 vị anh hùng dựng cờ _____.

10. Khởi nghĩa Lam Sơn kéo dài _____ và kết thúc bằng những chiến thắng ở _____, Xương Giang, Đông Quan,

11. Lê Lợi lên ngôi vua năm _____, lập nên triều Hậu Lê.

12. Vua Lê Thái Tổ ở ngôi được _____, đến năm 1433 thì mất.

C. Phân biệt ý nghĩa

tiên: *(first)* trước
đầu tiên: *(first, original)*; **tiên đế, tiên vương:** *(the late king)*; **tiên đoán:** *(to predict);* **tiên phong:** *(vanguard, pioneer)*; **tổ tiên:** *(ancestor)*; **tiên tri:** *(to prophesy, to foretell);* **nhà tiên tri:** *(prophet)*

tiên: *fairy*
chuyện thần tiên: *(fairy tale)*; **tiên nữ, nàng tiên:** *(fairy)*; **tiên cảnh, tiên giới:** *(fairyland)*

hậu: *(back, behind, rear, future)* sau
hậu chiến: *(after war)*; **hậu phương:** *(rear)*; **hậu quả:** *(consequence)*; **hậu thuẫn:** *(to support);* **hậu trường:** *(backstage)*; **hậu vận:** *(future);* **hậu môn:** *(anus)*

hậu: *(generous)*
hậu đãi: *(to treat well)*; **hậu hĩnh:** *(generous, liberally)*; **hậu tạ:** *(to reward liberally)*

đại: *(big, great)* lớn
đại bác: *(cannon)*; **đại biểu:** *(representative)*; **đại chiến:** *(world war)*; **đại diện:** *(to represent)*; **đại đa số:** *(great majority)*; **đại dương:** *(ocean)*; **đại học:** *(university)*; **đại sự:** *(important matter)*; **đại ý:** *(general idea)*; **đại khái:** *(in general)*; **đại số học:** *(algebra)*

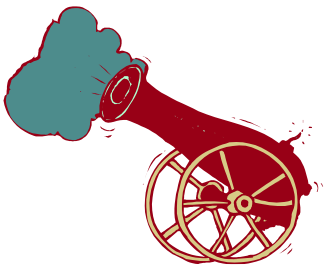

đại: *(generation)* một khoảng thời gian dài

Lớp 7

triều đại: *(dynasty);* **hiện đại:** *(modern, up to date)*; **thời đại:** *(age, time)*; **thời đại Trung Cổ:** *(the Middle Age)*

đại: nhanh, cốt cho xong; **làm đại:** *(to act rashly)*; nói đại đi, sợ gì!

tiểu: *(small)* nhỏ
tiểu ban: *(subcommittee)*; **tiểu bang:** *(state)*; **trường tiểu học:** *(elementary school)*; **tiểu đội:** *(squad)*; **tiểu nhân:** *(mean spirited)*; **tiểu sử:** *(biography);* **tiểu thuyết:** *(fiction, novel)*
tiểu: *(to urinate)*; đi tiểu

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (tiên đoán) _____

_____

2. (tổ tiên) _____

_____

3. (đầu tiên) _____

_____

4. (hậu quả) _____

_____

5. (hậu đãi) _____

_____

6. (đại diện) _____

_____

7. (thời đại) _____

_____

8. (đại ý) _____

_____

9. (tiểu thuyết) _____

_____

10. (trường tiểu học) _____

_____

_____

D. Văn phạm

Dấu ba chấm (...)

1. Đặt ở cuối câu mang ý nghĩa "còn nữa."

Thí dụ:

- Nông trại của ông nội ở Việt Nam nuôi nhiều gia súc như gà, bò, trâu, chó, ngựa...
- Chúng ta nên ăn nhiều loại rau xanh để tốt cho đường ruột như rau muống, rau cải xanh, rau cải làn, các loại rau húng...

2. Đặt ở giữa hay cuối câu với ý bỏ lửng hay hiểu ngầm.

Thí dụ:

- Tôi muốn giúp anh lắm nhưng khổ nỗi tôi đang bị kẹt...
- Ông ấy chỉ nói úp mở về việc đi nghỉ hè bên Washingtion D.C... mà chẳng nói đã gặp ai hay bàn tính chuyện gì với ai?

Đặt câu với dấu ba chấm.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Ai cũng có món đồ chơi mà mình yêu thích. Em hãy kể về món đồ chơi mà em yêu thích nhất.

- Vào dịp nào em có món đồ chơi ấy.
- Tại sao em thích nó?
- Em có những kỷ niệm gì với món đồ chơi ấy?
- Món đồ chơi đã giúp em những gì về tinh thần?

Lớp 7
Bài học 13

A. Tập đọc và viết chính tả

Ca Dao

Văn chương Việt Nam gồm hai loại: văn chương **bác học** và văn chương **bình dân**. Văn chương bác học là những **tác phẩm** về truyện, **thi ca** được ghi lại hoặc in thành sách với tên **tác giả**. Văn chương bình dân là những tác phẩm, **câu vè** được truyền miệng trong dân chúng và không rõ ai là tác giả. Ca dao là một loại văn chương bình dân.

Về hình thức, ca dao là những bài hát với đa số được làm theo thể **lục bát**. Đây là thể thơ **thuần túy** của người Việt Nam và được viết với rất ít tiếng Hán Việt. Về **nội dung**, ca dao diễn tả những sự việc, sự vật mà người dân tiếp xúc hàng ngày, ngay cả những tình cảm tự do mong muốn thoát khỏi những **lề lối hủ bại** của thời **phong kiến**.

Lời ca dao thường mang vẻ giản dị, mộc mạc như:

Nhà bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Ca dao còn là tiếng nói **phản kháng**, **châm biếm** những luật lệ **bất công** của **giới quan lại**, **giai cấp thượng lưu**, những **hủ tục**, nạn **cường hào ác bá**...

Để chỉ trích thói **trọng nam khinh nữ**:

Ba đồng một mớ đàn ông,
Đem bỏ vào lồng cho kiến nó tha.
Ba trăm một mụ đàn bà,
Đem về mà trải ***chiếu hoa*** *cho ngồi.*

Để chống lại hủ tục lấy nhiều vợ:

Đói lòng ăn nắm lá sung,
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.

Lớp 7

Ca dao còn biểu lộ tình yêu **hồn nhiên**, trong sáng của đời sống **thôn dã**:

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để tôi khuyên gió, gió đừng rung cây.
*Rung cây rung **cỗi** rung cành,*
Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng.

Người nông dân còn nói về những đồ vật hay súc vật chung quanh mình như con trâu thân thương:

Trâu ơi ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
*Cấy cày vốn việc **nông gia**,*
*Ta đây trâu đấy ai mà **quản công**.*
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Ngày nay, việc dùng Tiếng Việt với nội dung thuần túy hồn Việt đã trở thành quan trọng hơn bao giờ hết. Khi mọi dân tộc trên thế giới có thể giao tiếp với nhau qua phương tiện **truyền thông điện tử**, văn hóa của mỗi dân tộc sẽ bị hòa nhập vào cộng đồng chung của thế giới. Một nền văn hóa không đủ **sắc thái** sâu đậm sẽ dễ bị pha loãng và trở thành mất gốc. Bổn phận của mỗi người Việt là phải giữ gìn bản sắc của mình và ca dao luôn là một kho tàng quý giá để chúng ta tìm về với **hồn Việt**.

Ngữ vựng:

văn chương: *(literature)* chỉ những tác phẩm văn viết có tính cách sáng tạo.
bác học: *(learned, educated)* có nhiều kiến thức, học rộng
bình dân: *(popular)* được nhiều người biết, hiểu, dùng
tác phẩm: *(work of a writer)* sách, thơ, bài viết của nhà văn, thi sĩ, hay bức tranh của họa sĩ
thi ca: *(poems and songs)* thơ. Việt Nam có lối hát với những bài thơ gọi là ngâm thơ. Bài thơ nào cũng có thể ngâm được, nên thơ cũng được gọi là thi ca.
tác giả: *(author)* người viết một cuốn sách, bài thơ, bản nhạc…
câu vè: *(folk song)* câu ca dao được hát thành bài hát
lục bát: thể thơ thuần túy Việt Nam đi từng cặp với câu sáu chữ và câu tám chữ.

Lớp 7

thuần túy: *(pure, unmixed)* vẫn giữ nguyên tình trạng ban đầu
nội dung: *(meaning of a work)* phần ý nghĩa của một bài văn, ca dao.
lề lối: *(way, manner)* cách làm việc, sinh hoạt
hủ bại: *(corrupt, depraved)* không có đạo đức
phong kiến: *(feudalism)* hình thức kinh tế, chính trị của thời vua chúa ngày xưa
phản kháng: *(to resist)* chống lại
châm biếm: *(to ridicule)* chế diễu
bất công: *(unfair)* không công bằng
giới quan lại: chỉ chung những quan chức cai trị
giai cấp thượng lưu: *(upper class)* tầng lớp những người có quyền chức hay giàu có
hủ tục: phong tục lạc hậu, không hợp thời
cường hào ác bá: chỉ những người hiếp đáp dân nghèo, yếu thế
trọng nam khinh nữ: quan niệm bắt nguồn từ bên Tàu coi trọng con trai và khinh rẻ con gái
chiếu hoa: loại chiếu đắt tiền được dệt với hình bông hoa
hồn nhiên: *(natural, spontaneous)* không có ý xấu, tự nhiên
thôn dã: *(countyside)* miền nông thôn, miền quê
cỗi: *(root, origin)* gốc cây
nông gia: *(farmer)* nhà nông, nông dân
quản công: không tiếc công *(quản: to mind)*
truyền thông điện tử: *(internet)*
sắc thái: *(aspect, color)* điểm khác biệt với những thứ cùng loại
hồn Việt: linh hồn, dân tộc tính, sự suy nghĩ, quan niệm, lối sống của người Việt

B. Trả lời câu hỏi

1. Văn chương bác học là gì?

_____

_____

2. Văn chương bình dân là gì?

3. Tên của thể thơ ca dao là gì? Thể thơ đó thế nào?

4. Câu ca dao nào chống lại hủ tục lấy nhiều vợ?

5. Tại sao việc giữ gìn bản sắc Việt Nam là quan trọng?

C. Phân biệt ý nghĩa

nhất: *(one, first)* một, ở vị trí cao nhất
duy nhất: *(only, sole)*; **hạng nhất:** *(first)*; **thống nhất:** *(to unify)*
nhất định: *(surely, decidedly)*; **nhất quyết:** *(to determine)*

nhị: *(two)* hai
đệ nhị: *(second)*; **độc nhất vô nhị:** duy nhất, chỉ có một
nhì: *(second)*; hạng nhì; nó về nhì: *(he arrived second)*

tam: *(three)* ba
tam cá nguyệt: *(trimester, three months)*; **hình tam giác**: *(triangle)*; **mèo tam thể**: *(tricolored cat)*

tứ: *(four)* bốn

Lớp 7

hình tứ giác: *(quadrilateral)*; **tuổi tứ tuần:** *(forty years of age)*; **tứ phía:** *(on all sides)*; **tứ tán:** *(scattered in different directions)*; **tứ hải:** bốn biển; **tứ hải giai huynh đệ:** bốn biển đều là anh em; **tứ chiếng:** *(everywhere)*; **tứ cố vô thân:** *(alone, no relatives)* đơn độc, không bạn bè thân thuộc

ngũ: *(five)* năm
ngũ cốc: *(the five cereals)* tên gọi 5 loại lương thực căn bản: kê, đậu, bắp, gạo nếp, gạo tẻ; **ngũ sắc:** năm màu căn bản: xanh dương, vàng, đỏ, trắng, đen; **ngũ tạng:** *(the five viscera: heart, liver, spleen, lungs, kidneys)* tâm, can, tỳ, phế, thận: tâm là tim, can là gan, tỳ là lá lách, phế là phổi, thận; **tuổi ngũ tuần:** *(fifty years of age);* **ngũ vị hương:** *(five spices)*; **lớp đệ ngũ:** lớp năm *(fifth grade);* **ngũ giác đài**: *(pentagon)*

Đặt câu với những chữ sau đây:
(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (duy nhất) _____

_____

2. (nhất quyết) _____

_____

3. (hạng nhì) _____

_____

4. (tam cá nguyệt) _____

_____

5. (mèo tam thể) _____

_____

6. (tứ phía) _____

_____

7. (tứ tán) _____

_____

8. (ngũ cốc) _____

_____

9. (tuổi ngũ tuần) _____

_____

10. (lớp đệ ngũ) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu ba chấm (...)

1. Để diễn tả một lời nói hay ý nghĩ ngập ngừng

Thí dụ:

- Tân giả giọng nói ngọng của em bé, "Mẹ... ơi... cho... cho..." nghe rất buồn cười.
- Hãy hát ngân dài ra một chút: khắp... nơi... xa... xôi... chân trời...

2. Đặt ở đầu hay giữa câu để ra dấu phần viết được tiếp tục từ một đoạn văn.

Thí dụ:

- ... chạy đến xem con chuồn chuồn màu xanh lá cây đang đậu trên cọng cỏ đàng kia.
- Hội chợ Tết Canh Dần đã khai mạc... trang hoàng với nhiều chậu hoa lan đủ màu.

Lớp 7

Đặt câu với dấu ba chấm.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Tết Nguyên Đán là ngày lễ quan trọng nhất của người Việt Nam. Gia đình nào cũng trang hoàng nhà cửa, mua sắm quần áo, hoa quả, quà để biếu...

- Gia đình em sửa soạn ngày Tết ra sao? Hãy kể ra.
- Em giúp được gì? Hoặc tham gia vào việc này thế nào?
- Em nghĩ thế nào về sự sửa soạn và đón chào ngày Tết?

Bài học 14

A. Tập đọc và viết chính tả

Giỗ Tổ Hùng Vương

Lăng Hùng Vương trên núi Nghĩa Lĩnh

Dân tộc Việt Nam có hai ngày lễ giỗ chung là Giỗ Tổ **Hùng Vương** và Giỗ **Trận Đống Đa**. Giỗ Tổ Hùng Vương được cử hành vào ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm và được nâng lên thành **quốc lễ**. Ngày giỗ tổ thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn của người Việt, để ghi nhớ công lao dựng nước và giữ nước của tổ tiên.

Theo **truyền thuyết**, nguồn gốc của người Việt khởi đầu từ Lạc Long Quân và Âu Cơ. Âu Cơ sinh hạ 100 trứng và nở ra 100 con. 50 con theo cha về **miền xuôi** và 50 con theo mẹ lên **miền ngược**. Người con trưởng ở lại làm vua với hiệu là Hùng Vương và đóng đô ở Phong Châu. Các Vua Hùng truyền được ít nhất 18 đời trong khoảng thời gian 2000 năm và chấm dứt vào năm 258 **trước Công Nguyên**.

Giỗ Tổ được tổ chức khắp nơi trong nước ở ngôi đền gọi là Đền Hùng. Đền Hùng xưa nhất là Đền Hùng ở Núi Nghĩa Lĩnh, Tỉnh Phú Thọ miền Bắc, và cũng là nơi vua thường ngự tới làm **chủ tế**. Khu vực Đền Hùng bao gồm nhiều kiến trúc tuyệt đẹp với ba đền: Hạ, Trung và Thượng. Theo những bậc thang lên núi, đền đầu tiên là Đền Hạ. Đền Hạ **đánh dấu sự sinh hạ** 100 người con của Long Quân và Âu Cơ. Lên cao hơn là Đền Trung, là nơi các Vua Hùng thường lui tới để bàn việc nước với các **lạc tướng**. Đây cũng là nơi Hoàng Tử Tiết Liêu đã dâng lên vua cha bánh dầy bánh chưng nhân ngày Tết Nguyên Đán. Tiếp tục lên cao nữa là Đền Thượng. Đây là nơi các vua Hùng lập lễ tế Trời để cầu xin Trời Đất phù hộ cho dân chúng được ấm no. Mười tám vị Vua Hùng được thờ ở Đền Thượng.

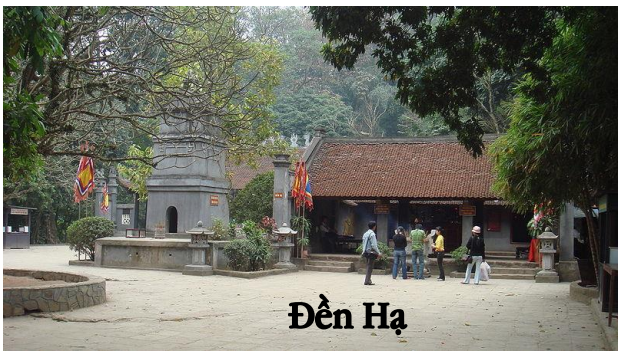

Đền Hạ

Lớp 7

Lễ hội Đền Hùng là ngày giỗ **thiêng liêng** của đất nước, mọi người khắp nơi đổ về đi hành hương, như câu ca dao:

Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba.

Đền Trung

Vào ngày lễ hội, những làng **lân cận** Đền Hùng ở Núi Nghĩa Lĩnh tổ chức những đám rước tới đền. Đoàn rước gồm có voi đan bằng tre, ngựa bằng gỗ hàm ý muôn loài đều quy phục Vua Hùng, cùng các món ăn chay, mặn, mâm ngũ quả và bánh dầy bánh chưng. Đám rước rất trang nghiêm và đoàn người đông đảo với nhiều **cờ xí** tượng trưng cho cuộc xuất quân. Sau những nghi thức tế lễ ở Đền Thượng, nhiều đoàn hát múa của các làng trình diễn nghệ thuật bên ngoài các đền. Ngoài ra, còn có những cuộc thi đua như đánh đu, trình diễn đánh trống, **đấu vật**, bắn cung, v.v...

Ngày nay người Việt ở khắp nơi trên thế giới vẫn giữ truyền thống tổ chức Lễ Hội Đền Hùng để mọi người Việt luôn ý thức mối dây liên kết với nhau từ một ông tổ.

Ngữ vựng:

Hùng Vương: Hùng Vương là tên các vị vua thuộc thời kỳ thượng cổ trong lịch sử Việt Nam, từ năm 2879 TCN (trước Công nguyên) tới năm 258 TCN. Theo di tích còn lại thì chỉ có tên 18 vị vua Hùng nên sách vở thường ghi có 18 đời vua. Thực ra phải có nhiều đời vua hơn 18 mới trải dài 2000 năm.

Đền Thượng

trận Đống Đa: Giỗ Trận Đống Đa vào ngày mùng Năm Tết để ghi nhớ chiến thắng lẫy lừng của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ vào mùng 5 Tết năm 1789. Quân ta đã tiêu diệt 20 vạn quân Thanh tại đây và đuổi quân giặc về nước.

quốc lễ: *(national holiday)* ngày lễ nghỉ cho toàn quốc và nhân viên chính phủ.

Lớp 7

truyền thuyết: *(legend)* chuyện được kể lại bằng miệng từ đời này sang đời khác
miền xuôi: miền đồng bằng
miền ngược: miền núi
trước Công Nguyên: viết tắt là TCN. Công Nguyên là viết gọn lại của kỷ nguyên Công giáo, tức dương lịch.
chủ tế: người chủ sự (điều hành) nghi lễ
đánh dấu: *(to mark)* ghi lại, tạo nên sự ghi nhớ, để lại ấn tượng
sự sinh hạ: *(giving birth)* sự sinh con

Trống đồng

lạc tướng: quan võ dưới thời Hùng Vương.
thiêng liêng: *(sacred)* đáng tôn thờ (ở những nơi thờ phượng)
lân cận: *(near)* ở gần, ở trong vùng
cờ xí: *(flag)* cờ nói chung *(cờ xí rợp trời)*
đấu vật: *(wrestling)* môn đấu vật là bộ môn tranh tài thường được tổ chức vào những ngày lễ hội của làng.

B. Trả lời câu hỏi

1. Ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày nào?

_____

_____

2. Ý nghĩa của ngày Giỗ Tổ là gì?

_____

_____

_____

_____

_____

Đền Hùng ở sở thú Sài Gòn

3. Vua Hùng Vương đầu tiên là con của ai?

_____

_____

4. Đền Hùng xưa nhất nằm ở đâu?

_____

_____

5. Lễ tế các Vua Hùng được cử hành ở đền nào?

_____

_____

6. Kể ra những thứ được dâng cúng trong ngày Giỗ Tổ?

_____

_____

7. Người Việt trên thế giới tổ chức lễ hội Đền Hùng hằng năm để làm gì?

_____

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

lục: *(six)* sáu
lục cá nguyệt: 6 tháng; **hình lục giác:** hình có 6 cạnh; **lục tuần:** 60 năm (tuần có nghĩa là 10 năm)

lục: *(green)* xanh lá cây

lục: *(to search, to rummage)* tìm kiếm

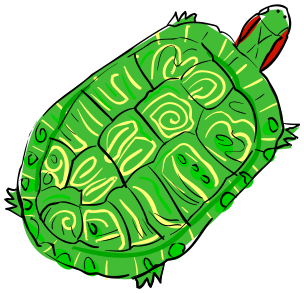

lục lọi, lục lạo: *(to search)*; **lục soát, lục xét:** *(to search)*

lục: đất
lục quân: *(ground forces, army)*; **lục địa:** *(continent, land)* đất liền; **thủy quân lục chiến:** *(marine)*

thất: *(seven)* bảy

thất: mất
thất lạc: *(lost)*; **thất bại:** *(to fail, to lose)*; **thất hẹn:** *(to break an appointment)*; **thất học:** *(illiterate)*; **thất hứa:** *(to break one's promise)*; **thất nghiệp:** *(to be unemployed)*; **thất vọng:** *(disappointed)*

bát: *(eight)* tám
thơ lục bát: thơ gồm có câu 6 chữ và câu 8 chữ đi thành cặp; **hình bát giác:** *(octagon)* hình tám cạnh; **tuổi bát tuần:** 80 tuổi

bát: *(small bowl)* chén; **bát hương:** *(incense bowl)*
bát ngát: *(immense, vast)*

cửu: *(nine)* chín
cửu chương: *(multiplication table)*; **sông Cửu Long**: sông ở miền Nam Việt Nam chảy ra biển bằng 9 cửa được ví như 9 con rồng

cửu: lâu (trái với tạm); **vĩnh cửu:** *(lasting, permanent)*

thập: *(ten)* mười
số thập phân: *(decimal number)*; **thập phương:** *(all directions)*; **thập toàn:** *(perfect, faultless)*
chữ thập, thập tự: *(cross)*; **Hội Hồng Thập Tự:** *(the Red Cross)*

Lớp 7

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ cho sẵn)

1. (lục tuần) _____

_____

2. (lục lọi) _____

_____

3. (lục địa) _____

_____

4. (thất học) _____

_____

5. (thất nghiệp) _____

_____

6. (bát ngát) _____

_____

7. (bát cơm) _____

_____

8. (cửu chương) _____

_____

9. (thập toàn) _____

_____

10. (Hội Hồng Thập Tự) _____

_____

_____

D. Văn phạm

Dấu chấm hỏi (?)

1. Đặt ở cuối một câu hỏi trực tiếp.

Ghi chú:

a. Sau dấu chấm hỏi phải viết Hoa.

b. Không dùng dấu chấm hỏi cho câu hỏi gián tiếp, như: "Chúng tôi muốn biết ông Thượng nghị sĩ đã làm gì cho những người già sống ở thành phố này."

Thí dụ:

- Anh đi nghỉ hè thế nào?
- Những người ghi danh tham dự có tới đông đủ không?

2. Dùng dấu chấm hỏi trong ngoặc đơn để chỉ sự nghi ngờ:

Thí dụ:

- Anh ấy tự xưng là tiến sĩ toán học (?)
- Dân số ở thành phố này là 3 triệu người nhưng nếu tính thêm những người ở lậu thì có thể lên đến 5 triệu (?)

Đặt câu với dấu chấm hỏi.

1. (trường hợp 1) _____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn:

Một năm có 4 mùa. Mỗi mùa có những đặc điểm riêng. Hãy viết về một mùa em thích nhất. Lý do em thích? Em làm những gì vào mùa đó? Em có những kỷ niệm đáng nhớ gì?

Lớp 7

Bài học 15

A. Tập đọc và viết chính tả

Tây Nguyên

Tây Nguyên, còn có tên là **Cao Nguyên** Trung Phần, là vùng đất phía nam dãy Trường Sơn bao gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc, Đắc Nông và Lâm Đồng.

Vùng Tây Nguyên nổi tiếng với khí hậu mát mẻ, cảnh núi rừng tươi đẹp và những **suối thác** nên thơ. Thác Đambri là một trong những thác cao và **hùng vĩ** nhất Việt Nam. Hồ Đa Nhim được tạo thành từ việc xây **đập thủy điện** Đa Nhim để cung cấp điện cho miền Nam. Chung quanh hồ có nhiều cảnh đẹp thường được làm nơi quay phim.

Tây Nguyên có thành phố du lịch nổi tiếng là Đà Lạt. Đà Lạt nằm ở độ cao trung bình là 1,500 mét nên khí hậu mát mẻ như **vùng ôn đới**. Thành Phố Đà Lạt do người Pháp dựng nên làm nơi nghỉ mát, và cho tới nay vẫn là nơi để nhiều người tránh cơn nóng bức của vùng đồng bằng miền Nam. Những thắng cảnh nổi tiếng của Đà Lạt là Hồ Than Thở, Thác Cam Ly, **Thung Lũng** Tình Yêu.

Vùng Tây Nguyên do nhiều cao nguyên hợp lại có độ cao từ 500 mét tới 1500 mét gồm có: cao nguyên Kon Tum, Buôn Ma Thuột, Lâm Viên, Di Linh. Đất đai cao nguyên mang màu đỏ của **dung nham** núi lửa rất phù hợp với những loại **cây công nghiệp** như trà, cà phê, cao su, tiêu. Cà phê là cây công nghiệp được trồng với diện tích lớn nhất so với các loại cây khác.

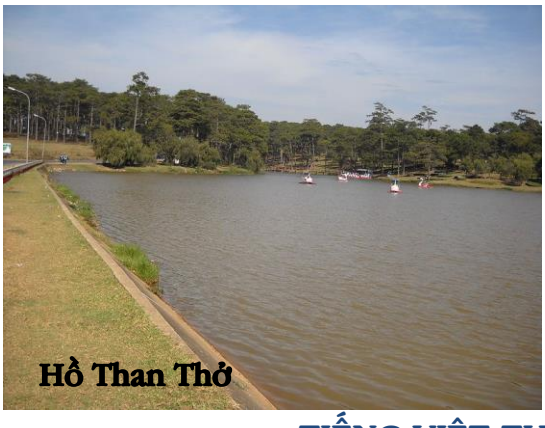

Hồ Than Thở

Từ xưa, Tây Nguyên là nơi sinh sống của nhiều **sắc dân thiểu số** như Ê Đê, Gia Rai, Ba Na, Mơ Nông. Đáng chú ý là người Ê Đê với tập tục gia đình bao gồm

nhiều thế hệ sống chung trong những căn nhà dài, đứng đầu là người chồng của người đàn bà lớn tuổi nhất họ.

Nhà sàn của người Ê Đê

Khi nói đến Tây Nguyên là nói đến mảnh đất của rừng rậm, thú hoang và người dân thiểu số. Ngày nay, sự phát triển kinh tế **lấn** dần vào những vùng **hoang dã** gây **nguy cơ tuyệt chủng** cho các loại thú vật và làm phai mờ văn hóa của người thổ dân. Nạn phá rừng để **khai thác** gỗ, lấy đất trồng cấy góp phần hủy diệt những giống thú quý hiếm và những cây gỗ quý lâu năm. Gần đây nhất là việc khai thác **bô xít** để làm nhôm càng gây thêm **ô nhiễm môi trường** cho toàn vùng.

Hy vọng **sự tiến bộ** kinh tế của Việt Nam ngày nay với những đòi hỏi về **nguyên vật liệu** để đáp ứng nhu cầu vật chất sẽ không tàn phá Tây Nguyên. Nếu sự tiến bộ không đi đôi với việc bảo vệ môi trường sẽ chỉ là sự tiến bộ nhất thời, không bền vững.

Ngữ vựng:

cao nguyên: *(high plateau)* vùng đất cao bằng phẳng (cao hơn vùng đồng bằng)

suối thác: suối và thác

hùng vĩ: *(imposing)* to lớn

đập thủy điện: *(hydroelectric dam)*

vùng ôn đới: *(temperate zone)* vùng khí hậu nằm giữa hàn đới và nhiệt đới với bốn mùa rõ rệt.

thung lũng: *(valley)* dải đất trũng nằm giữa hai sườn núi

dung nham: *(lava)* chất lỏng từ núi lửa phun hay chảy ra

cây công nghiệp: *(industrial trees, plants)* những loại cây trồng hàng loạt với tính cách kỹ nghệ như cao su, mía, trà, bắp, dừa…

sắc dân thiểu số: *(ethnic minority)*

lấn: *(to encroach)*

Lớp 7

hoang dã: *(uncultivated land, wilderness area)*
nguy cơ: *(danger, peril)*
tuyệt chủng: *(extinct)*
khai thác: *(to develop)*
bô xít: là một loại quặng nhôm có màu hồng. Từ bô xít, người ta lấy ra alumina (Al2O3) để làm nhôm.
ô nhiễm môi trường: *(Environmental pollution)*
sự tiến bộ: *(progress)*
nguyên vật liệu: *(raw material)*
nhất thời: *(short live, temporary)*

B. Trả lời câu hỏi

1. Tây Nguyên còn có tên là gì? Và nằm ở đâu?

_____

_____

2. Khí hậu của Tây Nguyên thế nào? Tại sao?

_____

_____

_____

3. Thành phố nổi tiếng ở Tây Nguyên là gì? Và nổi tiếng thế nào?

_____

_____

_____

4. Kể tên hai cao nguyên thuộc Tây Nguyên?

_____

5. Dân sống ở Tây Nguyên từ xưa là ai?

C. Phân biệt ý nghĩa

du: *(to walk)* đi lại, di chuyển
du lịch: *(to travel)*; **du học:** *(to go abroard to study)*; **du khách:** *(tourist)*; **quân du kích:** *(guerilla fighter)*; **dân du mục:** *(nomad)*
du đãng: *(vagrant)*; **du côn:** *(hooligan)*
du dương: *(melodious, harmony)*

đồng: cùng như nhau
đồng âm: *(homophonic)*; **đồng đều:** *(equal)*; **đồng hương:** *(fellow countryman)*; **đồng bào:** *(people)* dân chúng; **đồng lõa:** *(accomplice)*; **đồng lòng:** *(unanimous)*; **đồng minh:** *(allied)*; **đồng phục:** *(uniform)*

đồng: (trẻ em)
nhi đồng: *(young child under teenage)* trẻ em dưới vị thành niên; **đồng dao:** *(children song)*; **đồng trinh:** *(virgin)*
đồng: *(copper)*; **đồng:** (tiền của Việt Nam); **đồng ruộng:** *(field)*; **đồng cỏ:** *(prairie)*; **đồng hồ:** *(clock)*; **đồng hồ đeo tay:** *(wrist watch)*

nghiệp: nghề làm ăn, sinh sống
nghề nghiệp: *(occupation, career);* **nghiệp đoàn:** *(union)*; **sự nghiệp:** *(career);* **cơ nghiệp:** *(fortune)*

nghiệp: duyên nợ từ kiếp trước theo quan niệm của Nhà Phật

Lớp 7

thiểu: ít
thiểu số: *(minority)*; **tối thiểu:** *(minimum)*
đa: *(much, many)* nhiều
đa số: *(majority)* phần nhiều; **đa tài:** *(to have many talents)*; **đa cảm:** *(sentimental)*; **đa dạng:** *(diversified)*; **đa nghi:** *(suspicious, distrustful)*

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa)

1. (du lịch) _____

_____

_____

2. (du dương) _____

_____

3. (du khách) _____

_____

4. (đồng hương) _____

_____

5. (đồng cỏ) _____

_____

6. (đồng hồ) _____

_____

7. (sự nghiệp) _____

_____

8. (tối thiểu) _____

_____

9. (đa tài) _____

_____

10. (đa nghi) _____

_____

D. Văn phạm

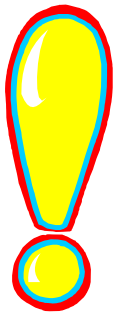

Dấu chấm than (!)

Đặt ở cuối câu để tỏ sự ngạc nhiên, ta thán, tức giận, vui mừng.

Thí dụ:

- Chạy nhanh lên!
- Chào anh! Hôm nay anh đi đâu mà mặc quần áo tươm tất vậy?
- Trời ơi! Con chó đã ăn hết chén cơm của bé Thảo rồi!
- Đã nói rồi mà! Cá không ăn muối cá ươn!

Ghi chú: sau dấu chấm than phải viết Hoa.

Đặt câu với dấu chấm than.

1. _____

_____

2. _____

_____

3. _____

_____

4. _____

_____

5. _____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Học Việt Ngữ có những điều thích và không thích.

a. Hãy nói về điều em không thích về Việt Ngữ.

b. Hãy nói về điều em thích về Việt Ngữ.

Bài học 16

A. Tập đọc và viết chính tả

Nguyễn Trãi

Nguyễn Trãi sinh năm 1380, là con của Nguyễn Phi Khanh và bà Trần Thị Thái. Nguyễn Trãi là cháu ngoại của quan **Tư Đồ Trần Nguyên Đán**, thuộc dòng dõi **tôn thất** nhà Trần. Trần Nguyên Đán là cháu năm đời của vua Trần Thái Tông, vua Trần đầu tiên của nước ta.

Khi Nhà Trần sụp đổ thì **Nhà Hồ** lên thay. Quân Minh lấy cớ khôi phục Nhà Trần sang đánh nước ta. Cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh, đang làm quan cho Nhà Hồ, bị giặc bắt cùng với **cha con Hồ Quý Ly** giải qua Tàu. Nguyễn Trãi đã cùng em trai theo tiễn cha trên đường giải đi. Đến **Ải Nam Quan**, cha ông khuyên nên trở về tìm cách rửa **nhục** cho đất nước và ông đã vâng theo.

Sau đó, Nguyễn Trãi đã tham gia vào cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi **khởi xướng** để lật đổ **ách đô hộ** của Nhà Minh. Ông trở thành **quân sư** giúp Lê Lợi trong việc **soạn thảo** các **văn bản** trả lời quân Minh, cũng như **chiến lược**, **chiến thuật** đánh quân Minh.

Sau khi quân Minh thua trận và rút về nước năm 1428, Nguyễn Trãi soạn thảo **Bình Ngô Đại Cáo**, là một tác phẩm văn học, để cho dân chúng biết nước ta đã giành được **độc lập** sau khi đánh đuổi giặc Minh ra khỏi **bờ cõi**. Lê Lợi lên ngôi vua, tức Lê Thái Tổ, phong cho Nguyễn Trãi **chức tước** và cho đổi tên họ thành họ của vua.

Năm 1433, khi vua Lê Thái Tổ mất, con của vua là Thái tử Nguyên Long lên nối ngôi, tức vua Lê Thái Tông. Lúc đầu bị **triều thần gièm pha**, Nguyễn Trãi đã **từ quan** về **ở ẩn** quê nhà tại Núi **Côn Sơn**. Sau một thời gian khi vua Lê Thái Tông ra tay dẹp hết **loạn thần**, Nguyễn Trãi quay lại giúp vua.

Lớp 7

Đến năm 1442, Nguyễn Trãi bị **vu oan** trong **vụ án Lệ Chi Viên**. Ông bị triều đình **khép tội** giết vua nên cả 3 đời họ nhà ông đều bị giết chết. Ông mất ngày 16 tháng 8 năm 1442. Nguyễn Trãi đã để lại nhiều bài thơ, bài văn có **giá trị** cho chúng ta ngày nay. Đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông xem xét lại vụ án và đã **giải oan** cho Nguyễn Trãi.

Giải thích chữ khó:

Tư đồ: Tư đồ là tên của một chức quan thời xưa trong hàng Tam Công: Thái Úy, Tư Đồ, Tư Không. Những chức vụ này được phong cho họ hàng của vua, ít khi tham dự vào chính sự.

Trần Nguyên Đán: là con của Uy Túc Vương Trần Văn Bích, cháu nội Văn Túc Vương Trần Đạo Tái, cháu cố của Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải, chút của Vua Trần Thái Tông.

Tôn thất: *(King's relatives)* dòng họ nhà vua

Nhà Hồ: *(Ho's Dynasty)* làm vua nước ta từ năm 1400-1407 qua 2 đời vua: Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương.

cha con Hồ Quy Ly: tức Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương

Ải Nam Quan: Nam Quan là tên cửa ải của Việt Nam, chỗ giáp với Trung Hoa. Hiện nay Ải Nam Quan thuộc chủ quyền Trung Quốc (do chế độ Cộng Sản Việt Nam nhường lại cho Trung Quốc).

nhục: *(disgrace)* danh dự bị xúc phạm nặng nề.

khởi xướng: *(to take the initiative)* thành lập, tạo dựng một chuyện gì

ách đô hộ: *(the yoke of slavery)* ách nô lệ

quân sư: *(adviser)* người ở kế cận vị thống lãnh giúp bày mưu lập kế

soạn thảo: *(to write a draft)* ghi ra, thảo ra, viết ra

văn bản: *(writing)* các bài viết quan trọng

chiến lược: *(strategy)* kế sách tổng quát

chiến thuật: *(tactics)* kế sách ở phạm vi nhỏ (cục bộ)

Bình Ngô Đại Cáo: tên của một tác phẩm lớn của Nguyễn Trãi, khẳng định nền độc lập của nước ta

độc lập: *(to be indepedent)* có chủ quyền, không lệ thuộc vào nước khác

Lớp 7

bờ cõi: *(frontier, border, territory)* phần lãnh thổ của một nước

chức tước: *(a rank)* danh vị thể hiện quyền hạn của một người nào đó

triều thần: các quan lại trong triều

gièm pha: *(to backbite, to backstab)* đặt điều nói xấu ai để người đó không còn được người khác tin tưởng

từ quan: *(to resign)* xin không giữ chức vụ gì

ở ẩn: *(to live the life of recluse)* xa lánh mọi người, ở nơi nào đó không ai biết

Côn Sơn: tên của một ngọn núi nhỏ là nơi ở ẩn của Nguyễn Trãi, thuộc Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương ngày nay

loạn thần: chỉ những ông quan xấu trong triều, làm cho triều đình lộn xộn, rối ren

vu oan: *(to accuse falsely)* vu cáo cho người nào đó làm điều gì mà người ta không làm.

vụ án Lệ Chi Viên: tức vụ án Vườn Vải. Khi vua Lê Thái Tông đi tuần có Nguyễn Thị Lộ là vợ của Nguyễn Trãi theo hầu, vua có ghé qua nhà Nguyễn Trãi ở Côn Sơn, sau đó vua đi tới Lệ Chi Viên thức suốt đêm rồi chết. Triều đình vu cho Nguyễn Trãi cùng với Nguyễn Thị Lộ tội giết vua.

khép tội: buộc phải nhận tội

giá trị: *(valuable)* có ích lợi, có ý nghĩa, đáng quý

giải oan: *(to clear of a false charge)* làm cho hết bị oan ức

B. Trả lời câu hỏi

1. Nguyễn Trãi là con của ai? Ông còn là cháu ngoại của ai?

_____

_____

2. Quân giặc nào đã sang đánh nước ta khi Nhà Hồ lên thay Nhà Trần làm vua?

_____

_____

3. Vì sao Nguyễn Phi Khanh bị bắt giải qua Tàu?

_____

_____

4. Ai đã theo tiễn Nguyễn Phi Khanh trên đường giải qua Tàu?

_____

5. Nguyễn Trãi tiễn cha đến đâu thì quay về?

_____

6. Vì sao Nguyễn Trãi không tiếp tục tiễn cha mà quay về nước?

_____

_____

7. Nguyễn Trãi đã tham gia vào đội quân do ai khởi xướng?

_____

_____

8. Ông làm việc gì trong đội quân này?

_____

9. Bài Bình Ngô Đại Cáo nói lên điều gì?

_____

_____

10. Sau khi từ quan, Nguyễn Trãi về sống ở đâu?

_____

_____

11. Sau khi trở lại giúp vua, Nguyễn Trãi bị vu oan trong vụ án gì?

_____

_____

12. Kết quả vụ án thế nào?

_____

13. Ai đã giải oan cho Nguyễn Trãi?

_____

C. Điền vào chỗ trống

Bình Ngô Đại Cáo, gièm pha, bày tính mưu kế, vu oan, làm quan, Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại, Ải Nam Quan, soạn thảo, quân Minh, triều thần, Lê Thánh Tông, Trần Thị Thái, ba họ, Lam Sơn, loạn thần

1. Nguyễn Trãi là con của _____ và mẹ là bà _____.

2. Nguyễn Trãi là _____ của Quan Tư đồ Trần Nguyên Đán.

3. Khi Nhà Trần sụp đổ, Nhà Hồ lên thay, _____ sang đánh nước ta.

4. Cha Nguyễn Trãi là Nguyễn Phi Khanh đang _____ cho Nhà Hồ nên bị giặc bắt giải qua Tàu.

5. Khi tiễn cha đến _____, Nguyễn Trãi đã quay về nước theo lời cha dạy.

6. Nguyễn Trãi tham gia vào cuộc khởi nghĩa _____ do Lê Lợi khởi xướng để lật đổ ách đô hộ nhà Minh.

7. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi trong việc _____ các văn bản trả lời quân Minh và _____ đánh quân Minh.

8. Nguyễn Trãi đã soạn bài _____.

9. Dưới thời Vua Lê Thái Tông, Nguyễn Trãi bị _____ nên đã từ quan về ở ẩn tại Núi Côn Sơn.

10. Sau khi Vua Lê Thái Tông ra tay dẹp _____, Nguyễn Trãi quay lại giúp vua.

11. Nguyễn Trãi bị _____ trong vụ án Lệ Chi Viên.

12. Nguyễn Trãi bị triều đình khép tội giết vua nên cả _____ nhà ông đều bị giết chết.

13. Sau khi lên ngôi, Vua _____ đã giải oan cho Nguyễn Trãi.

D. Phân biệt ý nghĩa

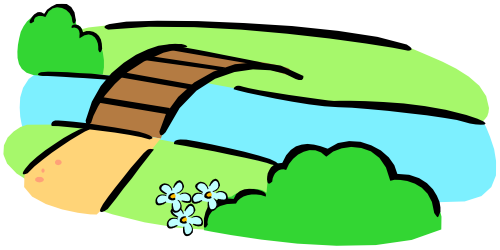

dòng: *(current, stream)*
dòng nước: *(current of water)*; **dòng điện:** *(electric current)*; **bơi ngược dòng:** *(to swim against the current)*

dòng: *(lineage, strain, descent)*
dòng dõi, dòng giống: *(lineage, descendent, family)*; **dòng dõi quý tộc:** *(noble birth)*; **dòng dõi tiên rồng:** con rồng cháu tiên; **dòng họ:** *(family, blood line)* những người cùng chung huyết thống

dòng: *(line)* hàng ngang trên mặt giấy; **dòng kẻ**, **dòng chữ**

tôn: cháu
cháu đích tôn: *(the eldest son of one's eldest son)*

tôn: dòng họ
tôn miếu: nhà thờ tổ tiên của dòng họ; **tôn thất:** *(royal family)* dòng họ nhà vua; **tôn nữ:** người con gái thuộc dòng dõi nhà vua

Lớp 7

tôn: đề cao
tôn sùng, tôn thờ: *(to venerate)* tôn kính và đề cao;
tôn nghiêm: *(solemn)* trang nghiêm; **tôn trọng:** *(to respect)*
tôn giáo: *(religion)*

chiến: *(to fight)*
chiến đấu: *(to fight)*; **cựu chiến binh:** *(veteran)*;
chiến công: *(feat of arms)*; **chiến trường:** *(battlefield)*; **chiến sĩ:** *(fighter, soldier)*; **chiến tranh:** *(war)*; **chiến xa:** *(tank)*; **chiến hạm:** *(warship)*;
chiến đấu cơ: *(fighter airplane)*

dành: *(to reserve, to save)*
để dành, dành dụm: *(to save)*; **chỗ dành riêng:** *(reserved seats)*

giành: *(to dispute)*
tranh giành, giành giật: *(to dispute)*; **giành lấy thị trường:** *(to try to secure market share)*

Đặt câu với những chữ sau đây:
(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ)

1. (dòng nước) _____

_____

2. (dòng họ) _____

_____

3. (dòng sông) _____

_____

4. (cháu đích tôn) _____

_____

5. (tôn nghiêm) _____

_____

6. (tôn trọng) _____

_____

7. (chiến tranh) _____

_____

8. (chiến hạm) _____

_____

9. (để dành) _____

_____

10. (tranh giành) _____

_____

Đ. Văn phạm

Dấu ngoặc kép “ ”

1. Dùng để chỉ một câu nói hay câu trích dẫn

Thí dụ:

- Những người biểu tình đã la lớn: “Tự do cho Việt Nam.”
- Bà Ngoại Trưởng Hoa Kỳ vừa tuyên bố: “Hoa Kỳ muốn giao thương với tất cả các quốc gia trong vùng Đông Nam Á.”

2. Dùng cho những chữ hay nhóm chữ muốn nhấn mạnh hay mỉa mai

Thí dụ:

- Bà ấy làm ra vẻ kiểu cách của một cô gái trẻ cỡ khoảng “hai mươi” tuổi.
- Ông ta khoe đồng hồ đeo tay của ông đáng giá “mười ngàn đô” đấy!

Lớp 7

Ghi chú:

Cách dùng ngoặc kép với những dấu chấm câu:

a. *Dấu chấm và phẩy đặt bên trong ngoặc kép*

- *"Hãy luôn luôn cố gắng làm người tốt," thầy Phong nói, "bằng cách học hỏi bất cứ điều gì để giúp mình phân biệt được phải trái."*

b. *Dấu chấm phẩy và dấu hai chấm đặt bên ngoài ngoặc kép*

- *Những điều ông ấy nói chỉ nên "nghe chơi cho vui"; chúng tôi biết ông ấy từ thời còn mài đũng quần ở ghế nhà trường.*
- *Những ngày nghỉ này là cơ hội để "nạp điện": có quyền ngủ trễ và đi mua sắm quần áo.*

c. *Dấu chấm than và dấu chấm hỏi thì tùy trường hợp. Khi dấu chấm than hay chấm hỏi không thuộc về câu thì chúng nằm bên ngoài ngoặc kép.*

- *Thằng bé la lên: "Coi kìa mẹ, cái diều của con đã bay lên cao!"*
- *Tôi nhờ anh mua giùm cải xanh chứ không phải "cải già"!*
- *Cô ấy hỏi: "Có thể cho tôi đi nhờ xe xuống khu Little Saigon không?"*
- *Phải chăng anh "trông gà hóa cuốc"? (con cuốc cuốc là một loại gà nhỏ như "quail" sống ở rừng)*

Đặt câu với ngoặc kép.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

E. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Mỗi người trong xã hội đều phải làm việc; người lớn phải đi làm để kiếm sống, trẻ em phải đi học. Hãy nói lên suy nghĩ của em về sự học: mục đích của sự học? Học thế nào cho có hiệu quả? Hãy kể chuyện đi học của em?

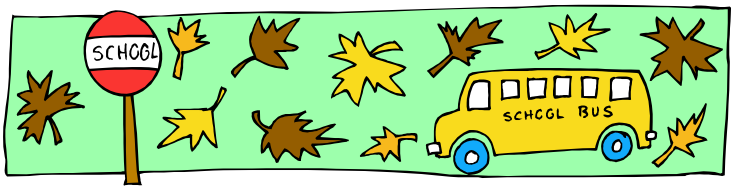

Lớp 7
Bài học 17

A. Tập đọc và viết chính tả

Tranh Đấu cho Nhân Quyền Việt Nam

Sinh hoạt của người Việt hải ngoại ở bất cứ nơi đâu cũng có những buổi hội họp nhằm tranh đấu cho nhân quyền của người dân ở Việt Nam. Điều này làm cho nhiều người **dân bản xứ** ngạc nhiên tự hỏi: một nước Việt Nam nghèo đói xưa kia đang dần dần **hồi phục** và đời sống người dân đang trên đà **sung túc** hơn thì tại sao cần phải tranh đấu? Sự thực là người dân ở những nước nghèo như Việt Nam cần có cơm no áo ấm và giáo dục trước, rồi sau đó họ mới có thể hiểu và ý thức giá trị làm người; tức là những quyền hạn căn bản của một con người. Bởi vậy sự cung cấp những nhu cầu vật chất tối thiểu quan trọng hơn vấn đề nhân quyền. Thật ra đây là lý luận đặt căn bản trên sự khinh miệt giá trị người dân Việt Nam để bênh vực cho sự đàn áp và bất công do chính quyền độc tài gây ra.

Việt Nam hiện nay đang nằm dưới **sự cai trị độc tài** của **nhà cầm quyền cộng sản**. Người dân Việt Nam không có những quyền tự do căn bản như tự do tôn giáo, hội họp, báo chí, **ngôn luận**. Trên phương diện **luân lý**, sự **đàn áp** hay hạn chế nhân quyền là **vô nhân đạo,** không thể chấp nhận ở thời đại hiện nay; giống như nạn nô lệ vậy. Về phương diện kinh tế, nhân quyền là **khởi điểm hữu hiệu** nhất cho mọi **tiến bộ** của xã hội. Có tự do, con người mới có những sáng tạo giúp cuộc sống ngày một hoàn thiện hơn và tạo nên một thế giới công bằng.

Nhìn về lịch sử nhân loại, những giá trị tự do, dân chủ và nhân quyền không bao giờ đến tự nhiên mà phải đánh đổi bằng những sự hy sinh to lớn của nhiều người. Người dân Việt Nam muốn có nhân quyền cũng không ngoại lệ. Vì thế cần phải có sự tranh đấu của nhiều người Việt yêu nước mới có thể

tháo gỡ **cái neo** nặng nề của cộng sản đang **ghì** bước tiến con thuyền Việt Nam.

Người Việt hải ngoại sống ở thế giới tự do luôn mong mỏi đồng bào ở Việt Nam cũng phải có các quyền con người như mình và thường xuyên tổ chức những cuộc biểu tình hay **vận động** cho nhân quyền Việt Nam. Đây là cách thức nói lên cho mọi người trên thế giới biết rằng nhà cầm quyền Việt Nam hiện nay không tôn trọng các giá trị nhân quyền.

Tuổi trẻ Việt Nam nên học gương các dân tộc ở những nước độc tài trên thế giới đã đứng lên lật đổ **chế độ** độc tài như Ấn Độ, Phi Luật Tân, Ba Lan, v.v., bằng cách học hỏi để sau này tiếp nối cha anh trong công cuộc tranh đấu nhân quyền cho người dân Việt Nam kém may mắn ở quê nhà. Chỉ khi nào có tự do dân chủ và các quyền làm người được tôn trọng thì Việt Nam mới có thể trở thành một quốc gia độc lập và hùng cường được.

Ngữ vựng:

tranh đấu: *(to fight for)* phản đối, kêu nài để đạt được điều gì
nhân quyền: *(human right)* những quyền căn bản của con người như quyền tự do tôn giáo, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do hội họp
dân bản xứ: *(native people)* người sống ở nơi mình sinh ra
hồi phục: *(to recover)* lấy lại sức lực
sung túc: *(well off, sufficient)* có đầy đủ, dư dả
sự cai trị độc tài: *(dictatorial rule)* sự điều hành một nước dưới độc quyền của một người hay một đảng
nhà cầm quyền cộng sản: *(communist government)* hệ thống điều hành đất nước theo kiểu cộng sản

cộng sản: *(communism)* lý thuyết về đường lối điều hành quốc gia dưới sự độc tài của giai cấp công nhân *(working class)*
tự do ngôn luận: *(freedom of speech)* tự do ăn nói
chiều hướng: *(trend)*
lạc hậu: *(falling behind)* sự xuống dốc, thụt lùi

Lớp 7

luân lý: *(moral)* nguyên tắc về sự đúng sai, phải trái
đàn áp: *(to suppress)* đè nén bằng sức mạnh
vô nhân đạo: *(inhuman)* không có tính người, độc ác
khởi điểm: *(starting point)* điểm bắt đầu
hữu hiệu: *(efficient)* có hiệu quả
sự tiến bộ: *(progress, advance)* sự khá hơn, tốt hơn
cái neo: *(anchor)*
ghì: *(to hold back)* làm cho chậm lại
vận động: *(to campaign)*
chế độ: *(regime, system)*

B. Trả lời câu hỏi

1. Hãy kể 3 quyền tự do căn bản.

_____

_____

2. Tại sao sự độc tài là không đúng?

_____

_____

_____

3. Vì sao người Việt hải ngoại tranh đấu cho nhân quyền ở Việt Nam?

_____

_____

_____

4. Tuổi trẻ nên làm gì để tiếp nối công cuộc tranh đấu cho nhân quyền này?

_____

_____

C. Phân biệt ý nghĩa

nhân: *(men)* người
nhân công: *(labor)*; **nhân danh:** *(on behalf of)*; **nhân dân:** *(people)*; **nhân đạo:** *(humane)*; **nhân gian:** *(this world)*; **nhân hậu:** *(kindness);* **nhân loại:** *(mankind)*; **nhân mạng:** *(human life)*; **nhân lực:** *(human power);* **nhân phẩm:** *(human dignity)*; **nhân tạo:** *(artificial)*; **nhân viên:** *(personnel)*

nhân: *(cause)* nguyên nhân; **nhân quả:** *(cause anh effect)*

nhân: phần lõi bên trong
bánh bao nhân thịt; bánh trung thu nhân thập cẩm; bánh ít nhân tôm thịt

nhân: *(multiply)* tính nhân; 2 nhân 3 là 6
nhân: lòng thương người; **có lòng nhân**: có lòng thương người; **nhân nhượng:** *(to make concession)*

giáo: *(to teach, to instruct)* dạy, chỉ bảo
giáo sư: *(professor)*; **giáo dục:** *(education)*; **giáo huấn:** *(to educate, to teach)*; **sách giáo khoa:** *(textbook)*; **mẫu giáo:** *(elementary)*; **giáo viên:** *(primary school teacher)*

giáo: *(religion, cult)* đạo, tôn giáo
giáo sĩ: *(missionary)*; **giáo dân:** *(Catholic)* người theo đạo Công giáo; **Giáo hoàng:** *(Pope);* **giáo hữu:** những người theo cùng một tôn giáo; **giáo lý:** *(dogma, doctrine)*; **giáo đường:** *(church)*

Lớp 7

ngôn: lời nói
ngôn ngữ: *(language)*; **tự do ngôn luận:** *(freedom of speech)*; **châm ngôn:** *(maxim)*; **danh ngôn:** *(famous words)*; **phát ngôn viên:** *(spokeman)*; **tuyên ngôn độc lập:** *(declaration of independence)*; **thông ngôn:** *(interpreter)*

hồi: trở lại
hồi âm: *(to answer a letter)*; **hồi hương:** *(to repatriate)*; **hồi hưu:** *(to retire)*; **hồi ký:** *(memoir)*; **của hồi môn:** *(dowry)*; **hồi phục:** *(to recover)*

hồi: *(time, period)*
hồi 2 giờ: *(at two o'clock)*; **hồi ấy, hồi xưa:** *(at that time)*; **hồi nãy:** *(just now)*; **hồi trước:** *(previously)*

hồi: khoảng thời gian liên tục; **hồi trống**; **hồi chuông**

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ)

1. (nhân danh) _____

_____

2. (nhân lực) _____

_____

3. (giáo sư) _____

_____

4. (giáo dân) _____

_____

5. (giáo viên) _____

_____

6. (châm ngôn) _____

_____

7. (phát ngôn viên) _____

_____

_____

8. (hồi âm) _____

_____

9. (hồi xưa) _____

_____

10. (hồi phục) _____

_____

D. Văn phạm

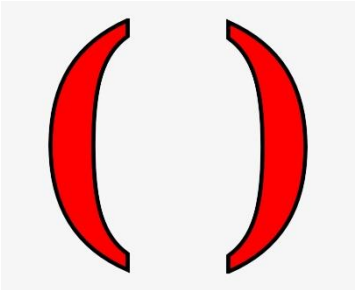

Dấu ngoặc đơn ( )

1. Dùng để đóng khung phần giải thích, thêm nghĩa cho chữ hay nhóm chữ đi trước nó.

Thí dụ:

- Khi anh làm xong hết những việc này (và không còn việc gì khác) thì anh được ra về.
- Tổng số học sinh của trường Việt Ngữ này là 300 em (tính theo con số ghi danh).

2. Dùng để đóng khung các số thứ tự trong câu.

Thí dụ:

- Nhà em có 3 phòng ngủ: (1) phòng ba má rộng nhất với phòng tắm riêng, (2) phòng chị Kim có cửa sổ hướng ra sân sau rất mát mẻ,

và (3) phòng em có cửa sổ quay ra mặt đường về hướng Đông để đón mặt trời mỗi buổi sáng.

- Cách nấu cơm gồm có những bước sau đây: (1) vo gạo, (2) ngâm gạo trong nước khoảng 1 tiếng để cho gạo thấm nước, (3) nhắm chừng mực nước cao hơn gạo khoảng nửa đốt ngón tay và bỏ lên bếp nấu (đậy vung kín), và (4) khi cơm sôi và cạn hết nước thì vặn nhỏ lửa, để riu riu khoảng 15 phút thì cơm chín.

Đặt câu với dấu ngoặc đơn.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

_____

_____

Đề tài bài luận văn

Ông bà, ba má em đã trải qua một cuộc hành trình đầy khó khăn để đến xứ Mỹ này và đã phải làm việc vất vả để tạo lập cuộc sống vững chãi ngày nay.

Em hãy kể về những khó khăn mà ông bà, ba má em đã trải qua.

Em học được bài học gì khi biết được sự hy sinh to lớn này của ông bà, ba má?

Bài học 18

A. Tập đọc và viết chính tả

Học Tiếng Việt Là Cần Thiết

Từ khi người Việt bỏ nước ra đi **tỵ nạn** cộng sản sau năm 1975, vấn đề giữ gìn Tiếng Việt trở thành **mối ưu tư** cho nhiều người Việt hải ngoại. Phải chăng số phận tiếng Việt cũng sẽ giống như ngôn ngữ của các **sắc dân thiểu số** khác ở Mỹ và sẽ bị mờ dần theo thời gian? Theo lịch sử **di dân**, khi một nền văn minh thấp trộn lẫn với nền văn minh cao hơn thì nền văn minh thấp sẽ bị nuốt chửng. Tiếng nói cũng sẽ chung số phận này. Đây là một thực tế không mấy sáng sủa cho tương lai Tiếng Việt ở hải ngoại. Vì vậy, để bảo tồn Tiếng Việt ở hải ngoại chắc chắn phải cần có nhiều nỗ lực.

Học một ngôn ngữ không chỉ **đơn thuần** học một kiểu xếp chữ lạ lùng mà chính là học văn hóa của một giống người: cách sống, cách biểu hiện, sự suy nghĩ, sự khôn ngoan, kinh nghiệm, và tình cảm của một dân tộc. Học Tiếng Việt là tìm hiểu kinh nghiệm sống và nền văn hóa trải dài bốn ngàn năm với biết bao kiến thức đặc thù quý giá, rất bổ ích cho **sự thăng tiến** bản thân.

Người Việt học Tiếng Việt thì chẳng khác nào soi mình trong gương; vừa thích hợp vừa dễ dàng. Nhiều người trẻ lầm tưởng rằng mình chỉ thích hợp với văn hóa Mỹ mà khinh thường những giá trị Việt Nam. Câu nói "Lá rụng về cội" cho ta thấy một thực tế của đời người. Khi tuổi càng lớn, người ta càng cảm thấy muốn trở về với cội nguồn. Nếu một người không biết cội nguồn mình ở đâu thì sẽ đi đến **khủng hoảng tâm lý**.

Ngày nay, sự tiến bộ của xã hội tùy thuộc sự khác biệt chứ không phải đồng nhất. Sự khác biệt về cách suy nghĩ dễ nảy ra những phát minh mới lạ và đây chính là yếu tố của sự tiến bộ. Một quốc gia có nhiều phát minh sẽ là

quốc gia đứng hàng đầu thế giới. Hoa Kỳ giữ vị trí hàng đầu thế giới vì có nhiều sắc dân; nhiều sắc dân mang tới nhiều tư tưởng mới lạ giúp cho xã hội sinh động và không ngừng tiến lên. Người Việt ở xứ Mỹ cũng đã từng có những đóng góp tích cực cho nước Mỹ. Những đóng góp này chỉ có thể tiếp tục ngày càng nhiều hơn khi văn hóa Việt còn tồn tại và phát triển.

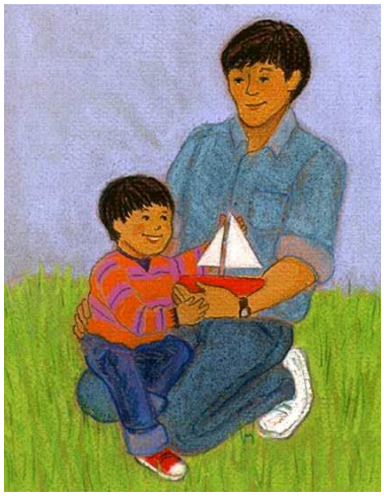

Trong các cộng đồng người Việt ở hải ngoại; nơi trú thân cho nhiều người Việt và là **tụ điểm** văn hóa Việt ở hải ngoại, thì việc xây dựng và phát triển cộng đồng cũng phải bắt đầu từ việc **lưu truyền** Tiếng Việt cho thế hệ tiếp nối.

Khi nhận danh xưng người Việt là ta đang ám chỉ quê hương Việt Nam của mình. Một người Việt không có tổ quốc thì không phải là người Việt thực sự, mà chỉ là người Việt qua bộ áo. Ngày nay quê hương Việt Nam đang **quằn quại** dưới ách thống trị bạo tàn của chế độ cộng sản. Dân Việt không có những quyền tự do căn bản làm người. Đây là điều đáng lẽ ra không thể xảy ra cho bất cứ dân tộc nào đang ở thời điểm văn minh của thế kỷ 21. Là người Việt thì phải có mối quan tâm về sự **hưng vong** của tổ quốc mình. 'Một con ngựa đau, cả tàu không ăn cỏ', giống vật còn biết thương đồng loại của chúng, **huống hồ** con người.

Học Tiếng Việt là điểm khởi đầu để sống làm người Việt, đóng góp cho đất nước sở tại, cho cộng đồng và giúp **hưng phục** quê hương Việt Nam.

Ngữ vựng:

tỵ nạn: *(to run from danger, to take refuge)* chạy ra khỏi nơi nguy hiểm tới nơi an toàn hơn

mối ưu tư: *(worriness)* sự lo lắng

sắc dân: *(ethnic)* một giống dân

thiểu số: *(minority)* số ít

di dân: *(emigration)* sự di chuyển dân cư từ vùng này tới vùng khác với số lượng lớn

đơn thuần: *(pure)* không trộn lẫn những thứ khác

Lớp 7

sự thăng tiến: *(progress, advancement)* sự đi lên, tiến bộ
khủng hoảng tâm lý: *(psychological crisis)* tình trạng mất quân bằng trong suy nghĩ, cảm tính và thường dẫn đến những hành động bất thường.
thâm tâm: *(deep inside the heart)* tậm bên trong đáy lòng
tụ điểm: *(concentration point)* điểm hội tụ, nơi mọi thứ hướng về
lưu truyền: *(to hand down)* truyền lại, để lại
quằn quại: *(to writhe, to squirm)* uốn mình trong sự khó chịu, đau đớn
hưng vong: *(ups and downs)* sự lên xuống, sự hưng thịnh và xuống dốc
huống hồ: *(much less, despite, even though)*
hưng phục: *(to recreate)* xây dựng lại cho khá hơn

B. Trả lời câu hỏi

1. Khi một nền văn hóa cao gặp một nền văn hóa thấp thì nền văn hóa thấp sẽ như thế nào?

_____

_____

2. Học Tiếng Việt thực sự là học gì?

_____

3. Tại sao người Việt học Tiếng Việt thích hợp hơn học một ngôn ngữ khác?

_____

_____

_____

4. Tại sao học Tiếng Việt cũng là đóng góp vào đất nước Hoa Kỳ này?

_____

_____

_____

5. Học Tiếng Việt để làm gì cho quê hương Việt Nam?

C. Phân biệt ý nghĩa

đơn: *(single, alone)* có một
đơn độc: *(alone)*; **đơn giản, đơn sơ:** *(simple);* **đơn thân độc mã:** một mình một ngựa; **đơn vị:** *(unit)*

đơn: *application, request, petition*
đơn xin việc: *(job application)*; **đơn khiếu nại, đơn kiện:** *(complaint)*; **đơn thuốc:** *(prescription)*

kép: *compound, double*
danh từ kép: *(compound noun)* danh từ gồm có 2 chữ như *"quê hương"*

kép: *(actor)*; **đào kép:** *(actress and actor)*

thăng: *(to ascend)* lên
được thăng chức, thăng cấp: *(to be promoted)*; **máy bay trực thăng:** *(helicopter)*; **thăng trầm:** *(ups and downs)*
thăng bằng: *(equilibrium)*; **mất thăng bằng:** *(to lose one's balance)*

giáng: *(to descend)* xuống
giáng cấp, giáng chức: *(to demote)*; **giáng họa:** *(to bring disaster)*; **lễ Giáng Sinh:** *(Christmas)*; **giáng trần, giáng thế:** *(to descend from heaven)*

Lớp 7

Đặt câu với những chữ sau đây:

(chỉ cần đặt câu đủ để nói lên ý nghĩa của chữ)

1. (đơn giản) _____

_____

2. (đơn vị) _____

_____

3. (đơn độc) _____

_____

4. (tĩnh từ kép) _____

_____

5. (thăng cấp) _____

_____

6. (máy bay trực thăng) _____

_____

7. (giáng cấp) _____

_____

8. (giáng trần) _____

_____

D. Văn phạm

Dấu ngoặc đơn ( )

1. Dùng để xác nhận chữ viết bằng số

Thí dụ:

- Hôm nay là sinh nhật thứ tám mươi ba (83) của bà ngoại.
- Người Mỹ đã đặt chân lên mặt trăng đầu tiên vào tháng Bảy (7) năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín (1969).

Lớp 7

2. Dùng để làm rõ nghĩa hơn cho phần đi trước

Thí dụ:

- Từ đây tới đó cũng không còn bao xa (khoảng 3 dặm).
- Với thời gian dài sống ở Mỹ (1975 – 2019), nhiều người Việt Nam ngày nay đã quên dần Tiếng Việt.

Đặt câu với dấu ngoặc đơn.

1. (trường hợp 1) _____

_____

_____

2. (trường hợp 1) _____

_____

_____

3. (trường hợp 2) _____

_____

_____

4. (trường hợp 2) _____

_____

_____

Đ. Luận văn

Đề tài bài luận văn

Hãy nói lên cảm nghĩ của mình đối với chuyện học Việt Ngữ như: cảm nghĩ về thầy cô, bạn bè trong lớp Việt Ngữ, những khó khăn khi học Việt Ngữ và em có những đề nghị thế nào để việc học Việt Ngữ có hiệu quả hơn?

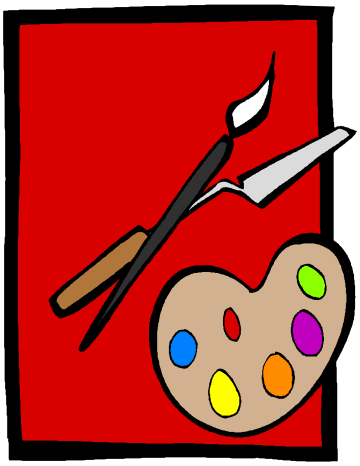

Lớp 7

Bài kiểm 1 *(bài 1 – 3)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Hai nhánh của sông Mê Kông khi chảy vào Việt Nam có tên là gì?

_____

_____

2. Thành phố lớn nhất miền Tây tên là gì và nằm bên bờ sông nào?

_____

3. Lối hát vọng cổ được dân miền nào của Việt Nam yêu thích nhất?

_____

4. Vua Chế Mân dâng phần đất nào cho Đại Việt để làm lễ vật cầu hôn Công Chúa Huyền Trân?

_____

_____

5. Vì sao dân Đại Việt nhớ ơn Công Chúa Huyền Trân?

_____

_____

Lớp 7

C. Đặt câu với những chữ sau:

1. (xuất sắc) _____

_____

_____

2. (sáng như ban ngày) _____

_____

_____

3. (tử tế) _____

_____

_____

4. (thượng hạng) _____

_____

_____

Đặt câu với yêu cầu sau đây:

5. (câu với 2 dấu phẩy) _____

_____

_____

6. (câu với 2 dấu phẩy) _____

_____

_____

Lớp 7

Bài kiểm 2 *(bài 4 – 6)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Ranh giới của hai miền Nam Bắc ở đâu sau Hiệp Định Genève?

_____

_____

2. Tên hai vị tổng thống của thời Việt Nam Cộng Hòa là gì?

_____

_____

3. Lễ Vu lan được cử hành khi nào và với mục đích gì?

_____

_____

4. Vịnh Hạ Long nổi tiếng thế nào?

_____

_____

5. Kể tên hai đảo và hai hang của Vịnh Hạ Long?

_____

_____

Lớp 7

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (tổng quát) _____

_____

_____

2. (mới nguyên) _____

_____

_____

3. (bất công) _____

_____

_____

4. (thiên tai) _____

_____

_____

5. (bi quan) _____

_____

_____

6. (Ngày Mẹ) _____

_____

_____

Lớp 7

Bài kiểm 3 *(bài 7 – 9)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Kháng chiến Lam Sơn kéo dài từ năm nào tới năm nào?

_____

2. Hai vùng sản xuất nước mắm nổi tiếng ở Việt Nam là gì?

_____

_____

3. Nước mắm ngon thường được làm từ cá gì?

_____

4. Vào năm 1932, chính quyền Pháp đã sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh nào của Việt Nam?

_____

_____

5. Tại sao Trung Cộng muốn chiếm lấy Hoàng Sa và Trường Sa?

_____

_____

_____

Lớp 7

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (chính thức) _____

_____

_____

2. (tư gia) _____

_____

_____

3. (công ty) _____

_____

_____

4. (cố ý) _____

_____

_____

Đặt câu theo yêu cầu sau đây:

4. (câu với dấu chấm phẩy) _____

_____

_____

_____

5. (câu với dấu chấm phẩy) _____

_____

_____

_____

Lớp 7

Bài thi giữa khóa *(bài 1 – 9)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Đồng bằng của miền Nam do đâu mà có?

_____

_____

2. Tên của bài hát vọng cổ đầu tiên là gì?

_____

3. Vì lý do gì Vua Trần Nhân Tông hứa gả Công Chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân?

_____

_____

4. Quốc Gia Việt Nam Cộng Hòa được thành lập năm nào? Ai là quốc trưởng?

_____

_____

5. Truyền thuyết về Vịnh Hạ Long thế nào?

_____

_____

6. Theo luật để tang cha mẹ qua đời, con cái phải để tang mấy năm?

_____

_____

7. Ai là người đã hy sinh cứu Lê Lợi ở Chí Linh?

_____

8. Trong cách làm nước mắm, cá được ủ bao nhiêu lâu thì cá chín và cho ra nước mắm?

_____

_____

9. Hoàng Sa và Trường Sa nằm trong vùng biển có tên là gì?

_____

_____

10. Kết quả của trận hải chiến năm 1974 ở Hoàng Sa giữa Việt Nam Cộng Hòa và Trung Cộng là thế nào?

_____

_____

_____

_____

C. Đặt câu

với dấu phẩy.

1. _____

_____

_____

2. _____

_____

_____

với dấu chấm phẩy.

3. _____

_____

_____

4. _____

_____

_____

5. _____

_____

_____

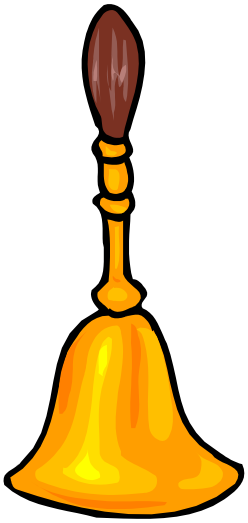

Lớp 7

Bài kiểm 4 *(bài 10 – 12)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Bàn thờ gia tiên thường có những gì?

_____

_____

2. Khi cúng tổ tiên, người ta đốt vàng mã để làm gì?

_____

_____

3. Sông Hồng bắt nguồn từ đâu? Dài bao nhiêu?

_____

_____

4. Phụ lưu chính của Sông Hồng là sông gì?

_____

_____

5. Cuộc kháng chiến Lam Sơn kéo dài trong bao nhiêu năm? Và kết thúc ra sao?

_____

_____

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (tâm hồn) _____

_____

_____

2. (bí mật) _____

_____

_____

3. (đại đa số) _____

_____

_____

Đặc câu với:

4. (dấu hai chấm) _____

_____

_____

5. (dấu ba chấm) _____

_____

_____

Lớp 7

Bài kiểm 5 *(bài 13 – 15)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Ý nghĩa của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là gì?

_____

_____

2. Vua Hùng Vương đầu tiên là con của ai?

_____

_____

3. Văn chương bình dân là gì?

_____

_____

4. Câu ca dao nào chống lại hủ tục lấy nhiều vợ?

_____

_____

5. Thành phố nổi tiếng ở Tây Nguyên là gì? Và nổi tiếng thế nào?

_____

_____

_____

Lớp 7

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (thống nhất) _____

_____

_____

2. (thất bại) _____

_____

_____

3. (thất vọng) _____

_____

_____

4. (tứ cố vô thân) _____

_____

_____

5. (cơ nghiệp) _____

_____

_____

6. (đồng bào) _____

_____

_____

Lớp 7

Bài kiểm 6 *(bài 16 – 18)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Vì sao Nguyễn Trãi không tiếp tục tiễn cha mà quay về nước?

_____

_____

2. Bài Bình Ngô Đại Cáo nói lên điều gì?

_____

_____

3. Vì sao người Việt hải ngoại tranh đấu cho nhân quyền ở Việt Nam?

_____

_____

_____

4. Học Tiếng Việt thực sự là học gì?

_____

5. Tại sao học Tiếng Việt cũng là đóng góp vào đất nước Hoa Kỳ này?

_____

_____

_____

Lớp 7

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (dòng họ) _____

_____

_____

2. (giành giật) _____

_____

_____

3. (nhân đạo) _____

_____

_____

4. (hồi nãy) _____

_____

_____

5. (thăng bằng) _____

_____

_____

6. (giáo dân) _____

_____

_____

Lớp 7

Bài thi cuối khóa *(bài 10 – 18)*

A. Viết chính tả

Chọn một phần của một bài tập đọc để viết chính tả.

B. Trả lời câu hỏi

1. Bài vị trên bàn thờ gia tiên được ghi những gì?

_____

_____

2. Hà Nội thuộc về đồng bằng sông nào?

_____

3. Khi lên ngôi vua, Lê Lợi đã đổi tên thành Thăng Long thế nào?

_____

_____

4. Tên của thể thơ ca dao là gì? Thể thơ đó thế nào?

_____

_____

5. Ý nghĩa của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là gì?

_____

_____

6. Thành phố nổi tiếng ở vùng Tây Nguyên là gì và nổi tiếng thế nào?

_____

_____

_____

7. Nguyễn Trãi giúp Lê Lợi thế nào trong kháng chiến Lam Sơn?

_____

_____

8. Hãy kể 3 quyền tự do căn bản.

_____

_____

9. Học Tiếng Việt để làm gì cho quê hương Việt Nam?

_____

_____

_____

10. Tại sao người Việt học Tiếng Việt thích hợp hơn học một ngôn ngữ khác?

_____

_____

_____

C. Đặt câu với những chữ sau đây:

1. (uy tín) _____

_____

_____

2. (nguồn cảm hứng) _____

_____

_____

Lớp 7

3. (đơn giản) _____

_____

_____

Đặt câu với dấu:

4. (dấu hai chấm)_____

_____

_____

5. (dấu ba chấm) _____

_____

_____

6. (dấu ngoặc đơn) _____

_____

_____

Quốc Kỳ Việt Nam

(Vietnam National Flag)

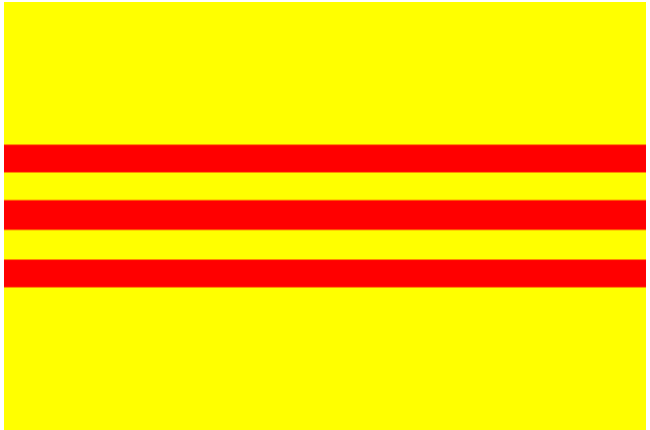

Quốc ca Việt Nam

(Vietnam National Anthem)

Này công dân ơi! Đứng lên đáp lời sông núi!
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống.
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thây phơi trên gươm giáo,
Thù nước lấy máu đào đem báo.
Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy,
Người công dân luôn vững bền tâm trí,
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi,
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.
Công dân ơi! Mau hiến thân dưới cờ,
Công dân ơi! Mau làm cho cõi bờ,
Thoát cơn tàn phá, vẻ vang nòi giống,
Xứng danh nghìn năm dòng giống Lạc Hồng.